

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN

SƠ THẢO

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỒNG HỖ

(1930 - 1995)

HUYỆN ỦY ĐỒNG HỖ XUẤT BẢN
NĂM 1997

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ huyện Đồng Hỷ ra đời trong cao trào cách mạng tháng Tám năm 1945 và có một truyền thống đấu tranh cách mạng rất đáng tự hào ở tất cả các thời kỳ từ cách mạng dân tộc dân chủ đến xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, từ năm 1996 Ban Thường vụ Huyện ủy đã ra Nghị quyết về nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ thời kỳ 1930 - 1995, nhằm từ thực tế lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ, rút ra những bài học để bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức và lối sống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Triển khai Nghị quyết trên, thời gian vừa qua, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo công tác sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn. Đến nay, cuốn “Lịch sử đảng bộ huyện Đồng Hỷ” giai đoạn 1930-1995 đã hoàn thành.

Nội dung cuốn sách dựa vào các nguồn tư liệu thành văn và hồi ký của các cán bộ lão thành, các đồng chí lãnh đạo ở địa phương trong các thời kỳ trước. Trong quá trình làm việc, bộ phận biên soạn gặp khó khăn lớn là tài liệu thành văn từ năm 1965 về trước không đầy đủ, nhất là thời kỳ trước cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp hầu như không có, phải dựa vào hồi ký cách mạng là chính.

Vì vậy, để bảo đảm nội dung lịch sử và chất lượng cuốn sách, Huyện ủy đã tổ chức các cuộc tọa đàm, có các đồng chí lãnh đạo cũ, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí trong Ban Thường vụ huyện ủy và các đồng chí cán bộ nghiên cứu, biên soạn tham dự. Bên cạnh Ban chỉ đạo của huyện, Huyện ủy còn mời Lịch sử Đảng tỉnh với tư cách mạng cơ quan hướng dẫn nghiệp vụ, giám định tư liệu lịch sử.

Tuy chưa thật đầy đủ, cuốn sách đã trình bày có hệ thống 50 năm xây dựng, đấu tranh, trưởng thành của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện nhà từ khi Đảng bộ ra đời, với những diễn biến chính trong từng thời kỳ, trong mối liên hệ chặt chẽ với tình hình của tỉnh và cả nước.

Lịch sử đảng bộ Đồng Hỷ 1930 -1995 là những oanh liệt được viết nên bằng máu, nước mắt mồ hôi và công sức của những đảng viên, cán bộ và quần chúng trung kiên của đảng đã dũng cảm phấn đấu hy sinh không hề tính toán cá nhân cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng, của dân tộc, của đất nước. Từ trong những trang sách toát ra những bài học quý giá, rạng ngời những tấm gương mẫu mực của những chiến sỹ cộng sản và sức mạnh dõng dạc non lép biên của quần chúng nhân dân các dân tộc trong huyện dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng chính là để kế thừa và phát huy sức mạnh tinh thần vĩ đại, truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng và của nhân dân ta, giúp chúng ta rèn luyện tốt hơn trong hoàn cảnh mới, xứng đáng là những người cộng sản chân chính của thế hệ Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn cuốn sách. Huyện ủy Đồng Hỷ đã nhận được sự quan tâm nhiều mặt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, sự hợp tác của khoa sử trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên, những ý kiến đóng góp của nhiều cán bộ lão thành, các cơ quan, đoàn thể trong huyện. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Mặc dù trong quá trình nghiên cứu, biên soạn đã có nhiều cố gắng, song cuốn “Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ” chắc chắn không tránh khỏi những nhược điểm và thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc gần xa.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 68 ngày thành lập Đảng và kỷ niệm 53 năm ngày thành lập Đảng bộ huyện, chúng tôi xin giới thiệu cuốn “lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ” (1930 -1995) với đồng bào, đồng chí trong huyện và bạn đọc thân thiết của huyện Đồng Hỷ.

Tháng 2 -1998

Ban Thường vụ huyện ủy Đồng Hỷ

Bí thư

NGUYỄN SƠN OANH

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ

(1930 -1995)

CHƯƠNG I

HUYỆN ĐỒNG HỖ QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Theo sách “Đại Nam nhất thống chí”, vào đời Lê Hồng Đức, huyện Đồng Hỷ nằm trong phủ Phú Bình thuộc xứ Thái Nguyên, do phiên thân họ Ma nối đời cai trị. Đời Nguyễn Gia Long vẫn giữ nguyên như thế. Lý sở đặt tại xã Nhẫm Quang. Đến năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), triều Nguyễn định ra chế độ lưu quan, lý sở chuyển về xã Huống Thượng. Vào thời ấy, huyện Đồng Hỷ gồm 9 tổng, 22 xã¹; từ đông sang tây cách nhau 41 dặm, nam -bắc cách nhau 97 dặm; phía đông đến tận địa giới huyện Tư Nông (nay là huyện Phú Bình), phía tây đến địa giới huyện Phú Lương (thuộc phủ Tùng Hóa), phía nam đến địa giới huyện Phổ Yên, phía bắc đến địa giới huyện Võ Nhai.

Trải qua các thời kỳ lịch sử , phạm vi địa giới huyện Đồng Hỷ đã nhiều lần thay đổi. Cho đến trước năm 1962, Đồng Hỷ bao gồm 29 xã (trong đó có xã Hợp Tiến của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang). Từ ngày 19-10-1962, theo quyết định số 114 của Phủ Thủ tướng, thị xã Thái Nguyên được nâng cấp trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Thái Nguyên. Sáu xã của Đồng Hỷ (Gia Sàng, Cam Giá, Đồng Mỗ, Đồng Quang, Quang Vinh, Đồng Bầm)² được giao về thành phố Thái Nguyên.

Tháng 7-1985, thực hiện Quyết định 102 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Đồng Hỷ lại cắt 2 xã (Bá Xuyên và Tân Quang) để thành lập thị xã Sông Công, giao 2 xã (Bình Sơn và Phúc Tân) cho huyện Phổ Yên và tiếp tục cắt về thành

¹ Theo Dự địa chí của Nguyễn Trãi, huyện Đồng Hỷ có 29 xã, 2 thôn, 20 trang, 1 trại, 1 phường, 1 thị.

² Năm 1960 cắt một phần đất xã Cam Giá để lập khu Gang Thép; một phần đất xã Quang Vinh và một phần đất xã Phúc Hà để lập khu ga Quan Triều - mỏ than- điện Cao Ngạn; một phần đất các xã Đồng Bầm, Cao Ngạn, Hóa Thượng để thành lập thị trấn Chiến Thắng (nay là thị trấn Chùa Hang).

phố Thái Nguyên 7 xã (Tân Cương, Thịnh Đức, Phúc Trìu, Thịnh Đán, Phúc Xuân, Phúc Hà, Tích Lương); đồng thời nhận lại các xã Đồng Bầm, Trại Cau, Chiến Thắng và nhận thêm 4 xã của huyện Võ Nhai (Hòa Bình, Vân Lăng, Tân Long, Quang Sơn).

Từ năm 1985, huyện Đồng Hỷ bao gồm 17 xã, 3 thị trấn (Chùa Hang, Trại Cau, Sông Cầu); diện tích tự nhiên khoảng 50.000 ha, trong đó diện tích canh tác hơn 5000 ha. Huyện lỵ đặt tại xã Đồng Bầm. Về phía đông, huyện Đồng Hỷ giáp tỉnh Bắc Giang; phía tây giáp huyện Phú Lương; phía bắc giáp huyện Võ Nhai; phía nam giáp thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Bình.

Địa hình Đồng Hỷ chia thành hai vùng rõ rệt: phía đông, bắc và tây là vùng rừng núi, phía nam và tây nam là vùng trung du. Nhiều ngọn núi đá có hang động đẹp. Sử cũ chép rằng: núi đá Hóa Trung ở cách huyện Đồng Hỷ 20 dặm về phía tây, trên núi có động, trong động có cột đá; phía trước, phía sau đều có cửa, người ta nhân động làm chùa; về phía nam núi có sông Đồng Mỗ vòng quanh, cũng là nơi thắng cảnh. Sách an Nam chí chép: Núi Long Tuyền ở huyện Đồng Hỷ rộng rãi có thể chứa được 300 người, trong núi có đền thờ Phật Thích ca và các vị Phật tổ; phía đông có một cái lỗ nước suối trong chảy ra thành ao, có rất nhiều cá, người ta đốt đuốc du ngoạn, nếu trong lòng thành kính thì được tùy ý ngao du, nếu trái lại thì gió thổi lửa tắt, không biết lối về. Các xã Quyết Thắng, Lương Sơn, Thịnh Đức, Phúc Trìu, Linh Sơn, Quang Trung là vùng đất Feralit màu vàng đỏ trên phiến thạch sét, có khả năng trồng cây công nghiệp (chủ yếu là chè) và cây ăn quả. Đất Feralit màu nâu vàng phát triển trên phù sa cổ có ở các xã Tân Quang, Thành Công, Thịnh Đức, Tân Cương, Minh Lập, Dân Chủ, Bình Sơn, Linh Sơn, Cao Ngạn. Vùng này có thể trồng cây công nghiệp dài ngày (chè) và cây công nghiệp hàng năm (mía, lạc), cây ăn quả (vải, nhãn, mơ, táo, hồng), đồng thời có khả năng cải tạo làm đồng cỏ chăn nuôi, chủ yếu là bãi chăn thả (Thành Công, Thịnh Đức, Bình Sơn, Linh Sơn). Các xã Quang Vinh, Cao Ngạn, Đồng Tiến, Tân Cương, Thành Công, Đồng Bầm, Túc Duyên, Cam Giá, Gia Sàng là vùng đất phù sa Sông Cầu và

sông Công rất thích hợp với việc trồng các loại rau màu, cũng như các loại cây lương thực.

Nằm trong vùng khí hậu gió mùa nhiệt đới, Đồng Hỷ có 4 mùa rõ rệt. nhiệt độ trung bình hàng năm là 22⁰C. Vào mùa hè, tiết trời nóng bức, nhiệt độ trung bình từ 25 đến 27⁰C, mùa đông tiết trời giá lạnh, nhiệt độ dao động từ 12 - 15⁰C, có năm xuống thấp dưới 10⁰C, ảnh hưởng không tốt đến độ sinh trưởng của cây trồng. Lượng mưa trung bình hàng năm là 2200mm. Vào mùa mưa, nước sông dâng cao, thường gây ra lũ lụt, sau lụt là hạn hán kéo dài, gây thiệt hại cho mùa màng.

Huyện Đồng Hỷ có 3 con sông lớn Sông Cầu phát nguyên từ xã Bằng Phúc (huyện Chợ Đông), qua vùng Bạch Thông, Phú Lương, Võ Nhai. Đến địa phận Đồng Hỷ, dòng sông chảy qua các xã: Vân Lãng, Hòa Bình, Minh Lập, Hóa Thượng, Cao Ngạn, Đồng Bầm, Linh Sơn, Huống Thượng, rồi đổ về Phú Bình, Phở Yên, sang vùng Bắc Ninh.

Sông Công bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá (Định Hóa), chảy qua các huyện Định Hóa, Đại Từ, Đồng Hỷ, đổ vào Hồ Núi Cốc và theo hướng tây bắc - đông nam, đi vào địa phận thành phố rồi xuống huyện Phở Yên.

Sông Linh Nham chảy từ Khe Mo, Hóa Trung, qua Linh Sơn rồi hợp lưu với sông Cầu. Sông Linh Nham có một thời nổi tiếng về cá. Xưa kia, nhân dân trong vùng thường truyền tụng câu: “Cá Khe Mo, bò Văn Hảo, lão Trung Thần, dân Hóa Thượng”¹ .

Ba con sông không chỉ là nguồn nước tưới cho đồng ruộng, mà xưa kia còn là tuyến đường thủy quan trọng. Bến ông Đồng Mỗ từ thời trước đã từng là nơi ra vào thường xuyên của các loại thuyền bè. Các hàng lâm thổ sản ở miền ngược theo bè mảng xuôi dòng sông Cầu cập bến Đồng Mỗ, rồi lại tiếp tục về xuôi. Vào mùa mưa, nước sông lên to, thuyền lớn từ Đáp Cầu (Bắc Ninh) có

¹ Khe Mo có nhiều cá, xóm Văn Hảo có đàn bò hàng chục con rất nổi tiếng, làng Cầu Mánh, xóm Trung Thần có ông Khán Thoại đã trên 90 tuổi vẫn còn săn chim được, bà vợ trên 90 tuổi vẫn còn khỏe, 5 đời ở với nhau vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Dân và xã Hóa Thượng là dân gốc, không có đồn điền, nhiều người có học vấn, trình độ dân trí cao.

thể dễ dàng ngược, dòng sông Cầu, thả neo tại bến Đồng Mỗ để chuyển hàng hóa tới các huyện miền núi.

Ngoài đường sông, Đồng Hỷ nằm trên hai trục đường chính. Quốc lộ số 3 từ Hà Nội đến thành phố Thái Nguyên, Cao Bằng. Quốc lộ 1B từ thành phố Thái Nguyên theo hướng đông bắc - tây nam, qua huyện Đồng Hỷ lên Võ Nhai, Bắc Sơn, Lạng Sơn. Nhờ hai tuyến đường bộ quan trọng này, việc giao thông giữa huyện Đồng Hỷ với các địa phương trong, ngoài tỉnh tương đối thuận lợi. Bên cạnh đó là các tuyến đường nhánh nối liền các xã trong huyện và giữa huyện với các huyện khác trong tỉnh.

Đồng Hỷ là miền đất giàu tài nguyên, khoáng sản, Đá vôi, đá hoa có trữ lượng lớn ở vùng Quang Sơn, Chùa Hang, Linh sơn, Tân Long, Mỏ Chì, mỏ kẽm ở Tân Long, Vân Lãng. Trại Cau có mỏ sắt lộ thiên, quặng thuộc loại tốt. Ngay từ năm 1927, 1928, bọn tư bản Pháp đã tiến hành việc thăm dò. Đến năm 1939, chúng tuyển mộ công nhân ở các tỉnh miền xuôi và bắt đầu khai thác từ năm 1940. Trong các khu rừng có nhiều loại gỗ quý, như đinh ở Vân Lãng, Vân Hán, Cây Thị, Hợp Tiến; nghiêng ở Quang Sơn, Tân Long, Vân Lãng... các khu rừng này xưa kia có nhiều loại thú và chim quý như : hổ, gấu, hươu, nai, gà lôi... Nhưng do sự tàn phá vô ý thức của con người, rừng cây bị thu hẹp, nguồn lâm sản quý ngày càng khan hiếm dần. Nhiều khu rừng xanh tốt trước kia đã trở thành khu đồi trọc... Trong những năm gần đây, với phong trào trồng cây gây rừng, nhiều khu đất trống, đồi trọc đang được phủ lại màu xanh.

Dân số huyện Đồng Hỷ tính đến 1995 có 107962 người¹, thuộc 8 thành phần dân tộc anh em: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Cao Lan - Sán Chỉ, H'Mông, Hoa. Chiếm số đông nhất là dân tộc Kinh. Thành phần cư dân này gồm nhiều bộ phận hợp thành. Một bộ phận vốn là dân bản địa, có mặt từ lâu đời, một bộ phận là dân phu được tuyển mộ vào làm công trong các mỏ hoặc đồn điền của bọn chủ người Pháp và người Việt; một bộ phận là những người dân lưu tán, di cư từ các vùng Hà Nam, Nam Định, thái Bình, Hưng Yên... lên

¹ Theo “số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái 1991-1995” - tr.4.

kiếm sống, rồi ở lại sinh cơ lập nghiệp. Trong những năm sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, một số cán bộ được điều động lên xây dựng nông trường, tiếp đó là những đợt di dân đan xen, làm cho cư dân thành phần dân tộc này ngày một tăng thêm.

Mặc dù có những phong tục, tập quán khác nhau, nhưng giữa các dân tộc có mối quan hệ đoàn kết, gắn bó lâu đời. Ngoài tình họ hàng và tình đồng tộc, tình làng nghĩa xóm ngày càng được phát huy. Từ việc ma chay, cưới xin, đến việc làm nhà, đào mương dẫn nước vào ruộng...đều có sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong vùng. Sự hòa hợp giữa các dân tộc ngày càng phát triển trong những năm sau cách mạng tháng Tám và nhất là trong thời kỳ cách mạng XHCN.

Trồng trọt là nghề chính của cư dân huyện Đồng Hỷ. Từ thời xưa, người dân ở đây đã chuyên trồng lúa và các loại hoa màu. Lúa là loại cây lương thực chủ yếu trên đất Đồng hỷ. Trải qua bao đời, người dân ở đây đã chọn lọc, giữ gìn và phát triển các loại giống lúa tốt, có năng suất cao, điển hình là các xã Huống Thượng, Đồng Bầm, Hóa Thượng...

Cùng với cây lương thực và hoa màu, đồng bào địa phương còn trồng các loại cây công nghiệp và cây ăn quả. Đến nay, trên địa bàn Đồng Hỷ, các loại vải thiều, nhãn, mơ, táo, na, hồng...đã và đang được phát triển. Chè là một đặc sản có từ lâu đời của tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đồng Hỷ nói riêng. Chè Tân Cương trước đây đã từng nổi tiếng bởi hương vị thơm mát, đậm ngọt mà không nơi nào có thể sánh được. Ngày nay, Đồng Hỷ có khoảng 1700 ha đất trồng chè, trong đó diện tích trồng chè quốc doanh là 1000 ha. Bên cạnh cây chè là mía. Các xã Vân Lãng, Hòa Bình, Minh Lập...đã hình thành một vùng trồng mía trên 1000 ha, hàng năm sản xuất trên 1 vạn tấn mía cây, cung cấp cho nhà máy đường Minh Lập có công suất 200-300 tấn đường, 100.000 lít rượu cồn thực phẩm, 100 tấn bột giấy. Các xã Hóa Trung, Hóa Thượng, Quang Sơn là vùng đất trồng các loại cây công nghiệp xuất khẩu như: Lạc, chè, sơn, mây, trâu...

Ngoài trồng trọt, Đồng Hỷ có nhiều nghề thủ công. Bên cạnh những nghề thủ công cổ truyền như: rèn đúc nông cụ, nung vôi, làm gạch, đan lát v.v... Đồng Hỷ còn phát triển thêm các cơ sở chế biến gỗ, xẻ đá, cơ khí, mảnh cọ. Mảnh cọ Chiến Thắng, Hợp Thành trước đây đã từng nổi tiếng trên thị trường trong nước và xuất khẩu sang các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Trên địa bàn Đồng Hỷ ngày nay có nhiều cơ sở công nghiệp của Trung ương và địa phương. Mỏ sắt Trại Cau mỗi năm sản xuất hàng vạn tấn quặng sắt cung cấp cho Công ty gang thép Thái Nguyên. Các xí nghiệp đá Núi Voi, Na Giang, Núi Hột chuyên sản xuất các loại đá. Xí nghiệp đá Núi Voi còn có xưởng sản xuất xi măng, các loại gạch hoa trang trí. Xí nghiệp gạch 20-7, gạch Rumani ¹ chuyên sản xuất các loại gạch cao cấp trong xây dựng.

Là một huyện nằm trên các tuyến đường bộ, đường thủy, Đồng Hỷ có nhiều thuận lợi trong việc giao lưu hàng hóa. Từ thời trước, ngoài Huống Thượng là nơi họp chợ sầm uất, tuần sở Đồng Mỗ đã được lập ra, có chợ buôn bán, có phường sản xuất thủ công. Đến thế kỷ XVIII, tuần sở Đồng Mỗ phát triển thịnh vượng, trở thành trung tâm buôn bán giữa các vùng. Mặt hàng trao đổi chủ yếu là các loại lâm, thổ sản. Ngày nay, với sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ, bao gồm các cơ sở mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán, các đại lý và các cửa hàng doanh nghiệp tư nhân, hoạt động thương mại của huyện Đồng Hỷ trở nên rộng lớn, sản phẩm hàng hóa phong phú.

Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh chế ngự thiên nhiên, cùng với truyền thống đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo trong đồng bào không ngừng được phát huy. Xưa kia, nhân dân địa phương đã biết đào mương, phai, đắp đập, làm cọn nước để bảo đảm việc tưới và tiêu nước cho đồng ruộng, biết chế tạo các loại cày, cuốc, liềm, hái, các loại súng, nổ... Nền văn hóa vật chất do nhân dân tạo nên được hình thành và không ngừng phát triển. Trình độ thẩm mỹ, tính sáng tạo của con người ở đây được thể hiện rõ nét trong nghệ thuật kiến trúc các ngôi đền, chùa. Chùa Hang,

¹ Nay là Xí nghiệp xi măng Cao Ngạn.

chùa Đồng Mỗ, đền Góc Sáu, đền Thượng, đền Long Giản, đền Hích... là những công trình nghệ thuật của nhân dân trong vùng. 39 di tích kiến trúc nghệ thuật trên địa bàn Đồng Hỷ đều có vẻ độc đáo với những nét bài trí riêng.

Nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ còn có một đời sống văn hóa tinh thần khá phong phú, đa dạng, chứa đựng nhiều yếu tố tích cực, lành mạnh. Những câu chuyện cổ tích, những bài ca, điệu múa... đều là những tác phẩm nghệ thuật của quần chúng được sáng tạo trong quá trình dựng nước và giữ nước. Dù có những cách thể hiện khác nhau, nhưng tất cả những tác phẩm ấy đều nói lên ước vọng của con người muốn vươn tới cuộc sống tốt đẹp, ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước.

Người dân Đồng Hỷ vốn có đức tính ham học. Bởi vậy, từ những thế kỷ trước, trên vùng đất này đã xuất hiện nhiều người có trình độ học vấn cao.

Ông Đàm Sâm- người xã Sa Khê, nay là thôn Sa Khê, xã Vân Lăng - thi đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ (1511), sau đó được bổ nhiệm làm quan Thượng thư.

Ông Phạm Nhĩ - sinh năm 1450 tại làng Đồng Bẩm, nay là xã Đồng Bẩm - thi đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ (1493); sau đó được bổ nhiệm làm quan tới chức Hàn Lâm viện thư chí, rồi phủ Doãn Phong Thiên (đứng đầu 1 phủ trực thuộc triều đình).

Ông Dương Úc - quê xã Hóa Trung - thi đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ (1541), sau đó được cử làm quan giữ chức Thừa chính sứ ¹.

Nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ rất tự hào về truyền thống đấu tranh của mình. Dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, đồng bào các dân tộc trong vùng đã từng nhiều lần tham gia các cuộc kháng chiến chống quân phong kiến xâm lược phương Bắc. Đặc biệt, vào đầu thế kỷ XV, đất nước ta bị quân Minh xâm lược và đô hộ, nhân dân ta sống trong cảnh lầm than, tang tóc. Trên địa phận Thái Nguyên, quân Minh đi tới đâu cũng đều tàn phá, cướp bóc đến đây. Chúng còn dùng thủ đoạn tuyên truyền, lừa bịp trong dân chúng, hòng làm cho mọi người lầm tưởng rằng quân Minh sang nước ta nhằm giúp khôi phục nhà

¹ Tập san văn hóa Bắc Thái - trang 13, 14.

Trần. Chúng thả xuống sông Cầu và sông Công những tấm thẻ viết những lời tuyên bố hòa bình bịp bợm.

Không cam chịu cuộc đời nô lệ, nhân dân ta ở các địa phương đều nổi dậy khởi nghĩa. Đầu năm 1408, dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang và Nguyễn Đa Bí, nhân dân trong vùng nổi dậy chống lại giặc Minh. Những năm sau, phong trào đấu tranh lan rộng dưới sự lãnh đạo của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân. Nghĩa quân Ông Lão lập căn cứ ở Đồng Hỷ và lan nhanh xuống vùng Bắc Phổ Yên, được đông đảo quần chúng hưởng ứng. Con em đồng bào các dân tộc Đồng Hỷ còn trực tiếp tham gia đội nghĩa quân “Áo đỏ”. Xuất phát từ Thái Nguyên, phong trào “Áo đỏ” mở rộng địa bàn hoạt động ra các vùng xung quanh. Nhờ có sự tham gia của nhân dân, biết dựa vào rừng núi để đánh du kích, phong trào kéo dài trong suốt 17 năm, gây cho địch nhiều tổn thất, “làm cho chúng không thể nào đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền núi rừng bao la của ta”¹

Sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, đất nước ta bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Nhưng đến thế kỷ XVI, Vương triều Lê bắt đầu suy yếu, nạn cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra gay gắt. Giữa thế kỷ XVI, đất nước ta bị chia làm hai miền: từ Thanh Hóa trở ra thuộc họ Mạc (Bắc Triều), từ Thanh Hóa trở vào thuộc họ Trịnh (Nam Triều). Hai tập đoàn phong kiến xung đột lẫn nhau, kéo dài trên nửa thế kỷ. Di tích thành cũ của nhà Mạc đến nay vẫn còn lưu lại ở Núi Voi, Đồng Mỗ, Lưu Xá...đều là những chứng tích lịch sử ghi lại một thời kỳ nhà Mạc đã biến Thái Nguyên nói chung và Đồng Hỷ nói riêng thành bãi chiến trường nhằm chống lại họ Trịnh. Việc xây thành bãi chiến trường nhằm chống lại họ Trịnh. Việc xây thành, đắp lũy lúc đó, ngoài lực lượng binh lính, nhà Mạc còn huy động sức dân, gây nên bao điều thống khổ cho nhân dân. Điều đó đã gây nên sự bất bình trong nhân dân các dân tộc, dẫn đến sự chống đối quyết liệt đối với nhà

¹ Lịch sử Việt Nam - tập I - NXB KHXH -1971- tr.239.

Mạc. Sử cũ chép rằng: một viên quan dưới triều Lê là phó tướng Nông Quận công Trần Đăng Ninh cùng con là triều liệt đại phu Tăng Bình quận công đã tập hợp lực lượng đánh nhau với nhà Mạc. Cả hai cha con đều tử trận. Nhân dân địa phương tỏ lòng ngưỡng mộ, lập đền thờ tại Đòng Mỗ, gọi là đền trần Quận công.

Bước sang thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến đang ngoài khủng hoảng nghiêm trọng. Mâu thuẫn xã hội trở nên sâu sắc. Phong trào nông dân liên tiếp diễn ra. Từ thế kỷ XIX, dưới sự thống trị của vương triều Nguyễn, mâu thuẫn giữa nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến lại càng sâu sắc hơn. Nông dân vẫn tiếp tục nổi dậy khởi nghĩa chống lại chế độ phong kiến thối nát. “Năm 1803, các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, nhất là trấn Thái Nguyên nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa”¹. Tiêu biểu hơn cả là khởi nghĩa do Dương Đình Cúc lãnh đạo (1806-1824) và cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833-1835). Con em đồng bào các dân tộc Đòng Hỷ hăng hái sung vào đội quân ứng nghĩa, góp phần làm cho lực lượng và thanh thế nghĩa quân thêm mạnh, triều đình nhà Nguyễn thêm lúng túng.

Từ giữa thế kỷ XIX, lợi dụng tình trạng suy yếu của triều đình nhà Nguyễn, thực dân Pháp mở cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng và đặt bộ máy cai trị ở các tỉnh đồng bằng, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc.

Ngày 19-3-1884, quân Pháp từ Bắc Ninh kéo sang đánh chiếm thành Thái Nguyên. Chúng đã gặp phải sự kháng cự mãnh liệt của nhân dân các dân tộc trong vùng. Do so sánh lực lượng quá chênh lệch, quân chúng nhân dân không được tổ chức chặt chẽ và thiếu sự chỉ huy thống nhất, nên thành Thái Nguyên lọt vào tay thực dân Pháp. Tuy nhiên, chúng vẫn chưa dám đóng quân ở trong thành, vì nhân dân ở đây còn tiếp tục nổi dậy. Ngày 21-3-1884, quân Pháp được lệnh phải rút khỏi Thái Nguyên về Bắc Ninh. Gần hai tháng sau (10-5-1884), chúng mới quay trở lại chiếm đóng Thái Nguyên. Từ đó, nhân dân Thái Nguyên nói chung và huyện Đòng Hỷ nói riêng phải gánh chịu thêm ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp.

¹ Lịch sử Việt Nam – tập I sách đã dẫn – tr. 382.

CHƯƠNG II

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 8-1945)

I- ĐỒNG HỖ DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP

Sau khi hoàn thành việc đánh chiếm Thái Nguyên, thực dân Pháp bắt đầu thiết lập bộ máy cai trị. Tại Đồng Hỷ, đứng đầu là một viên tri huyện, có hai thừa phái giúp việc (một lục sự và một hành chính). Dưới huyện là 5 tổng, do chánh tổng, phó tổng cai quản. Trong các tổng có các xã, do lý trưởng và phó lý quản trị. Đến năm 1933, Đồng Hỷ chia thành 40 làng. Mỗi làng có một Hội đồng kỳ mục. Hội đồng này được thành lập theo nghị định ngày 25-2-1927 và theo những tập quán địa phương.

Thực dân Pháp duy trì tổ chức làng, xã nhằm sử dụng bộ máy kỳ hào phong kiến để thu thuế, bắt phu, bắt lính, đàn áp nhân dân, cũng như lợi dụng những phong tục tập quán lỗi thời, lạc hậu, kìm hãm nông dân trong vòng lạc hậu để dễ bề thống trị.

Về quân sự, ngoài trại lính khố xanh gồm 195 quân đóng ở trung tâm thị xã, thực dân Pháp còn tổ chức tại Đồng Hỷ một lực lượng hương đồng gồm 110 người để lo việc đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, giữ vững nền an ninh chính trị của chúng.

Trên cơ sở tăng cường bộ máy cai trị, thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn nham hiểm, xảo quyệt để áp bức, bóc lột nhân dân ta.

Thực hiện âm mưu dùng người Việt trị người Việt, chúng lôi kéo một số người thuộc tầng lớp trên, biến họ thành công cụ tay sai phục vụ quyền lợi cho chúng. Chúng chia Đồng Hỷ thành hai vùng: vùng đồn điền và vùng xứ; phân biệt đối xử giữa dân xứ và dân đồn điền, giữa dân ngụ cư và dân chính cư. Dân ngụ cư không được hưởng những quyền lợi như dân chính cư, thậm chí đến lúc

chết, chỗ đất chôn cũng phải mua với giá 3 đồng. Bằng thủ đoạn này, thực dân Pháp gây nên sự chia rẽ trong nhân dân để dễ bề cai trị.

Dựa vào quyền lực, bọn địa chủ Pháp và địa chủ người Việt trắng trợn chiếm đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền. Chỉ tính riêng đồn điền của 4 tên địa chủ đã chiếm tới 8552 ha, trong đó đồn điền của tên địa chủ người Pháp Đơ Môngpơda (De Montpejat) là 3694 ha.¹ Những khu vực chúng chiếm đoạt hầu hết là ruộng đất tốt. Những đồn điền này phần lớn đều trồng lúa, Ngoài ra là chè, cà phê...Phương thức kinh doanh của các chủ đồn điền chủ yếu vẫn là phát canh thu tô theo lối bóc lột phong kiến. Chúng chia ruộng đất là bao loại để thu tô. Loại 1 nộp 8 phương/mẫu, loại 2 nộp 6 phương và loại 3 nộp 3 phương². Chúng không quan tâm đến việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp, khiến cho không những sức lao động bị kiệt quệ, mà đất đai cũng bị bạc màu.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ không những bị cướp đoạt ruộng đất, mà còn phải chịu sưu cao, thuế nặng. Mọi thứ thuế cũ đều tăng vọt và rất nhiều thứ thuế mới được đặt ra. Trong những loại thuế bất công, vô lý thời ấy, tàn nhẫn và vô nhân đạo nhất là thuế thân. Thuế thân đánh vào dân đinh từ 18 đến 60 tuổi. Theo nghị định ngày 2-6-1897, mỗi suất đinh ở Bắc kỳ phải nộp 2,50 đồng (tương đương với 1 tạ gạo theo thời giá lúc đó), nhưng trên thực tế, phải chịu mức cao hơn. Tính đến năm 1933, huyện Đồng Hỷ có 2214 suất đinh, phải nộp cho nhà nước thực dân 6365 đồng thuế thân, trung bình mỗi suất đinh chịu gần 2,90 đồng³. Dã man nhất là người chết cũng không được miễn thuế, người sống phải đóng thay, vì nhà nước thực dân buộc từng làng phải nộp đủ mức thuế đã ấn định.

Bên cạnh thuế thân là thuế ruộng. Trước kia, theo quy định của nhà nước phong kiến Việt Nam, mỗi mẫu ruộng phải nộp 1 đồng. Từ năm 1897, chính quyền thực dân quy định mỗi mẫu ruộng hạng nhất đóng 1,50 đồng, hạng nhì

¹ Esina (echinard) : Tiểu chí Thái Nguyên

² Một phương tương đương 20kg thóc.

³ Esina (Echinard): Tiểu chí Thái Nguyên.

nộp 1,10 đồng và hạng ba là 0đ80, không kể các khoản phụ thu cứ mỗi ngày một tăng. Việc phân định hạng ruộng là tùy thuộc vào hướng có lợi cho bọn thực dân và bọn cường hào ở địa phương.

Mức thuế tăng, nhưng diện tích của đơn vị mẫu để thu thuế lại giảm đi. Một mẫu Việt Nam, theo quy định từ thời Tự Đức là 4970m²; đến năm 1897, ở Bắc Kỳ chính quyền thực dân quy định mỗi mẫu chỉ là 3600m²; do đó thuế ruộng đột nhiên tăng lên. ở Đồng Hỷ, người dân phải nộp 2đ50/mẫu.

Ngoài thuế thân và thuế ruộng, người dân Đồng Hỷ còn phải đóng nhiều khoản thuế khác. Vào năm 1933, với số dân là 9459 người, Đồng Hỷ đã phải nộp cho chính quyền thực dân 25905đ29 tiền thuế các loại, trung bình mỗi người dân trong năm phải nộp gần 2,74 đồng (trong khi đó, giá 1 tạ thóc loại 1 là 3đ50, loại 2 là 3đ20 và loại 3 là 2đ80). Đó là không kể phu phen tạp dịch hàng năm đều trút lên đầu người dân. Mỗi kỳ thu thuế là bao nhiêu tai họa giáng xuống đầu dân nghèo. Không đủ tiền nộp thuế, lập tức họ sẽ bị cầm tù, roi vọt giáng xuống. Cả một bè lũ tay sai, cường hào gian ác thi nhau cướp bóc, vơ vét.

Cùng chung số phận của người nông dân nghèo, người công nhân trong mỏ sắt Trại Cau và Linh Nham cũng bị bọn chủ đẽo xương, róc thịt. Với phương pháp khai thác thủ công, người công nhân làm việc trong các mỏ không có phương tiện bảo hiểm, thời gian lao động từ 10 đến 12 giờ trong ngày, nhưng chỉ nhận được một đồng lương rất rẻ mạt, không đủ nuôi sống bản thân. Tại mỏ Linh Nham, hàng nghìn công nhân sống chui rúc trong các lán trại, không chăn màn, không giường chiếu, quần áo rách rưới, mùa đông, họ phải khoác áo tơi đi làm... ốm đau, bệnh tật phát sinh, làm chết hàng chục người.

Chính quyền thực dân giữ độc quyền sản xuất và bán rượu. Chúng bắt nhân dân ta phải uống “rượu ty”, không được tự sản xuất rượu để uống. Người Việt nam nào nấu rượu sẽ bị bỏ tù, cũng như làng nào không tiêu thụ đủ số rượu mà chúng quy định vẫn phải trả tiền và bị coi là phiến loạn.

Thuốc phiện cũng là một phương tiện bọn thực dân dùng để đầu độc nhân dân ta, làm suy yếu giống nòi Việt Nam. Dưới chế độ thống trị của thực dân

Pháp, thuốc phiện được bán công khai, hàng năm đem lại cho chính quyền thực dân một món lợi nhuận lớn. Ngoài ra, chúng còn mở các tiệm hút, tiệm rượu và sòng bạc, nhằm lôi kéo thanh niên vào con đường nghiện ngập, làm cho họ bị mòn mỏi về thể xác và tinh thần, lãng quên con đường đấu tranh cách mạng.

Kết hợp với thủ đoạn đầu độc bằng rượu cồn và thuốc phiện, với chính sách ngu dân, thực dân Pháp hạn chế đến mức tối đa việc phát triển giáo dục, giam hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt. Cho đến năm 1932, cả huyện Đồng Hỷ mới có một trường tiểu học bán cấp đặt ở Huông Thượng và dành cho con em nhà giàu. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp đã dẫn đến hậu quả tai hại là tuyệt đại đa số trẻ em thất học, hầu hết nhân dân ta đều mù chữ, trình độ hiểu biết rất thấp kém.

Đầu độc về văn hóa, thực dân Pháp một mặt duy trì và khuyến khích những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời, mê tín dị đoan; mặt khác tuyên truyền, phổ biến lối ăn chơi trác táng, trụy lạc.

Công tác y tế, bảo vệ sức khỏe cho người dân không được chú ý. Đến năm 1932, cả tỉnh Thái Nguyên chỉ có một nhà thương 30 giường bệnh đặt tại thị xã, một bệnh xá 30 giường bệnh đặt ở Chợ Chu (Định Hóa). Cả huyện Đồng Hỷ không có một cơ sở y tế nào. Vì vậy, khi ốm đau, bệnh tật, đồng bào các dân tộc thường mời thầy về “cầu ma”, “cúng ma”, trông chờ vào sự may rủi; ít người có điều kiện được điều trị tại nhà thương thị xã, vì giá một chỗ nằm là 5 đồng.

Dưới chế độ thực dân – Phong kiến, nhân dân ta phải sống khổ cực trăm bề. Bị bóc lột đến tận xương tủy, người dân lao động Đồng Hỷ rơi vào cảnh bần cùng. Mặc dù phải làm việc quần quật suốt ngày, một nắng hai sương, bán mặt cho đất bán lưng cho trời, nhưng người nông dân các dân tộc trong huyện vẫn đói, rách quanh năm. Nhiều người dân trong huyện phải tha phương cầu thực. Hầu hết các gia đình nông dân phải đi vay của nhà giàu. Đây lại là một cơ hội để cho bọn cường hào đục khoét, bòn rút thêm của cải của người dân nghèo. Vay một phải trả hai. Nợ nần cứ chồng chất, không sao trả nổi, cuối

cùng họ phải đi ở không công cho chủ nợ. Thân phận của dân ta trong chế độ thực dân - phong kiến không khác gì thân trâu ngựa. Điều đó đã khơi dậy lòng căm thù bọn thống trị, dẫn đến các phong trào đấu tranh diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

II- PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG. NHỮNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN RA ĐỜI

Sẵn có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại bị áp bức, bóc lột tàn bạo, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã từng tham gia đấu tranh chống bọn cướp nước và bán nước. Tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của người nông dân trong phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỷ XIX là khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Từ Yên Thế, địa bàn hoạt động của nghĩa quân lan rộng sang các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên. Vào năm 1908, nghĩa quân YeenThees đã từng hoạt động ở vùng Hóa Thượng, Bắc Đồng Hỷ, Trại Cau và được nhân dân các dân tộc trong vùng ra sức ủng hộ, giúp đỡ. Điều đó khiến thực dân Pháp, mặc dù biết rõ địa bàn hoạt động của nghĩa quân, nhưng đành phải bó tay và chúng phải thừa nhận: “Toàn bộ vùng Nam Thái Nguyên...đều quy thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt các nhà cầm quyền Pháp và bản xứ”¹.

Ngày 30-8-1917, dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến, anh em binh lính người Việt đóng ở Thái Nguyên đã nổi dậy khởi nghĩa. Sau khi tiêu diệt tên giám binh Nôen (Noel) và phó quản, quân khởi nghĩa nhanh chóng phá nhà lao, giải phóng 180 tù chính trị, đánh chiếm kho bạc...làm chủ thị xã. Cùng với nhân dân thị xã, nhân dân các xã Gia Sàng, Đồng Quang, Đồng Bẩm...tích cực ủng hộ nghĩa quân, tham gia lập phòng tuyến Gia Sàng để chặn đánh quân Pháp từ Hà Nội kéo lên.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên tuy thất bại, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn còn vang vọng mãi trong những năm sau này, cổ vũ nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói chung và Đồng Hỷ nói riêng tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh xâm lược.

Ngày 3-2-1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam. Từ khi Đảng ra đời, phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong toàn quốc có những chuyển biến mới. Cao trào cách mạng do Đảng phát động đã diễn ra đều khắp, kéo dài gần 2 năm (1930-1931), đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Trong những năm 1932-1935, mặc dù địch khủng bố trắng, cơ sở Đảng và phong trào cách mạng tuy có tổn thất, nhưng không bị dập tắt, mà vẫn phát triển âm ỉ, để rồi lại bùng lên mạnh mẽ hơn.

¹ Lịch sử Việt Nam - Tập II - In lần thứ 2 - NXB KHXH - 1989 - Tr.79.

Năm 1936, trước sự chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước, vận dụng sáng tạo nghị quyết Đại hội VII của quốc tế Cộng sản, Đảng ta kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng, chủ trương tạm thời rút khẩu hiệu “Độc lập cho dân tộc” và “Ruộng đất cho dân cày”. Từ đó, một phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp kết hợp với đấu tranh bí mật, bất hợp pháp diễn ra sôi nổi khắp cả nước, nhằm đòi các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng do Đảng lãnh đạo, thực dân Pháp phải trả lại tự do cho một số chiến sĩ cộng sản và yêu nước bị chúng bắt trong thời gian trước. Thoát khỏi nhà tù đế quốc, một số cán bộ cách mạng lên vùng Thái Nguyên tiếp tục hoạt động. Trong số này, có các đồng chí Ngọc Lan (tức Đào Văn Long), Lê Văn Ngọ. Một số đảng viên Cộng sản cũng được phân công về Thái Nguyên - một tỉnh lúc đó nổi tiếng là một miền kỹ nghệ, có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung đông công nhân - để gây dựng cơ sở Đảng và cơ sở cách mạng.

Võ Nhai là một trong những nơi có cơ sở Đảng vào loại sớm của tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, chỉ trong một thời gian ngắn (từ nửa cuối năm 1938 đến giữa năm 1939), từ Phú Thượng, Trảng Xá, cơ sở Đảng lan rộng sang Lâu Thượng, La Hiên. Trên thực tế, Võ Nhai trở thành trung tâm chỉ đạo phong trào cách mạng trong tỉnh Thái Nguyên. Cũng vì vậy, các cuộc đấu tranh trong tỉnh thời kỳ này chủ yếu diễn ra ở Võ Nhai. Trong thời kỳ vận động dân chủ (1936-1939) tại Võ Nhai thường xuyên diễn ra các hoạt động tuyên truyền, giác ngộ quần chúng. Các Hội tương tế, hội ái hữu ra đời ở nhiều nơi....Tất cả những sự kiện này đều tác động đến các vùng xung quanh, trong đó có Đồng Hỷ.

Tình hình trên đây khiến cho chính quyền thực dân trong tỉnh Thái Nguyên lo sợ, tìm mọi cách đối phó. Đồng Hỷ lúc bấy giờ là một huyện nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Thái Nguyên và bao quanh thị xã. Do vậy, thực dân Pháp duy trì ở đây một bộ máy đàn áp mạnh, nhằm ngăn chặn phong trào cách mạng của nhân dân ta. Mặc dù vậy, vì tiếp giáp với trung tâm cách mạng Võ Nhai, nên sự xuất hiện cơ sở Đảng cùng với sự phát triển phong trào cách mạng ở vùng này đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng Võ Nhai thời gian này, cũng như những năm tiếp theo, là một trong những nhân tố quan trọng dẫn đến sự ra đời của cơ sở cách mạng ở vùng đông bắc huyện Đồng Hỷ.

Đầu tháng 9 - 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp tham gia chiến tranh. Từ đó, Chính phủ phản động Pháp thi hành chính sách phát xít tàn bạo đối với nhân dân trong nước và các nước thuộc địa. Tại Đông Dương chúng thủ tiêu tất cả những quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta vừa giành được trong thời kỳ 1936-1939 và thay bằng chính

sách khủng bố, đàn áp rất dã man. Đảng cộng sản Đông Dương kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Tháng 6- 1940, nước Pháp bị Đức chiếm đóng. Lợi dụng cơ hội này, sẵn có ý đồ từ trước, ngày 22-9-1940, phát xít Nhật tấn công Lạng Sơn, mở đầu cho cuộc xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp ở đây tuy đông, nhưng chống cự yếu ớt, phần lớn bỏ chạy, qua vùng Bình Gia, Bắc Sơn, về hướng Thái Nguyên.

Chớp thời cơ thuận lợi, một số chiến sĩ cộng sản vừa thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn đã cùng với Đảng bộ Bắc Sơn quyết định phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Ngày 27-9-1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Thực dân Pháp và phát xít Nhật bắt tay nhau và dùng mọi thủ đoạn đàn áp.

Từ sau khởi nghĩa Bắc Sơn, thực hiện nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ VIII, căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai ra đời. Đội du kích Bắc Sơn cũng được củng cố lại và sau đó phát triển thành Cứu Quốc quân.

Hoảng sợ trước làn sóng cách mạng đang dâng cao, thực dân Pháp và tay sai tăng cường khủng bố. Từ tháng 9-1941 trở đi, cuộc khủng bố của Pháp ở Võ Nhai trở nên dữ dội. Cùng với một số nơi (Bắc Sơn thuộc Lạng Sơn, Hữu Lũng, Yên Thế thuộc Bắc Giang), tại Đồng Hỷ địch cũng xây thêm một đồn binh mới ở Tân Lợi (Trại Cau), tạo thành thế bao vây, phong tỏa Võ Nhai. Chúng còn tăng cường mạng lưới mật thám xuống tận các bản làng để dò xét tình hình.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc phát triển lực lượng, giữ vững cơ sở, mở rộng căn cứ ra ngoài vòng vây địch, từ cuối tháng 10 - 1941, Cứu Quốc quân II phân chia thành các tổ công tác đi xây dựng cơ sở. Một tổ do đồng chí Hoàng Tài phụ trách tiến về xã Cây Thị, Mỏ Sắt (xã Hợp Tiến) là những xã vừa nằm kề sát, vừa có nhiều quan hệ với Võ Nhai. Vì vậy, khi Cứu Quốc quân đến tuyên truyền, vận động, nêu rõ chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh, nhân dân hai xã đều nhiệt tình ủng hộ lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Chỉ sau một thời gian ngắn, từ đầu 1942 một số thanh niên hăng hái nhất ở hai xã được tổ chức vào Hội Cứu quốc. Cùng thời gian trên, các tổ chức thanh niên Cứu quốc cũng được xây dựng ở Vân Hán, Khe Mo. Đây chính là những cơ sở cách mạng đầu tiên của huyện Đồng Hỷ. Những cơ sở cách mạng này thực sự đóng vai trò quan trọng trong nhiệm vụ liên lạc, tiếp tế lương thực cho các cơ sở cách mạng ở Võ Nhai.

Trong khi đó, tại Võ Nhai, địch vẫn liên tiếp mở các cuộc càn quét. Trước tình hình này, ủy ban quân sự - chính trị quyết định rút đại bộ phận Cứu quốc quân xuống vùng Bù Cu, Đá Trắng (Cây Thị), nhằm bảo toàn lực lượng. Mất mục tiêu ở Võ Nhai, cuộc khủng bố của địch chuyển xuống địa bàn huyện Đồng Hỷ.

Ngày 15-2-1942, địch mở cuộc vây càn lớn vào Cây Thị nhằm cắt đứt đường dây liên lạc giữa Võ Nhai với Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Trong trận càn này, chúng bắt 3 cán bộ cơ sở của ta, cướp hết thóc, gạo, lợn, gà, đốt cháy 40 nóc nhà của dân. Đồng thời, chúng dồn nhân dân các xã Cây Thị ra trại tập trung ở Trại Cau, dưới sự kiểm soát chặt chẽ của đồn binh tại đây. Sau một tháng khủng bố, chúng lại dồn đồng bào về trại tập trung ở Cây Thị. Đồn binh ở Trại Cau cũng dời vào đóng ở Suối Găng (Cây Thị), nhằm khống chế nhân dân, lung bắt cán bộ cách mạng. Ngày 27-2-1942, thực dân Pháp đưa một đơn vị lính lê dương càn sâu vào khu căn cứ, đàn áp dã man dân chúng trong trại tập trung Cây Thị, làm 40 người chết.

Bị địch khủng bố, cơ sở cách mạng ở Cây Thị tuy có tổn thất nhưng nhân dân ở đây vẫn giữ vững lòng tin vào cách mạng, một lòng trung thành với cách mạng. Vì vậy, đồng bào địa phương vẫn ra sức đùm bọc, che chở cán bộ cách mạng của Xứ ủy thường xuyên qua lại hoạt động. Khu vực đóng quân của Cứu Quốc quân ở Bù Cu, Đá Trắng được giữ vững.

Trong khi phong trào cách mạng ở vùng đông bắc Đồng Hỷ đang bị địch khủng bố dữ dội thì ở phía tây nam huyện, cơ sở cách mạng cũng bắt đầu được nhen nhóm thông qua ảnh hưởng của chi bộ Căng Bá Vân.¹

Căng Bá Vân được xây dựng khoảng năm 1941, nằm ở trung tâm xã Bình Sơn. Từ đầu năm 1942, thực dân Pháp chuyển gần 200 tù chính trị, phần lớn là các chiến sỹ cộng sản, từ Bắc mê (hà Giang) và từ nhà tù Sơn La về giam giữ tại Bá Vân. Những đảng viên của chi bộ Căng lợi dụng lúc đi chợ Mỏ Chè mua nhu yếu phẩm, hoặc đi làm đường, lấy cùi... tìm cách thâm nhập vào quần chúng để từng bước gây dựng cơ sở cách mạng.

Làng Bá Vân lúc đó có nhiều gia đình nghèo khổ, là một trong những nơi đầu tiên được chi bộ Căng chú ý. Từ Bá Vân, cơ sở cách mạng lan sang Ổ Gà, Bình Định (Bình Sơn). Tại Tổng Niệm Công, cơ sở cách mạng lan rộng đến làng Cầu Gáo, Mỏ Chè. Một số quần chúng được tuyên truyền, giác ngộ, tham gia tổ chức cách mạng. Đình Bá Xuyên được chọn làm địa điểm liên lạc bí mật giữa chi bộ Căng với bên ngoài. Ban cán sự Xứ ủy Bắc Kỳ cũng cử một số cán bộ về hoạt động. Ngoài đồng chí Hoàng Quốc Thịnh, còn có các đồng chí Trịnh Thị Tâm, Đào Văn long (tức Ngọc Lan), Lê Văn Ngo, thường xuyên lui tới để chỉ đạo phong trào.

Như vậy, từ những năm 1942, 1943, tại Đồng Hỷ đã hình thành những cơ sở cách mạng đầu tiên ở vùng đông bắc và tây nam. Đây là mốc quan trọng đánh dấu một bước phát

¹ Vùng này lúc đó thuộc Đồng Hỷ, đến năm 1985 chuyển về huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên.

triển mới trong lịch sử đấu tranh của nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ. Từ đó trở đi, Đồng Hỷ thực sự bước vào thời kỳ chuẩn bị mọi mặt, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

III- TÍCH CỰC CHUẨN BỊ MỌI MẶT, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG TOÀN HUYỆN (1943-1945)

Bước vào năm 1943, sau chiến thắng Ztalingrát của Hồng quân Liên Xô, cuộc chiến tranh thế giới thứ hai chuyển sang bước ngoặt mới. Quyền chủ động tiến công từ đó thuộc về Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh.

Trong bối cảnh lịch sử trên, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập cuộc hội nghị từ ngày 25 đến 28-2-1943 để bàn việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng, hầu khắp các địa phương trong cả nước đều xúc tiến mạnh mẽ công tác chuẩn bị lực lượng.

Tại Đồng Hỷ, cơ sở cách mạng ở vùng Tây Nam tiếp tục được mở rộng. Các tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh được xây dựng ở nhiều nơi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Nhận thấy cơ sở cách mạng ở các xã vùng Tây Nam Đồng Hỷ đang trên đà phát triển, Xứ ủy Bắc Kỳ cử thêm cán bộ về đây để cùng với chi bộ Căng Bá Vân tiếp tục củng cố và mở rộng cơ sở. Nhiều thanh niên tích cực, trải qua thử thách, được kết nạp vào Hội thanh niên Cứu Quốc. Nhiều gia đình ở Bá Xuyên, Tân Quang, Bình Sơn, Tân Cương... trở thành cơ sở tin cậy của cán bộ cách mạng.

Được sự chỉ đạo của chi bộ Căng Bá Vân và các cán bộ Xứ ủy, phong trào cách mạng ở các xã vùng Tây Nam Đồng Hỷ ngày càng lên cao. Tiêu biểu cho phong trào thời kỳ này là cuộc đấu tranh của nông dân và tá điền xã Bá Xuyên cùng với các xã lân cận (năm 1943) chống tên chủ đồn điền Sơn Cốt, ngăn chặn âm mưu của y định đuổi dân chiếm đất, mở rộng đồn điền.

Từ phong trào đấu tranh của quần chúng, những cốt cán mới xuất hiện ngày càng nhiều. Các tổ chức Cứu Quốc ra đời và lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, phụ nữ. Các đội tự vệ cũng được xây dựng ở Bá Xuyên, Bình Định... làm nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ đường dây liên lạc. Trang bị của các đội tự vệ phần lớn chỉ là những vũ khí thô sơ, nhưng cán bộ và chiến sĩ được huấn luyện thường xuyên. Nội dung huấn luyện bao gồm các động tác cá nhân chiến đấu, cách sử dụng vũ khí, võ tay không v.v...

Cũng từ đầu năm 1943, sau một thời gian hoạt động ở bên kia biên giới Việt - Trung, Cứu quốc quân II trở về căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai để đẩy mạnh phong trào. Vừa đặt chân tới vùng đất quê hương, Cứu Quốc quân đã phân công đi các hướng để chấp nối cơ sở.

Tháng 3 - 1943, một bộ phận Cứu Quốc quân về đến Khe Mo, Văn Hán và Cây Thị. Riêng bộ phận hoạt động ở Cây thị, ngoài việc chấp nối các cơ sở cũ, xây dựng các tổ chức Cứu Quốc, còn có nhiệm vụ mở rộng địa bàn hoạt động sang vùng Yên Thế (Bắc Giang) để liên lạc với Xứ ủy. Chỉ trong một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng ở Cây thị, Mỏ Sắt được củng cố và phát triển thêm hai cơ sở ở Bãi Bông, Cao Báng (xã Hợp Tiến). Đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Cao Lan...hăng hái tham gia các Hội Cứu Quốc.

Tháng 6 - 1943, bộ phận Cứu Quốc quân hoạt động ở Hợp Tiến đã liên lạc được với Xứ ủy Bắc Kỳ. Từ đó, ba trạm liên lạc của Xứ ủy đặt tại xã Hợp Tiến và Cây Thị (trong đó có hai trạm ở Hợp Tiến) được khôi phục. Những hội viên trung kiên trong các tổ chức thanh niên Cứu Quốc ở hai xã này được giao nhiệm vụ giao thông liên lạc cho Xứ ủy. Cũng thông qua những cơ sở cách mạng ở các xã đông bắc Đồng Hỷ, “con đường quần chúng” - con đường liên lạc giữa Xứ ủy Bắc Kỳ với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai được đánh thông. Nhờ đó, cơ sở và phong trào cách mạng Võ Nhai có điều kiện thuận lợi để tiếp nhận sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ ủy.

Sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc của phong trào cách mạng ở vùng đông bắc Đồng Hỷ chính là cơ sở để từ năm 1944, Xứ ủy quyết định chọn Cây thị làm địa điểm mở lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ các địa phương. Lớp học được tổ chức tại khu rừng Khe Cạn, kéo dài 10 ngày. Trong thời gian ấy, các cơ sở cách mạng và đồng bào các dân tộc trong vùng đã hết lòng bảo vệ và ủng hộ về lương thực, thực phẩm, bảo đảm cho lớp học thu được kết quả tốt đẹp.

Cũng trong thời gian đó, một cuộc họp quan trọng của các cơ sở cách mạng ở vùng Tây Nam Đồng Hỷ được triệu tập tại Bến Bùn (Bên bờ sông Công, thuộc địa phận xã Bá Xuyên), vào tháng 6-1944. Tại cuộc họp này, hai tổ tự vệ của hai xã Bá Xuyên và Bình Sơn được thống nhất thành một tiểu đội. Sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới của lực lượng cách mạng vùng Tây Nam Đồng Hỷ trong quá trình chuẩn bị mọi mặt tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng ở huyện Đồng Hỷ làm cho thực dân Pháp lo ngại và chúng quyết tâm tìm mọi cách triệt phá. Biết rõ vùng Cây Thị là nơi tiếp giáp và có nhiều mối quan hệ với khu căn cứ với Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, kẻ địch luôn tung mật thám về vùng này để dò la. Mặt khác, chúng đưa những tên tay sai đắc lực lên nắm chính quyền ở đây để không ché, kìm kẹp quần chúng.

Ngày 2-11-1944, địch mở cuộc càn lớn vào xã Cây Thị. Chúng bắt được 3 cán bộ cơ sở và tra tấn rất dã man. Do không chịu nổi đòn thù, một trong số 3 cán bộ trên đã cung khai, làm lộ cơ sở cách mạng. Địch tập trung lực lượng, tiếp tục càn sâu vào khu vực bên trong để

lòng bất cán bộ. Nhờ có lực lượng quần chúng hết lòng che chở, bảo vệ, cơ sở cách mạng vẫn được giữ vững.

Cuối tháng 11 -1944, hoạt động cách mạng ở hai khu vực Đông Bắc và Tây Nam Đồng Hỷ lại tiếp tục phục hồi và phát triển. Hai đường dây liên lạc giữa Trung ương và Xứ ủy Bắc kỳ và khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, sau một thời gian bị gián đoạn, đã được đánh thông.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai sắp bước vào giai đoạn kết thúc. Phe phát xít liên tiếp bị tấn công và thất bại trên các chiến trường. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp trở nên sâu sắc, không thể điều hòa, tất yếu dẫn đến cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945.

Tin cuộc đảo chính gây nên sự hoang mang, lo sợ trong hàng ngũ thực dân Pháp ở Thái Nguyên. Các đơn vị vũ trang của Pháp tập trung tại Thái Nguyên nhằm chống Nhật, phải vội vã tháo chạy, bỏ lại bọn quan chức dân sự. Ngày 10-3-1945, quân Nhật từ Hà Nội kéo lên chiếm thị xã Thái Nguyên. Bọn quan chức Pháp đầu hàng và bị Nhật bắt giam. Bọn hiến binh Nhật nghênh ngang đi qua các phố. Bọn tay sai của Pháp trước đây được Nhật võ về, nay quay sang bám gót chủ mới. Tên tri huyện Đồng Hỷ trở thành Huyện trưởng. Bọn Đại Việt trước đây hoạt động giấu mặt, nay công khai lộ diện. Chúng lôi kéo một số công chức thanh niên - phần lớn là con em tư sản, địa chủ - lập ra “Bảo an đoàn”. Chúng lấy đồn điền Kép Le làm trụ sở. Dưới chiêu bài “phụng sự Quốc gia”, bọn tay sai thân Nhật tập hợp con em bọn quan lại có thế lực trong vùng, tổ chức hoạt động chống phá cách mạng. Phát xít Nhật cũng thẳng tay bóc lột nhân dân ta. Ngoài tăng thuế, chúng tiếp tục đẩy mạnh chính sách thu “thóc tạ”, “thóc liên đoàn”, nhổ lúa trồng thầu dầu..., làm cho đời sống nhân dân hết sức cực khổ.

Dưới ánh sáng của bản chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12-3-1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, nhất là ở các tỉnh miền núi Bắc Bộ.

Tại vùng Bắc Sơn - Võ Nhai, Cứu Quốc quân phân chia thành nhiều bộ phận, phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương nổi dậy giành chính quyền. Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, một bộ phận Cứu Quốc quân, do đồng chí Hoàng Thế Thiện phụ trách, tiến về các xã Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo, Hợp Tiến, Hóa Trung... phát động quần chúng trừ gian, diệt ác, tước vũ khí của các đội bảo an, xóa bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời. Các đội tự vệ cũng ra đời và tích cực hoạt động. Nòng cốt của các đội tự vệ chủ yếu là những thanh niên hăng hái, có giác ngộ cách mạng. Dưới sự chỉ dẫn của cán bộ Cứu Quốc quân, các xã liên tiếp mở các lớp huấn luyện cho tự vệ địa phương, lập nhiều vọng gác

ở những nơi xung yếu, tăng cường tuần tra, bảo đảm giao thông liên lạc thông suốt với khu giải phóng.

Tại các xã phía Tây Nam, không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang cũng rất sôi nổi. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, một số cán bộ cơ sở bị địch bắt từ trước, lúc này trở về tìm cách bắt liên lạc với Xứ Ủy Bắc Kỳ. Xứ ủy cũng cử đồng chí Trịnh Thị Tâm cùng với một số cán bộ khác về chỉ đạo phong trào Tây Nam Đồng Hỷ, nhằm củng cố và mở rộng phong trào cách mạng, đồng thời mở rộng đường dây liên lạc của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ lên khu giải phóng.

Được sự chỉ đạo của cán bộ Xứ ủy, chỉ sau một thời gian ngắn, đến nửa cuối tháng 3-1945, các cơ sở cách mạng ở vùng Bá Xuyên, Tân Cương, Bình Sơn, Tân Quang... được củng cố và hoạt động mạnh mẽ. Trong tháng 4-1945, nhiều tổ chức Cứu Quốc được xây dựng ở Phúc Xuân, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tích Lương... Khí thế của quần chúng ngày càng lên cao; phong trào cách mạng ngày càng lan rộng. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ lãnh đạo lại quá ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của phong trào.

Trước tình hình trên, xứ ủy Bắc Kỳ tăng cường thêm một số cán bộ về giúp huyện mở các lớp huấn luyện cấp tốc để đào tạo cán bộ quân sự và chính trị cho các cơ sở.

Lớp học đầu tiên được mở tại xã Bá Xuyên, vào cuối tháng 3-1945, nhằm phổ biến chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng; đồng thời trao đổi những biện pháp lớn để thực hiện nhiệm vụ của Xứ ủy giao cho.

Lớp học thứ hai được tổ chức vào đầu tháng 4-1945 tại Bình Định, thời gian khoảng 10 ngày. Trên 10 cán bộ cốt cán ở các xã phía Tây Nam được cử đến tham dự. Ngoài phần nội dung chính về chính trị và quân sự, lớp học thông qua những biện pháp cụ thể nhằm tiếp tục củng cố, mở rộng cơ sở cách mạng, thu hút những thanh niên tốt vào lực lượng tự vệ.

Lớp học thứ ba được mở vào tháng 4-1945 tại làng Cầu Gáo (Tân Quang). Hầu hết cán bộ của Tân Quang và một số thanh niên hăng hái của xã Đồng Quang (nay thuộc thành phố Thái Nguyên) được cử đến tham dự lớp học này. Sau khi được huấn luyện, các học viên đều trở thành giáo viên chính trị và quân sự cho các đội tự vệ ở cơ sở. Phong trào cách mạng trong khu vực phía Tây Nam huyện dần dần trở thành cao trào rộng lớn. Hầu hết các xã đều có tổ chức Cứu Quốc của Mặt trận Việt Minh.

Cuối tháng 4 - 1945, một cuộc hội nghị quan trọng được mở tại xã Tân Cương. Trên cơ sở kiểm điểm tình hình phong trào cách mạng ở vùng Tây Nam, Hội nghị đề ra chủ trương mới nhằm đẩy mạnh phong trào; đồng thời quyết định lấy vùng Bình Định, Tân Cương, làm

khu vực trung tâm lãnh đạo của xứ ủy Bắc Kỳ. hội nghị còn phân công cán bộ làm nhiệm vụ chỉ đạo phong trào ở các cơ sở.

Trong lúc nhân dân ta đang khẩn trương chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, bọn Việt gian thân Nhật cũng ra sức hoạt động phản cách mạng. Chúng liên tiếp đưa bọn tay chân về Đồng Hỷ, tuyên truyền gây ảnh hưởng cho Nhật, hô hào tổ chức “huấn luyện cho thanh niên để bảo vệ Tổ quốc”, thực chất là biến con em nhân dân trở thành công cụ đàn áp các phong trào yêu nước.

Thực hiện âm mưu thâm độc ấy, tên tay sai thân Nhật Nghị minh cùng đồng bọn kéo về Tân Cương họp các cụ già và kêu gọi mọi người góp gạo nuôi giáo viên huấn luyện quân sự cho thanh niên trong xã. Được sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng, quần chúng nhân dân địa phương đoàn kết đấu tranh chống âm mưu xảo quyệt của kẻ thù. Mọi người đồng thanh đề nghị tiên chi, thứ chi nộp trước, rồi đến chánh tổng, lý trưởng, những nhà giàu có...còn những gia đình nghèo, sẽ được miễn đóng góp. Bị động chạm đến quyền lợi, bọn quan lại, chức dịch địa phương vội gạt bỏ việc góp gạo. Thế là âm mưu của địch định tổ chức huấn luyện cho thanh niên bị thất bại. Bọn Nghị Minh lại đứng ra diễn thuyết, tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á của Nhật, hô hào mọi người làm “cách mạng” và gia nhập khối này. Nhưng trước lý lẽ của quần chúng, bọn tay sai Nhật bị vạch trần bộ mặt phản dân hại nước, phải lạng lẽ rút lui.

Đầu tháng 5- 1945, một cuộc họp lớn bàn việc chống thuế được triệu tập tại Bá Xuyên. Đại biểu các đoàn thể Việt Minh được triệu tập tại Bá Xuyên. Đại biểu các đoàn thể Việt Minh, tự vệ Cứu Quốc ở hầu hết các cơ sở vùng Tây Nam Đồng Hỷ đã đến dự đông đủ.

Tiếp thu nghị quyết của Hội nghị, đến cuối tháng 5 - 1945, cơ sở cách mạng ở các xã Bá Xuyên, Tân Quang, xóm Xuân Đãng (Bình Sơn), xóm Y Na (Tân Cương) đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống thuế thắng lợi. Sau cuộc đấu tranh này, đồng bào các dân tộc trong vùng thêm tin tưởng và phấn khởi; khí thế cách mạng trong quần chúng ngày càng sôi động.

Dựa vào những điều kiện thuận lợi trên, từ cuối tháng 5 đầu tháng 6- 1945, Ban chấp hành Việt Minh ở Bá Xuyên, Tân Cương, Bình Sơn, Tân Quang...phát động quần chúng nhân dân vùng dậy xóa bỏ chính quyền địch, lập ra Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời.

Sự thành lập chính quyền cách mạng ở hai khu vực Đông Bắc và Tây Nam huyện đánh dấu thắng lợi to lớn của phong trào cách mạng Đồng Hỷ; đồng thời tạo ra thế mới cho phong trào toàn huyện. Lúc này, nhiều thanh niên hăng hái xung phong gia nhập các đội tự vệ. Một số cán bộ quân sự được cấp trên cử về giúp đỡ địa phương mở các lớp huấn luyện quân sự ngắn ngày cho lực lượng tự vệ. Các đoàn thể Cứu quốc tích cực vận động nhân dân quyền

góp, ủng hộ lương thực, thực phẩm cho các lớp học. Sau các lớp huấn luyện này, lực lượng tự vệ ở Bá Xuyên, Tân Cương, Bình Sơn, Tân Quang...được tăng cường không chỉ về số lượng, mà cả về chất lượng.

Từ sau ngày khu giải phóng ra đời (4-6-1945), vùng Tây Nam Đồng Hỷ trở thành một cửa ngõ quan trọng trên con đường liên lạc giữa An toàn khu (ATK) II của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ với Tân Trào - Thủ đô khu giải phóng. Nhiều thư từ, báo chí, tài liệu của Đảng được chuyển qua vùng này. Cán bộ Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ cũng thường xuyên qua lại nơi đây. Bình Định trở thành một địa điểm đón tiếp quan trọng. Lực lượng tự vệ Bình Định được giao nhiệm vụ dựng 6 gian lán ở trong khu rừng Chũm Vòi, đồng thời bảo vệ và tổ chức đưa, đón cán bộ qua lại. Nhiều cụ già ở Bình Định, Tân Cương...được giác ngộ, tích cực tạo điều kiện, động viên con cháu tham gia hoạt động và đón tiếp cán bộ cách mạng.

Cũng từ sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), lợi dụng lúc tình hình chính trị, xã hội không ổn định, một toán cướp núp dưới danh nghĩa “Đồng minh” tăng cường hoạt động ở địa phận giáp giới ba huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ, để chống phá cách mạng và cướp bóc tài sản của nhân dân. Tại Đồng Hỷ, có ngày xảy ra ba vụ cướp đường. Thình thoảng, chúng lại bắt cóc cán bộ giao liên của ta.

Trước tình hình đó, phối hợp với “Đội quân Sơn” (ở Ba Gò, Văn Yên, Đại Từ), lực lượng tự vệ xã Bình Định, Tân Cương mở cuộc truy quét tận hang ổ bọn “Đồng Minh” giả, thu được một số vũ khí để trang bị cho tự vệ và đem lại an ninh trật tự cho nhân dân trong vùng.

Tại vùng Đông Bắc, được sự giúp đỡ của Cứu Quốc quân, chính quyền cách mạng ở các xã Cây Thị, Hợp Tiến, Văn Hán, Khe Mo được củng cố và kiện toàn thêm một bước. Lực lượng tự vệ trong các xã tăng cường luyện tập. Các xã đều đặt từ một đến hai vọng gác, có lực lượng tự vệ thay phiên nhau canh phòng suốt ngày, đêm. Các đội tự vệ phối hợp với Cứu Quốc quân đẩy mạnh đánh địch, mở rộng địa bàn hoạt động. Ngày 11-4-1945, quân ta phục kích một toán quân địch rút chạy từ Võ Nhai về phía tỉnh lỵ Thái Nguyên, diệt 10 tên, nhiều tên khác bị thương. Lực lượng tự vệ xã Khe Mo phối hợp với Cứu Quốc quân phá cầu Bò Đái, chặn đường tiếp tế và chi viện của địch ở tỉnh lỵ. Cuối tháng 7 – 1945, một tên sĩ quan Nhật trên đường đi La Hiên về thị xã, qua địa phận Khe Mo, đã bị tự vệ tiêu diệt, thu một súng ngắn, một thanh kiếm và hai quả lựu đạn. Ở khu vực Đồng Bẩm, đội vũ trang tuyên truyền cũng đẩy mạnh hoạt động, tiến sát vào thị xã Thái Nguyên. Một số thanh niên thị xã được tổ chức thành nhóm trung kiên, đặt trạm liên lạc với đội vũ trang tuyên truyền tại Đồng Bẩm. Từ đây, các sách báo, tài liệu của Đảng, của Mặt trận Việt Minh, được chuyển vào thị xã, dùng làm tài liệu tuyên truyền trong nhân dân.

Do ảnh hưởng của khu giải phóng, trực tiếp là ảnh hưởng của phong trào cách mạng ở các xã thuộc Đồng Hỷ, nhất là sự hoạt động tích cực của nhóm trung kiên, từ cuối tháng 5-1945, nhiều thanh niên, học sinh trong thị xã Thái Nguyên được giác ngộ cách mạng, đã tự động rủ nhau lên chiến khu. Được sự giúp đỡ của chính quyền cách mạng xã Hóa Trung, đội vũ trang tuyên truyền mở một lớp huấn luyện cho số thanh niên này tại xóm La Đành (Hóa Trung). Sau đợt huấn luyện, họ phấn khởi nhận nhiệm vụ trở về thị xã hoạt động. Từ đó, phong trào đấu tranh cách mạng ở thị xã và các xã xung quanh càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn. Nhân dân các xã Đồng Quang, Túc Duyên...rầm rộ kéo vào đồn điền kếp Le phá kho thóc của Nhật để chia cho dân nghèo. Tháng 6-1945, nhân dân thị xã nổi dậy phá nhà tù Thái Nguyên, giải phóng trên 100 tù chính trị. Nhiều cơ sở cách mạng trong thị xã ra đời và hoạt động tích cực. Trước cơn giãy chết, bọn tay sai Nhật ra sức hoạt động chống phá cách mạng. Để củng cố lòng tin của quần chúng và kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng, đội vũ trang tuyên truyền đã gửi thư cảnh cáo, làm cho nhiều tên Việt gian hoảng sợ, phải trốn khỏi Thái Nguyên.

Khí thế cách mạng sôi nổi ở trong tỉnh, cùng với những hoạt động ngày càng sôi nổi trong thị xã, làm cho bọn tay sai của phát xít Nhật hoang mang, lo sợ. Tháng 7 - 1945, phát xít Nhật buộc phải chuyển tên tỉnh trưởng Cung Đình Vận về xuôi, đưa tên Bùi Huy Lượng lên thay. Một số tên tay sai đặc lực của Nhật trong tổ chức Đại Việt, “phụng sự quốc gia”...chạy trốn vào một số làng, xã xung quanh, nhưng đều bị quân và dân ta bắt giữ.

Cơ sở cách mạng và phong trào đấu tranh ở Đồng Hỷ phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải tập trung sự chỉ đạo về một mối thống nhất và trực tiếp. Để đáp ứng yêu cầu ấy, đầu tháng 7- 1945, Xứ ủy Bắc Kỳ và Ban lãnh đạo Khu giải phóng quyết định thành lập Ban cán sự Đảng và ủy ban dân tộc giải phóng huyện Đồng Hỷ. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mới của phong trào cách mạng Đồng Hỷ, đồng thời đây là một trong những nhân tố đặc biệt quan trọng trong cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở thị xã Thái Nguyên.

Bước vào tháng 8 - 1945, ngày tận số của phát xít Nhật đã đến. Đội quân Quan Đông, gồm trên một triệu tên, đã bị Hồng quân Liên Xô tiêu diệt. Chính phủ Nhật buộc phải tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (13-8-1945). Quân đội Nhật ở Đông Dương và Chính phủ bù nhìn tay sai Trần Trọng kim hoang mang, dao động cực điểm.

Nhận rõ thời cơ thuận lợi đã đến, Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc họp ở Tân Trào (13-15-8-1945) quyết định phát động tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. Đêm 13-8-1945, ủy ban khởi nghĩa ra bản quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân nổi dậy đập tan chính quyền đế quốc, phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng. Ngày 16-8-1945, từ Tân Trào, một đơn vị Việt Nam giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, lên

đường tiến về giải phóng Thị xã Thái Nguyên. Cùng thời gian này, phần lớn các châu, huyện, trong đó có huyện Đồng Hỷ, đã nhận được lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đem lực lượng của địa phương phối hợp với quân giải phóng, đánh chiếm thị xã Thái Nguyên

Thị xã Thái Nguyên lúc bấy giờ là một trong các đô thị lớn, sầm uất và có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất của Khu giải phóng. Vì thế, từ sau khi thất bại trong các cuộc càn quét, tấn công vào Khu giải phóng hồi tháng 5-1945, quân Nhật đã biến thị xã Thái Nguyên thành một cứ điểm mạnh, với ý đồ dùng nó làm nơi án ngữ cửa ngõ phía nam Khu giải phóng, ngăn chặn làn sóng cách mạng tràn xuống vùng châu thổ sông Hồng. Đến trung tuần tháng 8-1945, riêng lính Nhật còn 120 tên, chia nhau chiếm giữ nhiều nơi. Trong trại lính khố xanh cũ có khoảng 100 tên Nhật, số còn lại đóng ở Ty Liêm phóng, kho gạo và nhà tên chủ mỏ Goochiê. Ngoài ra, khoảng 600 lính - gồm bảo an, cảnh sát, lính cơ - đóng ở trại lính Tây, canh giữ dinh tỉnh trưởng Thái Nguyên và huyện trưởng Đồng Hỷ. Được trang bị mạnh, lại có lô cốt, hầm hào kiên cố, nên dù đã mất tinh thần, nhưng quân Nhật và tay sai ở Thái Nguyên vẫn ngoan cố kìm kẹp nhân dân, nhất là trong khu vực thị xã và các xã lân cận.

Trong tình hình đó, việc giải phóng thị xã Thái Nguyên được đặt ra như là một trong những nhiệm vụ chủ yếu tổng công cuộc Tổng khởi nghĩa toàn quốc.

Chiều ngày 19-8-1945, quân giải phóng về tới xã Thịnh Đán. Nhân dân các dân tộc trong xã hết lòng giúp đỡ, ủng hộ quân giải phóng.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ - với tư cách là huyện sở tại - vừa tích cực chuẩn bị lương thực, thực phẩm... cho cuộc chiến đấu, vừa khẩn trương củng cố lực lượng tự vệ để sẵn sàng phối hợp tác chiến với quân giải phóng.

Tại Đồng Bẩm, phân đội võ trang tuyên truyền do Đảng bộ Võ Nhai điều về từ trước, cũng kịp thời phát động quần chúng nổi dậy. Khoảng 5h sáng 19-8-1945, đông đảo quần chúng nhân dân xã Đồng Bẩm, được trang bị bằng vũ khí thô sơ, do một trung đội tự vệ chiến đấu dẫn đầu, xuống đường tuần hành thị uy. Đoàn người băng qua cầu Gia Bẩy, tiến vào trung tâm thị xã Thái Nguyên. Nhân dân thị xã, từ các khu phố, tiếp tục xuống đường hô vang khẩu hiệu “Đả đảo phát xít Nhật”, “Ủng hộ Việt Minh”.

Sức mạnh quật khởi của đội quân chính trị, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân thị xã Thái Nguyên truy quét bọn tay sai Nhật ở các khu phố. Từ trong thắng lợi này, nhân dân thị xã hết sức phấn khởi, nô nức đóng góp lương thực, thực phẩm... ủng hộ lực lượng cách mạng, tích cực tham gia đào hào, dựng chiến lũy, chuẩn bị đón quân giải phóng vào đánh Nhật.

Ngày 19-8-1945, lực lượng vũ trang Phú Bình đánh chiếm đồn điền Gia Sàng, trừng trị tên tay sai của Nhật, chốt giữ cửa ngõ đông nam huyện Đồng Hỷ, cắt đứt con đường liên lạc của Nhật từ Thái Nguyên đi Hà Nội.

Sáng 20-8-1945, đơn vị giải phóng quân cùng với lực lượng tự vệ các châu, huyện tiếp cận các vị trí địch trong thị xã Thái Nguyên. Quân ta gửi tối hậu thư cho tên tỉnh trưởng. Trước khí thế áp đảo của lực lượng cách mạng, lại nhận được tin phủ Khâm sai ở Hà Nội đã đầu hàng, bọn tay sai Nhật phải chấp nhận những điều kiện do ta đưa ra. Lực lượng cách mạng nhanh chóng chiếm dinh tỉnh trưởng, dinh huyện trưởng Đồng Hỷ và trại bảo an.

Sau khi chiếm trại bảo an, quân ta tổ chức tấn công quân nhật trong trại khố xanh. Bọn Nhật ngoan cố chống cự. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trong khoảng 30 phút. Sau đó, quân ta ngừng bắn và kêu gọi địch đầu hàng. Đại diện hai bên gặp nhau. Ta đưa thư của Ủy ban khởi nghĩa, yêu cầu quân Nhật phải nộp vũ khí và hạn đến 14 giờ trong ngày phải trả lời. Bọn Nhật vẫn ngoan cố, không chịu thực hiện tối hậu thư. Quân ta được lệnh nổ súng đánh Nhật trong trại khố xanh, đồng thời tấn công đánh chiếm vị trí lẻ của chúng ở kho gạo, Ty liên phóng và nhà Gôchiê. Quân Nhật trong trại khố xanh hoàn toàn bị cô lập. Đến lúc này, bọn chỉ huy mới chấp nhận yêu cầu của ta. Trên thực tế, từ ngày 20-8-1945, cùng với thị xã Thái Nguyên, toàn bộ địa phận huyện Đồng Hỷ được giải phóng. Nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ bước vào thời kỳ mới.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ ĐỒNG HỖ RA ĐÒI VÀ LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN; TÍCH CỰC THAM GIA KHÁNG CHIẾN (9-1945 - 7-1954)

I- TÌNH HÌNH ĐỒNG HỖ SAU NGÀY THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG.

Cách mạng tháng Tám thành công, dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển cách mạng Việt Nam.

Như mọi người dân Việt Nam khác, sau thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã đứng ra quản lý chính quyền, trở thành người làm chủ xã hội. Vui mừng vô hạn trước cuộc đổi đời, đồng bào các dân tộc trong huyện càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, một lòng quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Trải qua những năm tháng theo Đảng làm cách mạng, truyền thống yêu nước và đấu tranh bất khuất trong nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ càng được vun đắp. Ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc, về vận mệnh của đất nước cũng được nâng cao trong mỗi người dân. Thực tiễn cách mạng trong những năm đấu tranh chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền cũng là một trường rèn luyện về nhiều mặt cho quần chúng. Nhiều cán bộ trung kiên xuất hiện và trở thành những cán bộ nòng cốt cho phong trào ở địa phương. Đây là những thuận lợi rất cơ bản, giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Bên cạnh những thuận lợi to lớn, sau ngày thành lập chính quyền cách mạng, Đồng Hỷ phải đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Phần lớn ruộng đất (hầu hết là ruộng đất tốt) nằm trong tay bọn địa chủ người Pháp và người Việt. Riêng đồn điền của Nguyễn Thị Năm đã chiếm 1200 ha ruộng và đất rừng. Tình hình này cùng với hậu quả của những năm chiến tranh và chính sách vơ vét, bóc lột của đế quốc, phát xít Pháp - Nhật làm cho đời sống nhân dân các dân

tộc vốn đã cực khổ lại cực khổ hơn. Thêm vào đó, trận lụt lớn trong tháng 8 - 1945 và tiếp theo là hạn hán kéo dài đã dẫn đến tình trạng ruộng đồng phải bỏ hoang. Hậu quả của nạn đói do Nhật - Pháp gây nên hồi đầu năm 1945 chưa được khắc phục¹ thì nguy cơ của nạn đói mới lại xuất hiện.

Cùng với nạn đói, nạn dốt cũng là một trở ngại rất lớn trong công cuộc xây dựng chế độ mới. Chính sách văn hóa giáo dục nô dịch ngu dân của chính quyền thực dân phong kiến đã để lại một hậu quả hết sức tai hại: tuyệt đại đa số nhân dân các dân tộc trong huyện đều bị mù chữ. Các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan v.v... cũng còn rất nặng nề. Tất cả tình trạng này đều hạn chế nhiều đến vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân trong huyện.

Một nguy cơ lớn đối với đất nước ta ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công là nạn ngoại xâm. Ở miền Bắc, dưới sự điều khiển của đế quốc Mỹ, từ cuối tháng 8 đầu tháng 9 - 1945, khoảng 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch cùng bọn tay sai Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) lũ lượt tràn vào. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng Minh vào Bắc Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, quân Tưởng mang sẵn mưu đồ tiêu diệt Đảng cộng sản Đông Dương, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng và dựng lên một chính quyền tay sai. Bởi vậy, chúng chỉ đạo bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng.

Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 5 vạn quân Tưởng trong quân đoàn 93 thuộc phương diện quân thứ nhất kéo vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Đi tới đâu, chúng cũng đều cướp bóc, tàn phá, chiếm nhà dân, quán chợ, bắt ta phải tiêu tiền Quan Kim và Quốc tệ đã mất giá trị. Chúng đòi ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm....Chúng lập trụ sở “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội” ở một số nơi, nhất là những nơi có nhiều người Hoa sinh sống. Lợi dụng tình hình này, một số phần tử lưu manh, thổ phỉ nổi lên cướp bóc, những nhiều nhân dân ở vùng Minh lập, Đồng Bẩm...

¹ Riêng xã Đồng Quang lúc đó với số dân 339 người, đã có 66 người bị chết, chiếm tỷ lệ 19,5% (xem “Nạn đói năm 1945” - Viện sử học VN xuất bản 1995 - tr.541).

Để giải quyết những khó khăn lớn trên đây, vấn đề xây dựng, phát triển cơ sở Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt công tác ở địa phương đã trở thành một yêu cầu cấp bách.

Sau khi quân Nhật rút khỏi thị xã Thái Nguyên (28-8-1945), một cuộc hội nghị cán bộ của toàn Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên được tổ chức tại trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương). Hơn 50 đại biểu đã về dự Hội nghị. Trên cơ sở phân tích tình hình thực tế của địa phương, Hội nghị quyết định đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện; tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh; xúc tiến củng cố và thành lập các Huyện ủy... Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng bộ Thái Nguyên nói chung và Đảng bộ huyện Đồng Hỷ nói riêng.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, sau khi giành được chính quyền, Ban cán sự Đảng Đồng Hỷ (thành lập từ tháng 7- 1945, do đồng chí Trịnh Thị Tâm phụ trách) chuyển thành Huyện ủy, do đồng chí Ngọc Lan làm Bí thư. Sự ra đời của Huyện ủy đánh dấu bước ngoặt rất quan trọng trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ huyện Đồng Hỷ. Từ đây, phong trào cách mạng trong toàn huyện đã có một cơ quan Đảng trực tiếp lãnh đạo. Việc xây dựng và phát triển cơ sở Đảng ở địa phương cũng bắt đầu được đẩy mạnh.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng trong những năm chuẩn bị lực lượng, tiến với khởi nghĩa giành chính quyền, nhiều cán bộ và quần chúng được tôi luyện và trưởng thành; một số đồng chí được giới thiệu đi học lớp nghiên cứu chủ nghĩa Mác do Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức, và sau đó được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Đầu năm 1946, chi bộ xã Bách Quang (do sự hợp nhất hai xã Tân Quang và Bá Xuyên) ra đời, gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trường Sinh - cán bộ Huyện ủy Đồng Hỷ (lúc này đổi tên thành huyện Cộng Hòa) trực tiếp làm Bí thư. Tháng 6-1946, các chi bộ Đảng chính thức thành lập, do đồng chí Âm (tức Cỏn) làm Bí thư. Cũng trong năm 1946, các chi bộ Đảng

lần lượt được tổ chức ở Gia Sàng, Quang Vinh và sau đó là các chi bộ Cam Giá, Túc Duyên...

Sự hình thành Đảng bộ trong thời gian sau ngày thành lập chính quyền là một thuận lợi lớn, một nhân tố cơ bản có ý nghĩa quyết định đối với mọi thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của huyện Đông Hỷ.

II- BẢO VỆ VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, CHUẨN BỊ TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU (9-1945 - 10-1947)

Sau thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, đứng trước tình hình đất nước có nhiều khó khăn, phức tạp, tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên những nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay. Tiếp đó, ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra bản chỉ thị “Kháng chiến - Kiến quốc”, vạch ra nhiệm vụ trước mắt cho cách mạng Việt Nam là phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bài trừ nội phản, xây dựng nền móng chính quyền và giải quyết mọi khó khăn về kinh tế, tài chính...

Tại Thái Nguyên, từ giữa tháng 9 -1945, Hội nghị Tỉnh ủy lâm thời họp đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm giữ gìn trật tự, trị an, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Thấm nhuần chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, Đảng bộ Đông Hỷ tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt.

Ngày 6-1-1946, hòa chung với niềm phấn khởi, tự hào của nhân dân cả nước trong ngày tổng tuyển cử, đồng bào các dân tộc Đông Hỷ hăng hái đi bỏ phiếu bầu, những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngay sau đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các chi bộ Đảng, nhân dân trong huyện nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân có tác dụng nâng cao ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân các dân

tộc. Cũng từ đó, bộ máy chính quyền các cấp từng bước được củng cố và kiện toàn. Ủy ban hành chính chính thức được thành lập, thay thế cho Ủy ban nhân dân lâm thời. Các Ban chuyên môn của chính quyền dần dần hình thành và đi vào hoạt động tích cực.

Một trong những thành tựu to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ trong thời kỳ đầu sau Cách mạng tháng Tám là chiến thắng giặc đói.

Vốn có truyền thống đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, “lá lành đùm lá rách”, nhân dân Đồng Hỷ nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “cứ 10 ngày ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem số gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”¹. Tuyệt đại đa số các gia đình trong huyện đều có “hũ gạo tiết kiệm”, dành dụm từng nắm gạo để giúp đỡ những gia đình đang bị nạn đói đe dọa. Trong các xã đều thành lập Ban cứu đói, cứu tế, tích cực vận động, tổ chức phong trào lạc quyền.

Cùng với phong trào thực hành tiết kiệm để dành gạo cứu đói, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ tích cực tăng gia sản xuất, khai hoang, phục hóa theo khẩu hiệu: “Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa”, “tác đất tác vàng”. Các loại cây lương thực và hoa màu ngắn ngày được trồng khắp các soi bãi, ruộng đồi... Diện tích canh tác được mở rộng. Nạn đói bước đầu được đẩy lùi. Thắng lợi này làm tăng thêm uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ và chính quyền trong quần chúng; khối đoàn kết giữa các dân tộc được củng cố ngày càng vững chắc.

Trong những ngày đầu sau cách mạng tháng Tám, Nhà nước ta gặp nhiều khó khăn về tài chính. Để khắc phục tình trạng này, Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn dân tham gia quyên góp, xây dựng “Quỹ Độc lập” và phát động phong trào “Tuần lễ vàng” (17 - 24-9-1945).

Mặc dù đời sống còn rất thấp kém, nhưng với lòng yêu nước, yêu chế độ, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã tự nguyện đóng góp vàng, bạc ủng hộ chính quyền cách mạng. Nhiều chị em phụ nữ đã mang cả những vật kỷ niệm trong

¹ Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV - NXB Sự thật - Hà Nội 1984, tr.27.

đòi tư (nhẫn cưới, hoa tai,...) ủng hộ Nhà nước với cả một tình cảm chân thành, mong sao Nhà nước vượt qua được thời kỳ khó khăn, nguy hiểm. Nhiều bài ca cách mạng được sáng tác, tuyên truyền, vận động bà con các dân tộc tham gia đóng góp vàng, bạc cho Nhà nước:

“Đeo vàng chỉ tỏ nặng tai,
Đeo kiềng nặng cổ, hỏi ai có vàng
Làm dân độc lập vẻ vang,
Mang vàng cứu nước, giàu sang nào tày?
Đem vàng đổi súng cố xay,
Đánh tan giặc, nước có ngày vinh quang”.

Hướng về cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ còn tích cực vận động quên góp tiền bạc, quần áo, thuốc men... ủng hộ quân và dân miền Nam. Nhiều chị em phụ nữ, nhất là nữ thanh niên, đã tổ chức đi bán bánh và huy hiệu suốt ngày để lấy tiền giúp quỹ Nam Bộ kháng chiến.

Là người dân của một nước độc lập, được đứng ra làm chủ nghĩa xã hội, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ nhận thức được sự cần thiết “phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc biết viết chữ quốc ngữ”¹. Bởi vậy, ngay sau khi Chính phủ lâm thời phát động phong trào thanh toán nạn mù chữ (tháng 9-1945), nhân dân trong huyện sôi nổi hưởng ứng. Ở khắp các xóm, làng đều mở lớp bình dân học vụ. Các lớp huấn luyện sư phạm của tỉnh cũng gấp rút đào tạo, cung cấp đội ngũ giáo viên cho các địa phương. Bà con nhân dân các dân tộc, từ cụ già đến em nhỏ, ban ngày đi lao động sản xuất, tối đến lại rủ nhau mang đèn, sách đến lớp học. Phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ thực sự trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ hiểu biết cho nhân dân lao động. Ý thức làm chủ của quần chúng nhờ đó cũng từng bước được tăng cường. Các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại giảm dần.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV - sách đã dẫn - tr.28

Bên cạnh các lớp bình dân học vụ được mở vào buổi tối, các trường lớp phổ thông cũng thành lập ở các xã, thu hút con em nhân dân lao động. Trong năm 1946, phần lớn các xã trong huyện đều có các trường cấp I. Nạn thất học được nhanh chóng xóa bỏ. Cuộc sống mới vui tươi, lành mạnh ngày một lan rộng. Bộ mặt xã hội trong các thôn, xã, kể cả những vùng hẻo lánh trong huyện, bước đầu có những chuyển biến ngày càng sâu sắc.

Những kết quả bước đầu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội không chỉ ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, mà còn làm tăng thêm lòng tin yêu của nhân dân đối với chế độ mới. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng, của chính quyền dân chủ nhân dân ngày càng được nâng cao và mở rộng trong đồng bào các dân tộc. Khối đoàn kết toàn dân dựa trên nền tảng liên minh công nông được củng cố ngày càng vững chắc... Đây chính là những nhân tố rất thuận lợi, giúp cho chính quyền động viên lực lượng toàn dân tiến hành trấn áp các lực lượng phản động, lưu manh, trộm cắp, giữ vững chính quyền và trật tự trị an ở địa phương.

Trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, các đội vũ trang đã được xây dựng ở nhiều nơi. Sau ngày thành lập chính quyền, trước yêu cầu mới của cách mạng, vấn đề xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang trở thành một trong những nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Phong trào xung phong tòng quân được phát động. Bà con các dân tộc trong huyện động viên con em tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang. Chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết các xã đều lập được các đội tự vệ, du kích. Có xã (Quang Vinh...) tổ chức được một trung đội du kích, biên chế thành 4 tiểu đội (trong đó có một tiểu đội nữ). Mặc dù trang bị vũ khí rất thô sơ (phần lớn là dao, mác, súng kíp) và thiếu thốn, nhưng cán bộ và chiến sĩ các đội tự vệ, du kích có tinh thần chiến đấu rất cao. Việc luyện tập trong các lực lượng vũ trang địa phương được tổ chức thường xuyên. Nhân dân các xã trong huyện

hưởng ứng chủ trương của Đảng bộ và chính quyền, tích cực vận động quần chúng góp lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược... ủng hộ lực lượng vũ trang.

Được nhân dân hết lòng thương yêu đùm bọc, nuôi dưỡng, lực lượng vũ trang Đồng Hỷ trưởng thành nhanh chóng, hoàn thành tốt nhiệm vụ ngăn chặn và phá tan âm mưu, hành động của kẻ thù, giữ vững trật tự xã hội. Dựa vào lực lượng quần chúng, lực lượng vũ trang cùng với công an phá tan tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội” ở Khe Mo, diệt trừ bọn phi ở Minh Lập do anh em Hoàng Bính Trai và Hoàng Bính Kê cầm đầu, đồng thời trừng trị bọn giả danh Việt Minh để cướp của, nhử nhiều nhân dân ở Đồng Bầm... Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở những nơi đó được lập lại. Tài sản, tính mạng của nhân dân được bảo đảm. Thắng lợi này góp phần củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với lực lượng vũ trang địa phương. Mặt khác, trải qua thực tiễn đấu tranh chống bọn phản động, lưu manh, cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương có thêm kinh nghiệm để bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp.

Từ cuối 1946, thực dân Pháp ngày càng lộ rõ âm mưu và hành động xâm lược. Chúng liên tiếp và trắng trợn xâm phạm nền độc lập, chủ quyền của đất nước ta. Nhân dân ta chỉ còn có một con đường cứu nước là phải cầm vũ khí tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp.

Theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trước tiên tại Thủ đô Hà Nội và sau đó lan nhanh ra cả nước. Việt Bắc một lần nữa lại trở thành căn cứ địa chủ yếu của cuộc kháng chiến. Các huyện Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Phú Lương (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Cạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) được chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) của Trung ương. Đầu năm 1947, các cơ quan Trung ương đảng, Chính phủ, Mặt trận, Bộ tổng chỉ huy cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân đội... lần lượt có mặt tại ATK, sống và làm việc tại đó trong suốt thời kỳ kháng chiến.

Tại huyện Đông Hỷ, từ ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ cho đến thượng tuần tháng 10 -1947, vẫn chưa có chiến sự. Nhưng do nằm ở vị trí tiếp giáp phía nam ATK, cửa ngõ giao thông liên lạc, tiếp tế, là cầu nối giữa Trung ương Đảng, Chính phủ với các địa phương trong toàn quốc, Đông Hỷ có nhiệm vụ rất nặng nề và cũng rất vẻ vang là phải bảo vệ an toàn khu vực phía Nam, không cho địch đột nhập vào khu căn cứ địa. Đông Hỷ trở thành lá chắn trực tiếp của ATK Trung ương ở phía nam.

Nhận rõ trách nhiệm to lớn của địa phương đối với sự an toàn của khu căn cứ địa, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện tập trung tổ chức và lãnh đạo toàn dân, toàn quốc tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ căn cứ địa.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác chuẩn bị kháng chiến là tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang. Ngoài đội du kích tập trung của huyện, các đơn vị vũ trang tập trung ở các xã cũng lần lượt được xây dựng và lớn mạnh nhanh chóng không chỉ về số lượng, mà cả về chất lượng.

Tại các xã Đông Bầm, Quang Vinh, Gia Sàng, đội du kích ra đời từ năm 1946, được trang bị bằng dao găm, mã tấu, súng kíp...Ngoài nhiệm vụ luyện tập sẵn sàng chiến đấu, đội du kích xã còn tích cực giúp dân tản cư, ngăn chặn bọn lưu manh, trộm cướp, bảo vệ xóm làng. Phong trào xây dựng lực lượng vũ trang trong xã khá mạnh. Đến năm 1950, mỗi xóm đều có một tiểu đội du kích. Xã Gia Sàng còn thành lập một đại đội dân quân.

Ở xã Túc Duyên, ngay từ sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trung đội tự vệ xã chuyển thành trung đội du kích, làm nhiệm vụ trực chiến, sẵn sàng chiến đấu. Trong xã còn lập được một trung đội dân quân làm nhiệm vụ tải thương, phá đường, tiếp vận...Từ năm 1947, phong trào xây dựng lực lượng vũ trang địa phương phát triển mạnh. Các đội viên dân quân, du kích thường xuyên luyện tập sẵn sàng chiến đấu. Thanh niên hăng hái xung phong tòng quân. Riêng xóm Túc Thái có 45 người và xóm

Đồng Mỗ có 40 người xung phong nhập ngũ. Có gia đình, cả ba bố con đều ghi tên tòng quân ra trận. Nhân dân trong xã tích cực ủng hộ vũ khí, quần áo, lương thực... cho lực lượng vũ trang.

Lực lượng vũ trang ở các xã khu vực phía đông bắc và phía tây nam huyện cũng phát triển nhanh chóng. Đến giữa năm 1947, mỗi xã đều có một trung đội du kích, đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của xã đội bộ dân quân. Quân và dân ở đây đều ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, quyết đập tan mọi mưu đồ của giặc Pháp.

Sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang Đồng Hỷ chính là kết quả sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với mặt công tác quan trọng này. Từ Huyện đội bộ đến các Ban xã đội bộ dân quân đều có các đồng chí cấp ủy viên được cử sang phụ trách. Trong các Ban chỉ huy trung đội dân quân, du kích, phần lớn đều có chi ủy viên hoặc đảng viên. Đảng bộ thường xuyên chăm lo giáo dục quần có ý thức xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ đó, ngay trong thời kỳ này, dù đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, bà con các dân tộc Đồng Hỷ không những tích cực tiếp tế ủng hộ vật chất cho các đơn vị dân quân, du kích, địa phương, mà còn hăng hái hưởng ứng các phong trào giúp đỡ bộ đội chủ lực trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp.

Cùng với việc tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, công tác tổ chức tản cư và tiếp cư cũng được triển khai khẩn trương.

Ngay sau khi toàn quốc kháng chiến, chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, các Ban tản cư được thành lập và nhanh chóng tổ chức nhân dân, trước hết là người già, phụ nữ và trẻ em, tản cư đến những nơi an toàn.

Đồng Hỷ lúc này vẫn được coi là hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng nhiều. Tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống và việc làm cho đồng bào là một nhiệm vụ quan trọng đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương.

Thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch: “vô luận thế nào, các Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ”, các Ban tiếp cư sau khi thành lập đã khẩn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia các khu vực định cư, tổ chức ổn định đời sống. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ nêu cao truyền thống đoàn kết tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách”, san sẻ cho đồng bào tản cư từng căn nhà, mảnh ruộng, trâu bò, nông cụ... giúp đồng bào sớm ổn định cuộc sống và sản xuất. Đồng bào tản cư còn được Đảng bộ và chính quyền địa phương giúp đỡ thành lập một trại sản xuất ở xã Phúc Xuân. Sự quan tâm giúp đỡ to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đối với đồng bào tản cư đã làm cho đồng bào an tâm, phấn khởi, gắn bó với quê hương mới, coi đó là quê hương thứ hai của mình. Nhờ vậy, ngay sau khi ổn định nơi ăn, chốn ở, đồng bào tản cư tích cực tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc ở địa phương, hăng hái vận động con, em gia nhập bộ đội, dân quân, du kích.

Với đường lối chiến tranh nhân dân, nhằm “triệt để làm cho địch đói khát, què, điếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”¹, ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Đảng ta chủ trương “phá hoại để kháng chiến”.

Quán triệt chủ trương của Trung ương, công tác tiêu thổ kháng chiến ở tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đồng Hỷ nói riêng được thực hiện triệt để. Đầu năm 1947, Ban phá hoại huyện Đồng Hỷ ra đời và đi vào hoạt động. Kế hoạch tiêu thổ kháng chiến được đề ra cụ thể, trước hết tập trung phá hoại những vùng trọng điểm, cầu, cống và nhà cửa nằm dọc các đường giao thông. Quân và dân ta còn đắp ụ, dựng chướng ngại vật trên đường đào hầm bí mật dưới các lũy tre quanh làng. Lực lượng dân quân, du kích của các xã ven thị xã còn được huy động tham gia phá các ngôi nhà tầng, các trụ sở công cộng... trong thị xã. Nhờ đó, đến giữa năm 1947, công cuộc tiêu thổ kháng chiến ở Đồng Hỷ và thị xã Thái Nguyên đã hoàn thành triệt để. Thị xã Thái Nguyên lúc này chỉ còn trơ lại những đồng gạch vụn.

¹ Những sự kiện lịch sử Đảng - Ban NCLĐTW- 1979-tập II, tr.103

Sau khi tiêu thổ kháng chiến, thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể. Địa phận thị xã được sáp nhập với các xã của huyện Đồng Hỷ. Các đảng viên trong chi bộ Đảng thị xã phân tán về các cơ sở Đảng Đồng Hỷ để tiếp tục hoạt động. Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã chuyển trụ sở ra phía ngoài, thuộc địa phận huyện Đồng Hỷ. Trên thực tế, từ lúc này cho đến khi tái lập thị xã (năm 1953), Huyện ủy Đồng Hỷ giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ hoạt động công tác không chỉ đối với địa phương, mà cả trong khu vực thị xã Thái Nguyên.

Song song với công tác tiêu thổ, bộ máy chỉ đạo kháng chiến ở địa phương cũng từng bước được tổ chức. Cơ quan Huyện đội và các xã đội bộ dân quân được thành lập và đi vào hoạt động, giúp Đảng bộ chỉ đạo công tác quân sự địa phương. Từ năm 1947, thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, các ủy ban bảo vệ chuyển thành Ủy ban kháng chiến. Các mặt hoạt động chuẩn bị kháng chiến trong toàn huyện từ đó được đẩy mạnh.

Thấm nhuần đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, nhằm mục đích cải thiện đời sống nhân dân và chuẩn bị tiềm lực để kháng chiến lâu dài, Đảng bộ huyện rất chú trọng chỉ đạo phong trào tăng gia sản xuất. Ngoài diện tích cấy lúa nước, bà con nông dân trong huyện tiếp tục khai phá đồi nương, gieo trồng lúa nương và các loại hoa màu như: ngô, khoai, sắn... Một số biện pháp kỹ thuật bước đầu được áp dụng vào trong sản xuất. Một số nơi trong huyện phát động được phong trào làm cỏ, bón phân, xây dựng được tổ đổi công, vãn công...

Như vậy, trải qua hơn hai năm (8-1945 – 10-1947), dù còn rất non trẻ, số lượng đảng viên còn ít, Đảng bộ huyện Đồng Hỷ đã làm tròn vai trò lãnh đạo tổ chức mọi mặt hoạt động ở địa phương. Thông qua thực tiễn công tác, cán bộ và đảng viên đã trưởng thành thêm một bước. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ đối với quần chúng ngày càng thêm nâng cao và mở rộng. Đó chính là những nhân tố mới rất thuận lợi giúp cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo toàn dân và toàn quân trong huyện trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, đồng thời làm tròn nghĩa vụ hậu phương với tiền tuyến.

III- VỪA TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU, VỪA PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN, GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN ĐI TỚI THẮNG LỢI (10-1947 - 7-1954)

Sau một thời gian gây ra cuộc chiến tranh xâm lược, cho đến giữa năm 1947, thực dân Pháp tuy chiếm được một số vùng đất rộng lớn, trong đó có những thành phố và đường giao thông quan trọng, nhưng chúng đã không thực hiện được âm mưu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Cuộc chiến tranh vẫn tiếp tục kéo dài và ngày càng bất lợi cho thực dân Pháp.

Đứng trước tình hình trên, song song với việc xúc tiến thành lập chính phủ bù nhìn toàn quốc, thực dân Pháp âm mưu mở cuộc tấn công bằng quân sự trên quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc, nhằm bao vây, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

Sau một thời gian chuẩn bị, với một lực lượng lớn khoảng 12.000 quân, từ ngày 7-10-1947, thực dân Pháp vừa cho một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới, vừa tiến theo hai đường thủy, bộ, tạo thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc. Căn cứ địa Việt Bắc đứng trước một thử thách lớn.

Trước hành động mạo hiểm và thâm độc của kẻ thù, ngày 8-10-1947 Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi đồng bào và các lực lượng vũ trang ở các địa phương bình tĩnh dũng cảm chiến đấu đập tan cuộc tấn công của địch.

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Tỉnh ủy Thái Nguyên cũng chỉ thị các cấp ủy Đảng trong toàn tỉnh lãnh đạo lực lượng vũ trang địa phương sẵn sàng chiến đấu và kêu gọi đồng bào các dân tộc phối hợp với bộ đội, dân quân, du kích chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ căn cứ địa của cả nước.

Quán triệt tinh thần các chỉ thị của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Hỷ khẩn trương triển khai kế hoạch đối phó âm mưu và hành động của địch. Dân chúng ở các khu vực ven thị xã và các trục đường giao thông được lệnh tiếp tục thực hiện công tác phá hoại triệt để tại các xã Đồng Bẩm, Quang Vinh, Túc Duyên... nhân dân được tổ chức và hướng dẫn làm chông và cắm chông chống địch nhảy dù.

Trong khi đó tại Bắc Cạn, Chợ Mới, sau một thời gian lúng túng ban đầu, quân và dân ta nhanh chóng chỉnh đốn lực lượng và bước vào chiến đấu, bao

vây, chia cắt lực lượng địch, buộc chúng phải co cụm để chống đỡ. Hai cánh quân thủy, bộ của địch cũng bị quân và dân ta ở các địa phương chặn đánh trên suốt dọc đường hành quân. Không thực hiện được mục tiêu của cuộc tấn công, lại bị thiệt hại nặng nề. Bộ chỉ huy Pháp buộc phải cho quân rút lui.

Phân đoán lực lượng của ta có từ 20 đến 25 tiểu đoàn chủ lực tập trung ở vùng Chợ Chu, Đại Từ, Võ Nhai... và các cơ quan đầu não kháng chiến đóng ở Vùng Đình Cả (Võ Nhai), Bộ chỉ huy Pháp chủ trương kết hợp rút lui việc càn quét khu vực Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phủ Lạng Thương. Kế hoạch này mang tên “Xanh Tuya” (xiết chặt), bắt đầu thực hiện từ ngày 20-11-1947, hướng chủ yếu là Thái Nguyên.

Đêm 24-11-1947. quân địch bí mật rút khỏi Chợ Mới hành quân về hướng Đình Hóa.

Sáng 26-11-1947, địch thả một tiểu đoàn dù xuống huyện lỵ La Hiên nhằm lùng sục cơ quan đầu não kháng chiến. Buổi trưa cùng ngày, chúng lại thả tiếp 200 quân dù xuống Tràng Xá và nhanh chóng mở rộng phạm vi càn quét, chiếm đóng huyện lỵ La Hiên, Đình Cả....

Chiều 26-11-1947, khoảng 400 quân Pháp nhảy dù xuống cánh đồng làng Ngò (xã Cù Vân, huyện Đại Từ), nhằm đánh chiếm các vị trí quan trọng trên đường 13A (Thái Nguyên đi Tuyên Quang). Cùng thời gian trên, chúng cho một cánh quân từ Phúc Yên, men theo sườn núi Tam Đảo, đánh sang phía Tây Nam huyện Đại Từ.

Những hoạt động trên đây của thực dân Pháp đã đặt Đồng Hỷ ở vào thế bị uy hiếp trực tiếp. Kể từ lúc này, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ trực tiếp sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược Pháp.

Phạm vi chiến sự càng lan rộng thì lực lượng quân Pháp càng bị dần mỏng. Do đó, đi tới đâu chúng cũng dễ bị quân và dân ta bao vây, chia cắt và tiêu hao, tiêu diệt. Địch rơi vào tình trạng khốn đốn.

Trước tình hình trên, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp phải vội vàng quyết định kết thúc chiến dịch. Đầu tháng 12-1947, quân Pháp từ các hướng

Định Hóa, Sơn Dương (Tuyên Quang) dồn về Đại Từ để rút về Hà Nội. Cùng thời gian này, các cánh quân địch ở hướng Võ Nhai cũng lui dần về huyện Đồng Hỷ và thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút chạy, chúng bị quân và dân ta chặn đánh nhiều trận. Từ ngày 7-12-1947, toán quân địch đến địa phận Đồng Bầm. Tại đây, chúng bị lực lượng du kích chặn đánh ở Trại Táo (7-12) và Chùa Hang (đêm 7 và ngày 8-12). Ngày 16-12, quân địch từ Phú Lương rút sang Đại Từ cùng với số quân ở làng Ngò, Hà Thượng về thị xã Thái Nguyên, bị quân và dân ta chặn đánh ở đồi Yên Ngựa, đồi Đồi Cấn. Ngày 18-12, khi địch theo đường Thái Nguyên - Gia Sàng và Thái Nguyên - Thịnh Đán - Phi Đơn để về Hà Nội, chúng lại bị quân ta đánh ở Gia Sàng, Phúc Thuận...

Ngày 22-12-1947, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại thị xã Thái Nguyên. Đông đảo nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Đồng Hỷ cùng với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hân hoan chào mừng chiến thắng.

Đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến là một thắng lợi to lớn của quân và dân ta. Trong chiến công chung ấy của dân tộc, có một phần đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ.

Sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, nhân dân ta không chủ quan khinh địch, mà tích cực đề phòng, sẵn sàng đánh trả âm mưu và hành động phiêu lưu mới của chúng. Ngày 23-3-1949, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra thông báo nêu rõ: "...địch có chủ trương đánh lên Việt Bắc theo dọc sông Hồng Hà ... Thái Nguyên là nơi địch rất chú trọng... Vậy các đồng chí phải ráo riết chuẩn bị đề phòng những sự bất trắc có thể xảy ra."¹

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ một mặt tích cực chuẩn bị lực lượng, một mặt đẩy mạnh thực hiện chương trình trồng trọt và chăn nuôi do Bộ canh nông phát động. Một số nơi trong huyện tổ chức phong trào thi đua "mỗi nhà một vườn rau gia đình", "mỗi nhà một vườn sản kháng chiến 200 gốc", "mỗi nhà một đàn gà để tiếp tế cho bộ đội". Nhờ

¹ Thông báo của BCH tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên (23-3-1949) Bản đánh máy - Lưu trữ Ban NCLSD Thái Nguyên.

vậy, đến năm 1950, toàn huyện đạt 16.500 tấn hoa màu, đứng thứ hai trong tỉnh, sau Phú Bình.

Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, trước yêu cầu mới của kháng chiến, Đảng bộ Đồng Hỷ tập trung xây dựng bộ máy chính quyền các cấp. Đến cuối năm 1949, Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện được củng cố, có 7 ủy viên. Nhưng trong suốt 6 tháng sau đó, kể từ tháng 1-1950, trên thực tế Ủy ban huyện chỉ còn có 5 người làm việc vì 1 người được cấp trên điều động đi công tác ở nơi khác, 1 người chuyển sang chuyên trách công tác dân quân. Mặc dù số lượng thiếu, nhưng nội bộ đoàn kết thống nhất, nên Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện vẫn đảm đương được vai trò tổ chức và lãnh đạo toàn dân tham gia các hoạt động của kháng chiến.

Cùng thời gian trên, các Ủy ban kháng chiến - hành chính xã cũng bước đầu được củng cố. Hiện tượng mất đoàn kết nội bộ trong một số Ủy ban (xã Đồng Bầm, xã Đức Tân...) sớm được phát hiện và khắc phục. Một số cán bộ Ủy ban xã được cử đi dự hai lớp huấn luyện bổ túc cấp xã do Bộ Nội vụ và Ủy ban kháng chiến - hành chính Liên khu Việt Bắc mở. Nhờ sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, chất lượng công tác của các cấp chính quyền được nâng cao, có kế hoạch, có phân công trách nhiệm rõ ràng. Công tác văn phòng của Ủy ban xã cũng được cải tiến, khá nhất là xã Đồng Mỗ và Đức Tân.

Từ giữa năm 1950, căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và để khắc phục khó khăn, đưa cuộc kháng chiến phát triển sang thời kỳ mới, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới, nhằm thực hiện ba mục đích quan trọng:

- Tiêu diệt sinh lực địch.
- Khai thông biên giới Việt - Trung để mở rộng con đường liên lạc với quốc tế.
- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Ngày 16-9-1950, quân ta nổ súng tiêu diệt cứ điểm Đông Khê, mở màn chiến dịch Biên giới. Sau 54 giờ chiến đấu dũng cảm và mưu trí của quân ta.

Đông Khê được giải phóng. Cứ điểm Cao Bằng hoàn toàn bị cô lập. Thất Khê bị uy hiếp trực tiếp. tuyến phòng thủ của địch trên đường số 4 bị lung lay. Địch rơi vào tình trạng nguy khốn.

Nhằm đỡ đòn cho đồng bọn ở mặt trận biên giới, thực dân Pháp vội vàng huy động hầu hết lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ (gồm 5 tiểu đoàn), mở chiến dịch Phô cơ (Phoque - Chó biển) đánh vào Thái Nguyên.

Việc địch mở rộng cuộc tấn công đánh vào Thái Nguyên hòng kéo chủ lực của ta ở mặt trận biên giới về không nằm ngoài sự phán đoán của ta. Liên khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ra chỉ thị nêu rõ địch có thể đánh mạnh vào hậu phương của ta, mà trung tâm là Thái Nguyên. Vì vậy, Tỉnh ủy vạch ra nhiệm vụ cho bộ đội và dân quân du kích các địa phương về việc chuẩn bị vũ khí, đào hầm hào trú ẩn và lập kế hoạch tác chiến.

Nhận rõ âm mưu của kẻ thù, ngay từ trước khi địch đánh Thái Nguyên, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện Đồng Hỷ đã triển khai mọi mặt chuẩn bị. Các cơ quan huyện chia thành hai bộ phận. Bộ phận nặng (văn phòng) ở bên tả ngạn sông Cầu, gồm các xã Long Khê, Vân Hòa, Quang Trung, Tân Lợi, Đồng Tiến, Dân Chủ, Đồng Bầm. Bộ phận nhẹ ở khu vực hữu ngạn. Mỗi khu vực đều có cán bộ các ngành xuống các xã. Ủy ban kháng chiến - hành chính các xã cũng có sự phân công từng việc cho từng bộ phận. Các xã phân công các ủy viên xuống phụ trách các thôn, hoặc riêng từng ngành, từng việc như: tiếp tế, tản cư v.v... Các xã đều thành lập Ban Quân - dân - chính để lãnh đạo mọi mặt trong xã.

Ngày 30-9-1950, khoảng 4000 quân Pháp¹ mở cuộc tấn công vào địa phận huyện Đồng Hỷ và thị xã Thái Nguyên, theo ba hướng:

- Hướng thứ nhất, khoảng 2000 quân tiến từ Đa Phúc, qua Phổ Yên theo đường số 3 lên.

- Hướng thứ hai, khoảng 1000 tên từ Đa Phúc, theo chân núi Tam Đảo, đến đèo Nhe. Từ đây, địch chia thành hai cánh quân: một cánh sang Hợp Thành,

¹ Trích theo lời cung khai của tù binh Pháp - Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên - cặp hồ sơ 27- ngày 11-12-1950- tr.6.

Phúc Thuận, lên Bá Vân, thẳng đường ra Thịnh Đán; một cánh tiên vào Thu Quang (Tân Quang), lên Bá Vân hội quân với cán từ Phúc Thuận sang, để cùng tiên ra Thịnh Đán.

- Hướng thứ ba, khoảng 1000 quân, ngược dòng sông cầu lên bên đò Hà Châu (Phú Bình), theo đường đất đỏ tiến lên thị xã ²

Ngày 1-10-1950, địch tiến về phía thị xã Thái Nguyên. Trên dọc đường số 3, quân Pháp kéo vào Lưu Xá, Gia Sàng, Âm Hôn. Ở phía Thịnh Đán, chúng kéo lên Kép Ke. Buổi chiều, chúng cho quân nhảy dù xuống Đồng Bầm, bắn chết 5 người dân ở gần cầu Linh Nham và hai người lái đò ở bên sông Đồng Bầm.

Chiếm Thái Nguyên, địch đóng 2 vị trí chính là thị xã và Đồng Bầm. Những vị trí phụ hay những vị trí đóng quân nhỏ đều đặt ở xung quanh, trên dọc đường 3, tại phố Hương, Lưu Xá, Gia Sàng (thuộc Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Đường đê sông Đào có hai trạm đóng quân đặt ở núi Đỏ và cầu Tác Cun. Đường Thái Nguyên - Thịnh Đán có một trạm đặt ở Kép Le. Đường Thái Nguyên - Bờ Đậu, địch đóng quân ở Quán Triều, Mỏ Bạch.

Hàng ngày, từ các vị trí đóng quân, địch thường mở các cuộc càn quét, cướp bóc ở các vùng lân cận. Kết hợp với hành động tàn sát, địch dùng thủ đoạn chính trị lừa bịp. Ngoài việc thả truyền đơn, có nơi chúng còn hiệu dụ, dùng loa gọi dân chúng về làm ăn, “quan lớn không làm gì, chỉ bắt Việt Minh thôi”.

Nắm vững ý đồ của địch định kéo chủ lực của ta về, Bộ Tổng tư lệnh kịp thời hạ quyết tâm: kiên quyết giữ vững lực lượng ở chiến trường Biên giới, tiếp tục tấn công đến toàn thắng; việc tổ chức đánh địch ở Thái Nguyên do lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đảm nhận.

Tại Đồng Hỷ, khi chiến sự lan tới, các xã đều được báo trước, nên đã tổ chức chu đáo cho nhân dân tản cư. Chỉ có một số ít chủ quan ở nhà, khi giặc đến mới chạy, đã bị chúng bắn chết. Dân chúng ở một vài xã dọc đường số 3,

² Báo cáo tháng 10 - 1950 của UBKCHC huyện Đồng Hỷ - số 5928 - VP-10-11-1950 -tr.8 - Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

hoặc quanh thị xã, không kịp mang theo thóc, gạo, gia súc đã phải để lại nhờ anh em dân quân, du kích canh gác, bảo vệ, tổ chức cho các gia đình về chuyển hết số tài sản này. Các cấp ủy và chính quyền địa phương có kế hoạch giải thích cho nhân dân thấy rõ âm mưu của địch, đồng thời cho thu hồi và ra lệnh cấm tàng trữ truyền đơn của địch.

Trong các xã, trừ một số ít anh em dân quân chạy theo gia đình, còn lại là những dân quân gương mẫu cùng với các trung đội du kích làm nhiệm vụ canh gác, tổ chức chiến đấu và chống địch càn quét.

Ngày 1-10-1950, bộ đội địa phương huyện Đông Hỷ (Đại đội 223) đánh địch 2 trận, giết và làm bị thương trên 30 tên địch. Ngày 2-10 một tốp lính Pháp từ thị xã Thái Nguyên lên chiếm đóng khu vực Quán Triều, bị du kích chặn đánh, 8 tên địch bị thiệt mạng. Một toán lính khác càn quét khu vực xã Hiệp Hòa, rơi vào trận địa phục kích của du kích địa phương, buộc phải quay lại. Cùng với các đại đội bộ đội địa phương huyện Phổ Yên, Đại Từ, bộ đội địa phương huyện Đông Hỷ và du kích các xã phối hợp với Trung đoàn cảnh vệ 246 tổ chức đánh nhiều trận ở Gia Sàng, Đông Quang, Lưu Xá, Cầu Loàng, Thịnh Đán, Làng Hà, An Khánh...diệt gần 200 tên, thu nhiều vũ khí và trang bị. Tại cầu Loàng, một trung đội của Đại đội 223 Đông Hỷ phối hợp với một đơn vị của Trung đoàn 246 diệt 100 tên địch, thu nhiều vũ khí. Do những chiến công xuất sắc, Đại đội 223 của Đông Hỷ được vinh dự nhận Huân chương Chiến công hạng Hai. Tại Lưu Xá, Gia sàng, Đại đội 44 cùng lực lượng tự vệ loại khỏi vòng chiến đấu 49 tên địch.

Ngày 3-10, khoảng 1000 quân Pháp từ Thị xã Thái Nguyên kéo vào làng Um, Làng Hà (xã Phúc Xuân) càn quét, cướp bóc. Du kích địa phương tổ chức lực lượng chiến đấu, diệt 81 tên, buộc chúng phải rút. Ngày 4-10, một trung đội địch có 50 lừa, ngựa, từ thị xã Thái Nguyên về Lưu Xá, đã bị du kích phối hợp với bộ đội địa phương chặn đánh, diệt 18 tên và làm bị thương 9 tên. Cùng thời gian này, ở phía Lương Sơn, khoảng 300 lính địch tiến lên Tích Lương, cũng bị du kích đánh mạnh. Buổi tối, du kích tổ chức đột kích quân Pháp tại ấp Nam

Toàn (xã Tích Lương), thu được một hòm đạn, 13 viên đạn. Một toán địch, khoảng 200 tên, ở phía trên kéo về Vân Dương, bị du kích chặn đánh, nhưng lực lượng chúng không bị thiệt hại. Địch ở khu vực Chùa Hang kéo vào càn quét thôn Cầu Nám (xã Đồng Bầm). Tại đây, du kích bố trí trận địa phục kích đánh địch, nhưng vì mìn không nổ, nên không thu được kết quả.

Ngày 5-10 diễn ra nhiều trận đánh. Một đơn vị du kích xã Hiệp Hòa bố trí lực lượng đánh một tập lính Pháp từ thị xã Thái Nguyên kéo vào càn quét các xóm Xuân Thịnh, Kép Le, Làng San, diệt được 2 tên. Ở phía Chùa Hang, khoảng 50 lính Pháp đi càn quét khu vực xóm Thác Lở (xã Đồng Bầm). Du kích giật mình, nhưng vì mìn không nổ, nên phải rút lui. Một toán khác khoảng 300 tên địch, từ Đồng Bầm đi lên Dân Chủ, bị du kích phục kích, đánh 4 trận, 5 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu.

Ngày 6-10, khoảng 4 trung đội địch từ Vân Dương kéo vào cướp bóc thôn Niệm Quang, xóm Cầu Gáo (xã Tân Quang). Du kích địa phương chiến đấu dũng cảm, loại khỏi vòng chiến đấu 17 tên địch. Ta hy sinh 4 chiến sĩ. Cùng ngày, một toán địch từ Quán Triều kéo lên Sơn Cẩm đã bị quân và dân ta chặn đánh, diệt 19 tên, phá hủy 1 trung liên, 2 tiểu liên.

Ngày 7-10, khoảng 80 tên địch từ Gia Sàng vào Tích Mễ càn quét, bắn chết 1 dân quân; sau đó, chúng kéo về Phố Hương (ngày nay là Vó Ngựa, thuộc thành phố Thái Nguyên). Tại đây, chúng gặp phải sự chống cự của du kích, 2 tên chết và 1 tên bị thương. Cùng ngày, du kích Đồng Bầm trên đường đi tuần, khi tới đèo Góc Sáng thì gặp địch. Quân ta nổ súng, diệt 1 tên. Buổi tối, bộ đội địa phương vào quấy rối địch ở vị trí Tác Cun (Thác Huống), phá được cầu phao trên sông Đào.

Ngày 8-10, khoảng 60 tên địch từ Chùa Hang tiến vào càn quét khu vực núi Voi đã rơi vào trận địa phục kích của du kích, 9 tên chết tại chỗ và 5 tên bị thương. Cùng thời gian này, địch vào xã Đồng Tiến càn quét cướp phá. Du kích bố trí đánh địch, diệt 1 tên và làm bị thương 1 tên. Buổi tối, bộ đội địa phương lại tổ chức quấy rối địch ở Tác Cun, diệt 2 tên và phá được bớt gác của địch.

Ngày 10-10, địch lại từ ba hướng tiến vào càn quét khu vực xã Đồng Tiến. Du kích xã phối hợp với bộ đội địa phương đánh 3 trận, diệt 5 tên và làm bị thương 1 tên. Bộ đội ta hy sinh 1 người và bị thương 3 người.

Liên tục bị đánh, lại không đạt được ý đồ kéo chủ lực của ta ở mặt trận biên giới về từ chiều 11 -10, quân Pháp bắt đầu rút lui. Đến 8 giờ ngày 12-10-1950, toàn bộ lực lượng địch ra khỏi địa phận huyện Đồng Hỷ về xuôi. Cuộc hành quân Phôcơ (phoque) kết thúc thất bại. Huyện Đồng Hỷ sạch bóng quân thù.

Sau khi địch rút lui, Đảng bộ và chính quyền địa phương thành lập một Ban kiểm tra, gồm đại biểu quân - dân - chính, xuống các xã xem xét tình hình; trực tiếp gặp các Ủy ban xã và nhắc nhở những công việc cấp bách phải làm đồng thời thăm hỏi, động viên những gia đình bị thiệt hại, ưu đãi các chiến sĩ và gia đình các chiến sĩ. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân được chấn chỉnh. Mọi mặt hoạt động dần dần trở lại bình thường.

Thực tế chiến đấu của quân và dân Đồng Hỷ chống lại cuộc tiến công của thực dân Pháp vào Thái Nguyên cho thấy việc chuẩn bị chống địch càn quét đã được các cấp lãnh đạo từ huyện đến các cơ sở tiến hành tương đối chu đáo, nhất là việc xây dựng bộ đội địa phương, củng cố du kích ở những nơi quan trọng. Ban chỉ huy Huyện đội đã lập được kế hoạch bố trí trận địa chiến đấu, tổ chức diễn tập, mở những lớp huấn luyện về địa lôi, cạm bẫy, trang bị thêm vũ khí cho các đơn vị du kích. Lực lượng dân quân, du kích đã trưởng thành, làm được nhiệm vụ chống địch càn quét, bảo vệ địa phương. Trong chiến đấu, cán bộ và chiến sĩ du kích “tỏ ra có tinh thần hăng hái giết giặc và đã có một sự hi sinh cao độ”¹ Trải qua gần nửa tháng chiến đấu chống cuộc hành quân Phôcơ, cùng với các địa phương trong tỉnh, quân và dân Đồng Hỷ đã góp phần đem lại chiến thắng: loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 800 tên địch (trong đó có gần 700 tên bị chết), thu nhiều vũ khí.

¹ Báo cáo tháng 10 -1950 của UBKCHC huyện Đồng Hỷ - số 5928-VP-10-11-1950- tr.7- Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

Tuy vậy, trên thực tế, quân ta chưa sử dụng được hết các vũ khí thô sơ để đánh địch, chỉ chú trọng đánh địa lôi, mìn; kỹ thuật nói chung còn kém, ít kinh nghiệm chiến đấu. Do đó, hiệu suất chiến đấu trong từng trận đánh không cao, thậm chí có lúc bỏ lỡ cơ hội diệt địch. Chẳng hạn, ngày 6-10, địch từ Linh Nham vào Khe Mo, khi qua cầu Bò Đái, chúng chia thành hai cánh: một cánh đi vào Na Nưa, một cánh tiến thẳng đường cái. Đến Khe Mo, hai cánh quân này tập trung lại, sục sạo vào các xóm càn quét, không gặp bộ đội ta. Ở đây, du kích Long Khê đã có tổ chức trận địa mai phục, nhưng vì về ăn cơm trưa nên bỏ lỡ cơ hội đánh địch, lúc chúng đi qua. Hoặc ngày 7-10, khi một toán địch vào Na Ca (xã Hiệp Hòa), sục sạo, rồi kéo lên xóm Cầu Tre (nay là địa điểm phía sau bên ô tô Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên), chặt tre về rào công sự, không gặp sự kháng cự của ta.

Mặc dù có một số thiếu sót như trên, nhưng cuộc chiến đấu của quân và dân Đồng Hỷ đã góp phần đập tan hoàn toàn âm mưu của thực dân Pháp trong chiến dịch Phôcơ. Thắng lợi này cũng góp phần quan trọng vào thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, đồng thời trực tiếp bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam của ATK Trung ương. Trải qua thực tiễn chiến đấu và chiến thắng, quân và dân Đồng Hỷ trưởng thành thêm một bước, Đảng bộ Đồng Hỷ cũng rút được nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tổ chức chiến đấu bảo vệ hậu phương kháng chiến.

Sau ngày chiến thắng, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ vô cùng phấn khởi và càng tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Tin vui thắng trận tại mặt trận Biên giới bay về lại càng làm nức lòng đồng bào. Đó là một thuận lợi rất lớn giúp cho Đảng bộ và chính quyền lãnh đạo và tổ chức nhân dân địa phương đẩy mạnh công tác xây dựng hậu phương, tích cực chi viện tiền tuyến.

Bên cạnh thuận lợi nêu trên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ cũng gặp những khó khăn mới do sự hoạt động của địch gây ra.

Từ sau khi thất bại nặng nề trên mặt trận Biên giới thu - đông 1950, giặc Pháp thường xuyên cho máy bay ném bom bắn phá vùng tự do. Huyện Đồng Hỷ cũng là một trong những địa phương bị máy bay địch đến oanh tạc nhiều lần. Trưa ngày 3-3-1951, bốn phi cơ khu trục từ phía Hà Nội bay tới không phận xã Đức Tân, thả 8 quả bom xuống thôn Guộc, làm đổ 2 nhà, cháy 3 nhà. Độ 10 phút sau, bốn chiếc máy bay trên lại lao tới thôn Nam Đồng (xã Đức Tân), thả tiếp 8 quả bom. Chỉ trong nửa đầu năm 1951, đã có 55 lượt máy bay địch đến bắn phá, làm chết 40 người, 49 người bị thương, 127 gia đình bị cháy nhà. Bước sang năm 1952, địch càng tăng cường bắn phá. Ngày 20-3-1952, sáu chiếc máy bay B.26 từ phía nam bay tới không phận Đồng Hỷ. Chúng chia thành 2 tốp: một tốp (3 chiếc) thả 27 quả bom xuống Bến Gạo làm chết 3 người, bị thương 9 người, sau đó 2 phút, tốp thứ 2 (3 chiếc) thả 18 quả bom xuống Đồng Tâm (xã Đồng Bầm), làm chết 7 người, bị thương 1 người¹. Từ đó cho đến cuối năm 1952, máy bay địch liên tục đến bắn phá. Riêng trong tháng 9-1952 tại Đồng Hỷ đã có 8 lần máy bay địch đến oanh tạc.²

Đảng bộ và chính quyền địa phương tổ chức và lãnh đạo nhân dân các dân tộc vượt qua mọi khó khăn, tích cực đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất để tự cải thiện đời sống và tham gia đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Các phong trào “Tuần lễ làm cỏ bón phân”, “Tuần lễ toàn dân canh tác”... được phát động trong các xã. Triển khai chủ trương của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Đồng Hỷ tập trung chỉ đạo các cấp chính quyền và đoàn thể hướng dẫn nhân dân thực hiện chương trình tăng gia sản xuất vụ chiêm, vụ mùa đồng thời mở rộng diện tích cấy lúa ba giăng, chiêm bãi và các loại hoa màu (ngô, khoai, sắn). Ngoài các loại cây lương thực và hoa màu, huyện khuyến khích trồng các loại cây công nghiệp. Chỉ tính trong 7 xã, trong năm 1949 diện tích trồng dâu là 95 mẫu. Diện tích trồng bông đòi đạt 10 mẫu, mía là 50 mẫu.

¹ Báo cáo của Ty công an Thái Nguyên - số 678 - CT/CT- 27-3-1952 - Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên - tr.2

² Báo cáo của Tỉnh đội Thái Nguyên - số 72/QS/QB-9-10-1952 - Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên - tr.1

Năm 1952, dù gặp nhiều khó khăn do địch tăng cường bắn phá, nhân dân trong huyện vẫn đảm bảo diện tích gieo trồng. Một số biện pháp kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất. Phong trào “sạch làng tốt ruộng” được phát động rộng rãi trong toàn dân. Từ năm 1953, thắng lợi của cuộc thí điểm thực hiện giảm tô ở hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ cùng với những thắng lợi của quân và dân ta trên các chiến trường đã tạo nên một khí thế mới trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Diện tích cây chiêm được mở rộng, việc làm cỏ bón phân được đẩy mạnh, phong trào xây dựng tổ đội công tiếp tục duy trì và phát triển...

Bước vào năm 1954, hạn hán xảy ra trầm trọng. Một số cán bộ có tư tưởng ngại khó, thiếu tin tưởng vào việc chống hạn. Trước tình hình này, huyện Đồng Hỷ tổ chức hội nghị tổng kết sản xuất năm 1953 và đặt kế hoạch sản xuất năm 1954, các biện pháp chống hạn được đề ra. Cán bộ lãnh đạo huyện xuống các xã để trực tiếp chỉ đạo chống hạn. Đến tháng 4- 1954, riêng xã Đồng Bẩm đã làm và sửa chữa được 27 con nước, đắp thêm 5 đập, sửa được 48 con mương, đào mới và sửa chữa 136 ao, 48 giếng và 37 chuôm¹. Nhờ đó, vào thời gian này, tuy không phải là vụ trồng màu, nhưng cán bộ và nhân dân đã trồng được 17 mẫu ngô, 35 mẫu khoai lang, 216 mẫu sắn, trên 41 mẫu dâu và 21 mẫu vừng¹. Tổ đội công vẫn được giữ vững. Chỉ tính trong 18 xã, huyện Đồng Hỷ có 613 tổ đội công.

Từ giữa năm 1954, do yêu cầu động viên sức người sức của cho tiền tuyến, nhân dân trong huyện phải tham gia đi dân công phục vụ cầu đường và nhiều công tác khác, nên việc bảo đảm kịp thời vụ gặp khó khăn. Huyện đã tổ chức một cuộc hội nghị chuyên đề bàn về kế hoạch sản xuất. Theo quyết nghị của cuộc hội nghị này, mỗi xã xây dựng một tổ đội công điển hình, do một chi ủy viên hoặc Bí thư hay Phó Bí thư Nông hội phụ trách. Dù có một số thiếu sót trong quá trình theo dõi, kiểm tra, không kịp thời tổ chức đúc rút kinh nghiệm để phổ biến nhân điển hình, nhưng vụ mùa năm 1954 đã đạt được kết quả khá:

¹ Theo “Báo cáo tổng kết 1954” --Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên - Hồ sơ 382 - Cặp 45.
1,2. Theo “Báo cáo tổng kết 1954” - Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên - Hồ sơ 382 - Cặp 45.

- Lúa chiêm			
Cây đước	2855	mẫu 4 sào, thu	444.868 kg
- Lúa Ba giăng	2.517	mẫu 8 sào; thu	393.327 kg
- Khoai lang	720	mẫu 1 sào; thu	130.195 kg
- Ngô	501	mẫu 6 sào; thu	57.406 kg
- Các thứ đỗ	1.055	mẫu 6 sào; thu	231.628 kg
- Lúa mùa	20.017	mẫu 3 sào; thu	11.234.848 kg ²

Cùng với phong trào tăng gia sản xuất, công tác văn hóa, giáo dục cũng được chú trọng phát triển. Ngay từ năm 1949, vấn đề xây dựng xã kiểu mẫu đã đạt được đặt ra. Xã Đồng Mỹ được huyện chọn làm điểm chỉ đạo. Những tiêu chuẩn của một xã kiểu mẫu được xây dựng và phổ biến rộng rãi trong toàn dân:

- Đoàn kết chặt chẽ
- Bộ máy kháng chiến hành chính giỏi
- Dân quân du kích mạnh mẽ
- Các Ban chuyên môn hoạt động đều.
- Hội đồng nhân dân sinh hoạt đều, hoạt động mạnh.
- Gây được nghề trồng trọt mới, thủ công nghệ mới.
- Có trường học cao ráo, ngăn nắp và tủ sách lưu động.
- Có nhà hộ sinh
- Giữ vệ sinh đường sá
- Dân xã đào được nhiều giếng, ăn toàn nước giếng.
- Bỏ được nhiều tục xấu
- Tổ chức chăn nuôi có phương pháp, gây được phong trào chăn nuôi rộng rãi
- Triệt để bài trừ nạn mù chữ.

Những tiêu chuẩn trên là những hướng phấn đấu toàn diện nhằm xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Tuy chưa đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn đề ra, nhưng thông qua phong trào thi đua xây dựng xã kiểu mẫu, bộ mặt nông thôn Đồng Hỷ cũng có những thay đổi đáng kể. Phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ tiếp tục giữ vững và mở rộng. Tính đến năm 1950, số lớp bình

dân học vụ tăng lên 34 lớp; giáo viên tăng lên 19 người và số học viên tăng lên 205 người. Sang đầu năm 1951, hoạt động của Ban Bình dân học vụ ở các xã bị giảm sút do phần lớn đi dân công phục vụ chiến dịch. Nhưng sau đó, phong trào được phục hồi trở lại. Nhân dân các xã hào hứng tham gia đi học, quyên góp vật chất nuôi dưỡng giáo viên và xây dựng lớp học¹. Nhờ vậy, từ 149 lớp học sơ cấp và dự bị bình dân trước đó, đến giữa năm 1951 đã lên 177 lớp, số giáo viên từ 148 người lên 167 người và số học viên tăng từ 2.961 lên 3.837 người². Vào cuối năm này (1951), Đông Hỷ đã có 18.209/24.099 người từ 8 tuổi trở lên đã biết đọc biết viết, đạt tỷ lệ cao nhất so với các huyện khác trong tỉnh. Tuy nhiên, phong trào phát triển chưa đều, có nơi còn yếu. Cá biệt có xã (Minh Lập) đến năm 1954, toàn bộ Ban chấp hành phụ nữ gồm 9 người, đều không biết chữ. Đa số cán bộ khác còn đọc và viết chậm, vừa đọc vừa đánh vần.

Ngành giáo dục phổ thông phát triển nhanh. Đến cuối năm 1952, toàn huyện có 1 trường trung học Ngô Quyền đặt ở xã Đức Tân, 15/17 xã đều có trường tiểu học (chỉ còn 2 xã Long Khê và Vân Hòa chưa có trường). Tổng số lớp học trong huyện là 84 lớp, với 45 giáo viên và 1652 học sinh. Nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy được cải tiến từng bước. Ngoài công việc chuyên môn ở nhà trường, giáo viên và học sinh tích cực tham gia các công tác xã hội, tăng gia sản xuất, đi dân công, mua công trái... Tính riêng trong 6 tháng đầu năm 1951, ngành giáo dục tiểu học đã tổ chức nói chuyện 17 lần cho 330 người nghe, thu hoạch tăng gia sản xuất được 60.550 đồng, trồng được nhiều sắn, tham gia công tác kiến thiết được 1.350 ngày công.

Công tác bổ túc văn hóa cũng được Huyện ủy chú trọng, nhất là trong những năm cuối. Các xã Lương Sơn, Quang Vinh tổ chức lớp học bổ túc ngay tại trụ sở làm việc cho án bộ thường trực. Tại một số xã: Tích Lương, Phúc Xuân, Tân Cương, Chi ủy và Ủy ban xã xây dựng được kế hoạch với những

¹. Nhân dân đã ủng hộ cho phong trào bình dân học vụ được 39.955 đồng, một số tặng phẩm, sách vở, giấy bút (giá 1 tạ gạo tẻ lúc này là 39.600 đồng)

² Báo cáo 6 tháng đầu năm 1951 của UBNDHC Đông Hỷ - số 3615/VP - tr.4 - Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên

biện pháp và chỉ tiêu cụ thể, nên cán bộ tham gia đi học bỏ túc rất đông. Tuy nhiên, một số xã (Quang Vinh, Quyết Thắng) chỉ quan tâm chỉ đạo thời gian đầu, về sau, khi phải tập trung chỉ đạo công tác làm tà vẹt, dân công, thuế nông nghiệp, thì phong trào bỏ túc văn hóa bị buông trôi, nên lắng hẳn xuống.

Sự phát triển văn hóa, giáo dục có tác dụng nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, tạo điều kiện cho đồng bào phát huy vai trò quản lý xã hội. Cũng nhờ đó, việc thực hiện nếp sống mới được ngày càng rộng rãi trong nhân dân các dân tộc. Những tệ nạn xã hội cùng với những phong tục, tập quán lạc hậu đã từng ăn sâu bén rễ lâu đời trong đồng bào, từng bước được khắc phục. Đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân được cải thiện một bước.

Cuộc kháng chiến trường kỳ càng phát triển đi lên, càng trở nên gian nan, quyết liệt “ nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta ¹. Nhận thức rõ điều ấy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ hăng hái đóng góp nhân lực, tài lực, vật lực cho kháng chiến.

Sau khi góp phần đánh bại cuộc tấn công của giặc Pháp vào căn cứ địa Việt Bắc thu - đông 1947, nhất là sau ngày được giải phóng (10-1950), Đảng bộ Đồng Hỷ tập trung lãnh đạo vào ba công việc chính: huy động dân công phục vụ chiến dịch, sửa chữa cầu đường, mua công trái quốc gia. Cả ba việc đó đều được toàn dân hưởng ứng tích cực. Sôi nổi nhất là phong trào đi dân công phục vụ chiến dịch và sửa chữa cầu đường.

Sau chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, biên giới Việt - Trung được khai thông. Đường số 3 trở thành một trong những con đường giao thông huyết mạch của các chiến trường toàn quốc. Đường 1B - nối liền thị xã Thái Nguyên qua vùng đất huyện Đồng Hỷ, qua Võ Nai, Bắc Sơn, đến tận Lạng Sơn - cũng giữ một vị trí chiến lược quan trọng. Bởi vậy, thực dân Pháp thường xuyên cho máy bay đến ném bom đánh phá rất ác liệt. Chúng tập trung oanh tạc liên tiếp cả cầu, đường và làng mạc, thị trấn ven các trục đường giao thông. Bến Tượng, Bến Oánh, Ngọc Lâm, km 6 quốc lộ 1B...là những trọng điểm thường xuyên

¹ *Hồ Chí Minh* toàn tập – tập 4- NXB Sự thật - Hà Nội 1984 -tr.203

bị máy bay địch bắn phá. Mỗi đợt chúng huy động từ 2 đến 4 máy bay, có đợt lên tới 10 chiếc. Trong hoàn cảnh ấy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ cùng với nhân dân Thái Nguyên và Bắc Cạn đảm nhận trọng trách bảo đảm giao thông suốt để kịp thời phục vụ cho các chiến dịch. Mặt trận sửa chữa cầu đường lúc này cũng không kém phần gay go, ác liệt. Nhiều thanh niên xung phong, thanh niên nam nữ, các xã đã ngã xuống trên mặt trận sửa chữa cầu, đường.

Từ năm 1951 đến năm 1953 tỉnh huy động nhiều đợt dân công phục vụ chiến dịch và sửa chữa cầu, đường. Có năm (1953), theo yêu cầu của cấp trên, tỉnh huy động tới 7,8 đợt dân công; đợt nào cũng có hàng ngàn dân công huyện Đồng Hỷ tham gia. Một số xã luôn luôn vượt chỉ tiêu huy động dân công phục vụ chiến dịch. Nhiều đảng viên nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu, xung phong đi dân công liên tục 3-4 đợt trong một năm. Nhiều tấm gương tập thể và cá nhân điển hình xuất hiện, tiêu biểu là xã Túc Duyên, người đi nhiều nhất là 135 ngày, ít nhất là 15 ngày trong một năm; xã Hiệp Hòa, người đi nhiều nhất là 160 ngày, ít nhất từ 15 đến 30 ngày trong một năm¹.

Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng với truyền thống yêu nước, biết hy sinh vì nghĩa lớn, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ thường xuyên đóng góp cho Nhà nước, tiếp tế, ủng hộ bộ đội. Hội mẹ chiến sĩ được thành lập và có nhiều hoạt động thiết thực. Các phong trào chăm sóc thương binh, bệnh binh, đón bộ đội về làng, đỡ dãn bộ đội v.v...thường xuyên diễn ra, thu hút mọi tầng lớp tham gia sôi nổi. ngay cả trong thời gian đang có chiến sự, nhân dân trong huyện vẫn tích cực quyên góp, giúp đỡ bộ đội được 164 nôi thóc, 64 nôi gạo (một nôi thóc tương đương 20 kg), 67.620 đồng, 10 con bò, không kể lợn, gà, vịt v.v... Trong những năm sau, phong trào ủng hộ bộ đội, đỡ đầu các đơn vị bộ đội càng lan rộng ra nhiều xã.

Từ tháng 4 - 1949, giá sinh hoạt nói chung và giá gạo nói riêng ở trong tỉnh Thái Nguyên lên cao, đời sống của bộ đội gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình này, tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên chỉ thị

¹ Báo cáo tình hình mọi mặt tỉnh Thái Nguyên- Ban chấp hành tỉnh TN - 31-3-1953 - Bản đánh máy - tr.3 - Lưu tại Ban NCLSD Thái Nguyên.5

cho các huyện hô hào dân chúng bán gạo rẻ cho bộ đội với giá cứu quốc, thấp hơn so với giá thị trường. Nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ nhiệt tình hưởng ứng chủ trương trên. Riêng xã Dân Chủ đã vận động nông dân bán được 12 tấn thóc, chiếm 1/5 thóc, gạo của toàn tỉnh bán rẻ cho bộ đội. Có gia đình (ông Nguyễn Viết Cung ở xã Dân Chủ) đã xung phong bán 100 nôi thóc (tương đương 2 tấn)¹. Không chỉ đóng góp về vật chất, Đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ còn tích cực động viên con em xung phong tòng quân, xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân. Nhiều thanh niên các dân tộc Đồng Hỷ gia nhập bộ đội và tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Trong số đó có nhiều người đã hy sinh anh dũng, góp phần đem lại chiến công của dân tộc.

Bộ đội địa phương và dân quân du kích huyện Đồng Hỷ được xây dựng và trưởng thành trong kháng chiến. Đây cũng là nguồn bổ sung thường xuyên cho các đơn vị bộ đội chủ lực tỉnh và khu. Từ năm 1951, cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang địa phương bước vào đợt luyện quân “Mùa xuân Quang Trung”, kéo dài 2 tháng rưỡi. Nhân dân các xã tích cực ủng hộ vật chất cho lớp huấn luyện. Qua đợt huấn luyện, trình độ tác chiến cũng như trình độ chính trị - tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ được nâng cao lên một bước. Ý thức xây dựng lực lượng vũ trang trong nhân dân cũng được nâng cao.

Đi đôi với công tác phát động quần chúng tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc, xây dựng lực lượng vũ trang, bộ máy các cơ quan Đảng, dân, chính từ huyện xuống xã được chân chính từng bước. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, từ cuối năm 1950, hướng về Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai, các cấp Đảng bộ trong huyện tập trung vào nhiệm vụ củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ liên tiếp tổ chức các cuộc vận động “ Học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng”, “Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính”. Thông qua các cuộc vận động hầu hết các Ban chi ủy được củng cố và kiện toàn. Khi bước vào đợt thi điểm giảm tô (1953), chi bộ và đoàn thể các xã Dân Chủ, Đồng Bẩm, Phúc Xuân...tiếp tục được chỉnh đốn. Nhiều đảng viên tiêu

¹ công văn của UBKCHC Thái Nguyên gửi văn phòng Chủ tịch CP - 22-7-1947.

biểu, xuất thân từ các thành phần cơ bản được bổ sung vào cấp ủy. Sức chiến đấu của Đảng bộ không ngừng được nâng lên. Đây chính là nguyên nhân cơ bản giúp cho Đảng bộ Đồng Hỷ làm tròn vai trò tổ chức và lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi mọi mặt công tác, góp phần không nhỏ vào chiến công chung của dân tộc, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954).

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ ĐỒNG HỖ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHÔI PHỤC CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VĂN HÓA (7-1954 - 9 -1965)

I – KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1954-1957)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã trực tiếp quyết định đến thắng lợi của ta tại Hội nghị Giơnevơ, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Hòa bình được lập lại, miền Bắc tiến lên CNXH. Miền Nam tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Phấn khởi trước thắng lợi lớn của dân tộc, cùng với cả miền Bắc, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói chung và Đồng Hỷ nói riêng bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới.

Trong kháng chiến chống Pháp, Đồng Hỷ là vùng tự do, là địa bàn đứng chân của các cơ quan Liên khu Việt Bắc, các đơn vị bộ đội; là nơi nhân dân các tỉnh Hà Nội, Hà Đông, thị xã Thái Nguyên tản cư đến làm ăn sinh sống và tham gia kháng chiến, tạo nên cuộc sống đông vui nhộn nhịp. Những địa danh Phố Đán, phố Phúc Trìu (nay thuộc thành phố Thái Nguyên) ra đời từ ngày đó.

Hòa bình lập lại, các cơ quan Liên khu rút về thị xã Thái Nguyên. Đồng bào tản cư trở về quê cũ. Tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đồng Hỷ nói riêng không còn cảnh nhộn nhịp đông vui.

Sau khi hòa bình lập lại, nhân dân các dân tộc trong huyện phấn khởi bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Song cũng còn muôn vàn khó khăn đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân phải nhanh chóng giải quyết.

Kinh tế của Đồng Hỷ chủ yếu là nông nghiệp. Mặc dù là vùng tự do nhưng trong hoàn cảnh kháng chiến cơ sở vật chất thiếu thốn, việc đầu tư cho phát triển sản xuất còn ít, trình độ canh tác của nông dân còn lạc hậu... nên năng suất thấp. Hơn nữa, máy bay Pháp thường xuyên bắn phá gây nhiều thiệt hại, nhất là những năm cuối của cuộc chiến tranh. Nhiều diện tích ruộng đất phải bỏ

hoang. Việc huy động nhân, vật lực cho chiến trường nhiều, thiếu sức lao động...đời sống nhân dân còn rất nhiều khó khăn.

Trong thời kỳ kháng chiến, nhân dân Đồng Hỷ được tiếp thu và xây dựng nền văn hóa mới theo phương châm dân tộc, khoa học và đại chúng. Nhiều trường học được lập ra. Phong trào bình dân học vụ được mở rộng...Nhưng cũng do hoàn cảnh chiến tranh nên còn nhiều hạn chế. Nhiều tập tục lạc hậu chưa được khắc phục, trình độ dân trí còn thấp. Đặc biệt về y tế, trước đây các cơ sở y tế của Liên khu, của các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn đã tạo điều kiện giúp đỡ khám, chữa bệnh cho nhân dân. Nay các cơ quan ấy rút đi trong khi mạng lưới y tế của địa phương chưa đủ lớn mạnh để bù đắp, tạo nên sự hẫng hụt lớn.

Đại đa số nhân dân các dân tộc trong huyện phấn khởi, tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, hăng say lao động sản xuất xây dựng quê hương. Nhưng cũng còn một số người do thiếu hiểu biết bị kẻ địch dụ dỗ, lừa gạt, cưỡng ép di cư vào Nam gây nên tình trạng lộn xộn, hoang mang trong nhân dân, nhất là đồng bào theo đạo Thiên chúa.

Những khó khăn trên thực tế là những gánh nặng trên vai Đảng bộ và nhân dân trong huyện. Nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ lúc này là tập trung lãnh đạo nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân, trước mắt là tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng ruộng đất, đem lại lợi ích thiết thực cho nông dân.

1. Tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng ruộng đất:

Thực hiện mục tiêu “người cày có ruộng”, vấn đề từng bước đem lại quyền lợi về ruộng đất cho nông dân được Đảng và Nhà nước ta đặt ra ngay từ sau ngày cách mạng tháng Tám thành công. Thực hiện mục tiêu trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thái Nguyên, trong những năm kháng chiến, Đảng bộ, chính quyền Đồng Hỷ đã tổ chức thực hiện các chính sách của Nhà nước đem lại quyền lợi cho nông dân.

Trước cách mạng tháng Tám, ở Đồng Hỷ, các chủ đồn điền người nước ngoài và địa chủ người Việt nắm trong tay phần lớn ruộng đất trong huyện. Đa số nông dân không có ruộng cày, phải vào làm tá điền trong các đồn điền hoặc lĩnh canh, nộp tô cho địa chủ. Do đó, họ bị các chủ đất áp bức, bóc lột nặng nề. Cách mạng tháng Tám thành công các chủ đồn điền người Pháp và địa chủ Việt gian phản động bỏ chạy. Chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất “vắng chủ” tạm cấp cho dân cày nghèo. Tính đến tháng 8-1950, toàn huyện đã tạm cấp 3617 mẫu ruộng (gần 1339ha) cho 1076 hộ nông dân. Trong đó có một số đồn điền lớn như: đồn điền Đồng Quang 1595 mẫu cấp cho 1540 nhân khẩu, đồn điền Gia Sàng 1066 mẫu cấp cho 945 nhân khẩu....

Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh buộc số địa chủ còn lại phải giảm tô 25%, xóa bỏ địa tô phụ, xóa bỏ chế độ quá điền, giảm tức... Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nông dân và xu thế phát triển của cuộc kháng chiến, phần lớn địa chủ phải thực hiện giảm tô, giảm tức theo đúng sắc lệnh của Chính phủ năm 1949. Một số điền chủ tự nguyện hiến ruộng cho chính quyền để cấp cho nông dân sản xuất, nộp thóc cho Chính phủ. Điển hình là công ty Ôn Lương (đồn điền của Bùi Huy Thiệp ở xã Tích Lương) hiến 222 mẫu ruộng cho nông dân v.v...

Để tiếp tục “xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của địa chủ Việt Nam, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân”¹, sau đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, từ tháng 5-1954 đến tháng 1 1955, Đồng Hỷ tiến hành 2 đợt cải cách ruộng đất ở 21 xã trong huyện². Qua 2 đợt cải cách ruộng đất, toàn huyện có 317 trường hợp bị quy định là thành phần địa chủ, trong đó có 73 địa chủ cường hào gian ác, 244 địa chủ thường, 244 phú nông và 110 gia đình thuộc thành phần bóc lột khác. Hàng trăm ha ruộng đất cùng hàng trăm con trâu bò từ trong tay giai cấp địa chủ được chia cho nông dân nghèo.

¹ NQ hội nghị lần thứ 4 BCH TW (25 đến 30-1-1953).

² Đó là các xã: Phúc Xuân, Đồng Bầm, Minh Lập, Hóa Trung, Túc Duyên, Gia Sàng, Tân Cương, Phúc Trìu, Đồng Quang, Thành Công, Quang Vinh, Quyết Thắng, Đồng Tiến, Cao Ngạn, Dân Chủ, Tích Lương, Tân Quang, Cam Giá, Thịnh Đức, Lương Sơn, Bình Sơn.

Sau gần một năm thực hiện cuộc cải cách ruộng đất ở Đồng Hỷ, giai cấp địa chủ hoàn toàn bị đánh đổ. Chế độ sở hữu ruộng đất thuộc về tay nông dân. Ước vọng ngàn đời của nông dân được giải quyết, khẩu hiệu “Người cày có ruộng” được thực hiện.

Tuy vậy, cũng như nhiều địa phương khác trên miền Bắc, cuộc cải cách ruộng đất ở Đồng hỷ đã mắc một số sai lầm nghiêm trọng.

Trong kháng chiến chống Pháp Đồng Hỷ là vùng tự do, nên có điều kiện thuận lợi để thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Nhà nước. Diện tích ruộng đất địa chủ chiếm hữu đã bị thu hẹp qua các đợt chính quyền tịch thu ruộng đất, đồn điền Pháp và địa chủ việt gian phản động chia cho dân cày. Sau các đợt giảm tô nhiều chủ ruộng hiến ruộng cho Chính phủ, hoặc không thuê mướn được nhân công nên đã bán bớt ruộng, một số tự làm lấy. Số gia đình chuyên phát canh thu tô còn lại rất ít. Trong quá trình cải cách ruộng đất do không nắm vững được đặc điểm này, lại thực hiện một cách máy móc, dẫn đến tình trạng quy chụp, gò ép, quy sai thành phần nhiều gia đình¹.

Trong khi tiến hành giảm tô, cải cách ruộng đất, chúng ta đồng thời tiến hành chỉnh đốn chi bộ mà nhiệm vụ trọng tâm là “cải biến thành phần chi bộ”. Chủ trương này được đề ra xuất phát từ nhận thức cho rằng: chi bộ nông thôn quá phức tạp, bị bọn địa chủ, cường hào và phản động lũng đoạn; trong chi bộ còn nhiều người thuộc thành phần giai cấp bóc lột, hoặc có liên quan đến giai cấp bóc lột và đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho chi bộ yếu kém. Vì vậy phải cải biến thành phần sao cho đảng viên trong các chi bộ chủ yếu là người thuộc giai cấp cần lao. Cùng với những biện pháp như trong giảm tô, cải cách ruộng đất, tất cả những đảng viên thuộc thành phần lớp trên hoặc có liên quan đến thành phần này, đều bị đưa ra kiểm thảo, thậm chí bị truy bức, bị cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng.²

¹ Trong 21 xã cải cách ruộng đất quy 317 địa chủ sau sửa sai còn lại 44 trong đó có 27 địa chủ kháng chiến.

² Trong cuộc vận động này toàn huyện có 330 đảng viên (trong đó có 58 chi ủy viên) bị cách chức, bị khai trừ ra khỏi đảng - số liệu thống kê sửa sai về chi bộ của huyện Đồng Hỷ.

Trong quá trình thực hiện, do đánh giá sai về chi bộ nông thôn, dẫn đến không tin tưởng, không dựa vào chi bộ, thậm chí cả cấp Huyện ủy cũng không được tin dùng. Đoàn chỉnh đốn tổ chức không nắm vững phương châm “trị bệnh cứu người” trên cơ sở tự nguyện, tự giác của đảng viên để có biện pháp giáo dục, giúp đỡ mà chỉ nhìn vào thành phần xuất thân để đánh giá, đưa ra kiểm thảo. Trong quá trình kiểm thảo, chúng ta đưa cả quần chúng vào dự, đấu tranh với đảng viên một cách vô nguyên tắc, biến việc giáo dục đảng viên thành cuộc đấu tranh giai cấp trong Đảng. Thành một số phần tử xấu cũng vào dự lễ họp để dễ lợi dụng đả kích, nhục mạ đảng viên một cách thô bạo.

Trong giảm tô, cải cách ruộng đất, vấn đề phát triển Đảng được trung ương chỉ đạo “hướng vào bản cố nông”. Điều đó phù hợp với tình hình thực tế cách mạng và công tác xây dựng Đảng mấy năm trước đó, khi tỷ lệ đảng viên thuộc thành phần bản cố nông còn ít. Thực hiện chủ trương trên, trong quá trình thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất ở 22 xã, Đồng Hỷ kết nạp được 224 đảng viên mới. Nhưng trong quá trình thực hiện chúng ta lại phạm phải sai lầm máy móc; Chỉ chú ý bồi dưỡng phát triển Đảng ở những người thuộc thành phần bản, cố nông, kể cả một số người chưa đủ điều kiện và tiêu chuẩn. Nhiều người thuộc thành phần trung nông có tư cách đạo đức tốt, có năng lực và nhiệt tình công tác lại không được xét kết nạp.

Mặt khác, công tác tuyên truyền giáo dục ý thức về Đảng cho các đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới chưa đầy đủ. Sự hiểu biết về Đảng, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên còn rất thấp, nên khi đội chỉnh đốn tổ chức rút đi, số đảng viên này không hoạt động, bỏ công tác hoặc xin ra Đảng. (105 người trên tổng số 224 đảng viên được kết nạp trong thời gian này).

Cũng từ nhận thức: thành phần chi ủy trong các chi bộ nông thôn phức tạp, bị địa chủ, phú nông khống chế, nên chúng ta đặt vấn đề cải tạo chi ủy. Thực tế trong các ban chi ủy ở nông thôn Đồng Hỷ đến trước giảm tô, số người thuộc thành phần lớp trên chỉ chiếm 11,6%, trong đó nhiều người đã được rèn luyện trong chiến đấu, trong kháng chiến và đều là người chấp hành tốt các chính

sách của Đảng và Chính phủ, có nhiều kinh nghiệm công tác. Nhưng vì nhận thức chủ quan nên trong chỉnh đốn tổ chức ở 25 xã, ta đã xử trí 58 chi ủy viên. Các chi ủy viên mới được đề bạt phần lớn là đảng viên mới, chưa có kinh nghiệm công tác, có người mới được kết nạp vài tháng, được rút ngắn thời gian dự bị và đề bạt vào chi ủy. Có chi ủy viên kiêm nhiệm quá nhiều chức nhưng thực tế không làm được việc (xã Hóa Trung)

Những sai lầm trên gây không khí căng thẳng ở nông thôn, gây tổn thất nặng nề đến lực lượng của Đảng.

Khi phát hiện sai lầm, tháng 7-1956 Ban chấp hành Trung ương có Nghị quyết “kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”. Tiếp đó, đến tháng 11-1956 Ban chấp hành Trung ương lại chỉ thị cho các địa phương: “phải coi công tác sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là một công tác trung tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Thái Nguyên tổ chức cho cán bộ tỉnh, huyện học tập chính sách sửa sai, sau đó chỉ đạo mỗi huyện lấy một xã làm thí điểm để rút kinh nghiệm. xã Dân Chủ được chọn làm điểm chỉ đạo sửa sai để rút kinh nghiệm chung.

Ngày 17-12-1956, các đoàn sửa sai của huyện bắt đầu xuống xã tổ chức các chi bộ học tập mục đích, ý nghĩa của công tác sửa sai.

Trước khi tổ chức học tập, tình hình các xã đều hết sức phức tạp, mất đoàn kết nghiêm trọng. Hiện tượng những người bị quy sai thành phần đe dọa, đả kích, định đánh cán bộ, nhất là những người đầu tổ sai trong giảm tô, cải cách ruộng đất, xảy ra phổ biến. Một số xã đã xảy ra đánh nhau giữa các đối tượng trên (Quang Vinh, Cam Giá, Thành Công). Đa số đảng viên nằm im không hoạt động, cán bộ xin thôi, xin nghỉ việc hoặc xin thoát ly khỏi địa phương.

Mặc dù khó khăn, phức tạp, nhưng với tinh thần kiên quyết, khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc, các đội sửa sai kiên trì giải thích, động viên cán bộ, đảng viên và sau đó là nhân dân học tập chính sách sửa sai.

Nhờ có chủ trương kịp thời, đúng đắn và được quần chúng nhân dân tin tưởng, ủng hộ, công tác sửa sai đã thu được kết quả. Thông qua sửa sai, chúng ta đã phục hồi đảng tịch, phục chức cho 221 đảng viên, chi ủy viên; sửa chữa, hạ thành phần cho 557 gia đình.

Việc đền bù tài sản cho những người bị quy sai thành phần cũng được tiến hành khẩn trương. Chi tính riêng 7 xã (Thịnh Đức, Tân Cương, Quyết thắng, Đồng Tiên, Túc Duyên, Cam Giá, Thành Công), đội đã giải quyết đền bù 163 mẫu ruộng, 46 con trâu bò cho 78 hộ gia đình và vận động những hộ này không nhận đền bù số còn thiếu là 36 mẫu ruộng, 60 con trâu bò. Chính phủ còn hỗ trợ 15807121đ cho 21 xã trong huyện đã qua cải cách ruộng đất có thêm điều kiện thuận lợi để tiến hành công tác đền bù tài sản.

2. Khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa.

Chiến tranh kết thúc, hòa bình được lập lại, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ là lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong toàn huyện xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Do đó, song song với công tác cải cách ruộng đất và sửa sai, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa luôn luôn được Đảng bộ coi trọng. Trước tình hình khó khăn về kinh tế, nhất là lương thực, Huyện ủy chỉ đạo các xã đẩy mạnh tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm, cứu đói. Bằng các phong trào thi đua: mở rộng diện tích, cấy hết diện tích, trồng thêm rau màu...nhiều diện tích ruộng, đất hoang hóa đã được đưa vào sản xuất. Chỉ riêng ruộng phục hóa trong 3 năm (1955- 1957) Đồng Hỷ đã đưa hơn 500 ha vào gieo trồng.

Trong sản xuất, những gia đình nghèo, những người mới được chia ruộng trong cải cách ruộng đất gặp rất nhiều khó khăn. Cùng với sự hỗ trợ của tỉnh, Huyện ủy phát động phong trào tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các hộ nông dân với tinh thần “lá lành đùm lá rách”. Hàng trăm tổ đổi công, trong đó hơn 20% số tổ đổi công thường xuyên hoạt động tích cực, trợ giúp nhau về giống, vốn, sức kéo, nhân lực và cả lương ăn. Nhờ đó, diện tích gieo trồng được mở

rộng. Chỉ riêng diện tích trồng lúa (bao gồm lúa chiêm, Nam Ninh, lúa Ba giăng, lúa mùa, lúa rẫy) đã tăng từ 7100 ha (năm 1955) lên 9817 ha (năm 1957)¹. Các biện pháp kỹ thuật: đắp bờ giữ nước, làm cỏ, bón phân đều được khuyến khích, nên mặc dù trong những năm này thời tiết diễn biến phức tạp: hạn, lụt, mưa bão, sâu bệnh phá hoại², nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn được mùa. Năm 1957, sản lượng lúa đạt 15.672 tấn. Cùng với hàng ngàn tấn khoai, sắn, lạc, đỗ các loại, Đảng Hồ đã cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực cho nhân dân. Tình trạng thiếu đói trong các kỳ giáp hạt uy vẫn còn xảy ra ở một số nơi, nhưng không còn trầm trọng như trước.

Nhịp độ phát triển chăn nuôi vẫn được giữ vững. Đàn trâu, bò tăng từ 7900 con năm 1956, lên 9900 con năm 1957, trong đó đàn bò có 1009 con, đứng hàng đầu các huyện trong tỉnh; đàn lợn tăng gần 2,5 lần trong 2 năm.

Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, phần đóng góp cho Nhà nước cũng được bảo đảm. Trong 3 năm liền (1955-1957), Đảng Hồ luôn hoàn thành chỉ tiêu thuế nông nghiệp.

Chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ. Mặc dù trong những năm này tình hình kinh tế xã hội còn rất nhiều khó khăn, công tác giáo dục vẫn được Đảng bộ quan tâm. Hơn 2000 cháu trong độ tuổi được cấp sách đến trường. Phong trào bình dân học vụ được giữ vững và phát triển, nhất là ở nông thôn. Nhiều gia đình tất cả mọi người cùng đi học. Tới tới, bố, mẹ, con cái cùng nhau học bài bên cây đèn dầu là nét đẹp của nền văn hóa mới.

Để chăm lo sức khỏe nhân dân, đến cuối năm 1956, 100% số xã trong huyện đã thành lập được ban phòng bệnh; 100% số xóm xây dựng được tủ thuốc. Phong trào vệ sinh thôn xóm được duy trì đều. Đoàn thanh niên, hội phụ nữ không chỉ đi đầu trong sản xuất, xây dựng tổ đổi công... mà còn là lực lượng

¹ Bản tổng hợp các mặt của Đảng Hồ năm 1957 - Lưu trữ tại UBND tỉnh Thái Nguyên - ĐVBQ 834 tờ số 46.

² Vụ mùa năm 1955 Đảng Hồ phải huy động 26.919 ngày công bắt 22.650 kg sâu, cứu được 2634 mẫu lúa (1000 ha).

xung kích trong phong trào bài trừ mê tín dị đoan, xây dựng cuộc sống văn hóa mới.

Tuy vậy, phong trào giáo dục ở các xã vùng sâu, vùng xa, như Khe Mo, Vân Lăng... còn gặp nhiều khó khăn. Giáo viên thiếu, trường lớp, bàn ghế phần lớn còn tạm bợ. Phong trào bổ túc văn hóa không duy trì được đều do đa số cán bộ, đảng viên cấp xã ngại đi học¹. Phong trào vệ sinh phòng bệnh tuy có tiên bộ, nhưng do trình độ hiểu biết của nhân dân còn hạn chế, lực lượng thầy thuốc mỏng, thuốc chữa bệnh không đủ, nên còn dễ xảy ra những đợt dịch đau mắt hột, kiết lỵ... Bệnh sốt rét đang còn là mối lo lắng của nhân dân.

Tóm lại, tuy còn nghèo, khó khăn thiếu thốn nhiều bề, nhưng qua ba năm khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã đạt được những kết quả quan trọng bước đầu. Đảng bộ có thêm kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương. Đây là những vốn quý để Đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ bước vào chặng đường mới.

¹ Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1956 của tỉnh Thái Nguyên.

II CẢI TẠO CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ THEO HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1958 -1960)

Sau ba năm khôi phục và phát triển kinh tế, miền Bắc nước ta chuyển sang giai đoạn thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo các thành phần kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa (1958-1960)

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (11-1958) “Đẩy mạnh cuộc cách mạng XHCN đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh”.

Trên 95% dân số trong huyện là nông dân, sinh sống chủ yếu bằng nghề nông. Do vậy, cuộc cải tạo XHCN ở Đồng Hỷ trong giai đoạn này trước hết là vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể. Với tinh thần ấy, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện Đồng Hỷ căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương trong năm 1958 tiếp tục củng cố và phát triển tổ đổi công. Trong hai tháng 6 và 7-1958, trong cuộc phát động thi đua sản xuất giành vụ mùa thắng lợi, toàn huyện đã củng cố và phát triển được 339 tổ đổi công. Tính đến tháng 8-1958, toàn huyện đã có 934 tổ đổi công lao động, trong đó có 870 tổ đổi công từng vụ, từng việc, 45 tổ đổi công thường xuyên, 19 tổ đổi công có bình công chấm điểm, gồm 6350 hộ, chiếm 84,1% tổng số hộ nông dân trong toàn huyện. Trong số này, có 743 đảng viên tham gia, bằng 94,5% tổng số đảng viên của Đảng bộ.

Từ giữa năm 1958, trong khi tiến hành củng cố và phát triển tổ đổi công, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 về xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Huyện ủy tổ chức cho đảng viên và quần chúng học tập chương trình, nội dung xây dựng hợp tác xã. Cuộc vận động hợp tác hóa ở Đồng Hỷ được tiến hành trên cơ sở phong trào tổ đổi công lao động đã phát triển và mang lại những hiệu quả thiết thực cho nông dân trên đồng ruộng. Đây là một thuận lợi, giúp cho cuộc vận động hợp tác hóa nông

nghiệp ở Đồng Hỷ thu được kết quả. Tháng 8-1958, Huyện ủy chỉ đạo xây dựng thí điểm một hợp tác xã nông nghiệp ở Xuân Quang (xã Gia Sàng), gồm 25 hộ, 198 nhân khẩu, (bằng 0,03% số hộ nông dân trong toàn huyện), trong đó có 40 lao động và 32 mẫu ruộng.

Cuối năm 1958, từ những tổ đổi công hoạt động đạt hiệu quả cao, có bình công chằm điếm, huyện chỉ đạo xây dựng thêm 8 hợp tác xã ở các xã Tích Lương, Quang Vinh, Đồng Bẩm và Gia Sàng. Từ kinh nghiệm của 9 hợp tác xã thí điểm, cuộc vận động được mở rộng trong toàn huyện. Đến cuối năm 1959, Đồng Hỷ đã tổ chức được 47,1% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Cuối năm 1960, toàn huyện có 246 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bao gồm 8670 hộ nông dân, 91% số hộ nông dân trong toàn huyện, trong đó có 42 hợp tác xã bậc cao, 38 hợp tác xã thực hiện 3 khoán.

Đối với thợ thủ công và những người buôn bán, ở các điếm tập trung dân cư như: Mỏ Chè, Phúc Trìu, Dân Chủ... Huyện ủy tổ chức học tập chính sách kinh tế mới. Hiểu rõ vai trò, tính chất, tác dụng của phương thức làm ăn tập thể, hầu hết các gia đình nói trên đều tự nguyện gia nhập hợp tác xã. Đến năm 1960, toàn huyện đã xây dựng được 13 hợp tác xã thủ công nghiệp, thương nghiệp, với 259 hộ (bằng 90% tổng số thợ thủ công và người buôn bán). Số thợ thủ công và các hộ buôn bán ở những địa bàn nhỏ lẻ, chưa đủ điều kiện thành lập hợp tác xã, được tổ chức vào các hợp tác xã nông nghiệp (Đồng Quang, Túc Duyên). Cùng với cải tạo, công tác quản lý sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã thủ công nghiệp được các cấp, các ngành quan tâm, nên đạt hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh. Thu nhập bình quân của một thợ thủ công đạt 52,5 đồng một tháng, của những người buôn bán nhỏ đạt 32,5đ một người một tháng. Ngoài sản xuất, kinh doanh, các hộ thủ công và tiểu thương còn tổ chức chăn nuôi, trồng thêm hoa màu.

Đưa nhân dân, nhất là nông dân vào con đường làm ăn tập thể là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn lịch sử lúc đó.

Để đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra đầu năm 1960: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo phương châm toàn diện, vững chắc, bảo đảm bình quân đầu người 480 kg lương thực, 20 kg thịt, cá một năm, Huyện ủy chủ trương tăng cường cán bộ xuống cơ sở nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc, theo khẩu hiệu “tất cả cho sản xuất phát triển”.

Năm 1959 được mùa, nhân dân phấn khởi, nhưng bước vào năm 1960 thời tiết khắc nghiệt, đầu vụ nắng hạn kéo dài, cuối vụ lũ lụt lớn. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, tinh thần kiên quyết, bền bỉ, chủ động, sáng tạo của các chi ủy, của cán bộ đảng viên và nhân dân được phát huy thông qua các cuộc thi đua: “Toàn dân chống hạn”, “Thi đua cấy hết diện tích”. Thi đua phát triển rau màu...”.

Để không ngừng nâng cao năng suất cây trồng, đặc biệt là năng suất lúa, Huyện ủy chỉ đạo các xã chú trọng áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn. Trong đó, thủy lợi là biện pháp hàng đầu. Huyện đã huy động 79.340 ngày công, tu sửa và làm mới 102 công trình thủy lợi lớn, nhỏ, cung cấp nước tưới cho 694 mẫu ruộng, đưa gần 2000 mẫu từ 1 vụ thành 2 vụ lúa.

Từ nhận thức phân bón là yếu tố quyết định để tăng năng suất cây trồng, thông qua các cuộc vận động: “Sạch làng tốt ruộng” trong các hợp tác xã, “Rừng thanh xuân, phân một tấn” của Đoàn thanh niên, phong trào làm phân bón ruộng sôi nổi trong toàn huyện, điển hình là các xã Tân Cương, Gia Sàng, Đồng Tiến, Đồng Quang...

Phong trào cải tiến nông cụ (cày bừa cải tiến, cào cỏ Nghệ An), phong trào giải phóng đôi vai, góp phần đưa năng suất lao động lên cao cũng được phát động. Nhờ đó, năng suất lúa trong một số hợp tác xã: Xuân Quang (Gia Sàng) cấy lúa đạt 21 tạ/ha/vụ, xã Đồng Tiến bình quân đạt 19,5 tạ/ha, hợp tác xã Y Na (Tân Cương) 18,2 tạ/ha một vụ.

Mạng lưới hợp tác xã mua bán tiếp tục được mở rộng. Đầu năm 1960, toàn huyện đã vận động nhân dân tham gia được 817 cổ phần, với 817 xã viên, mở thêm

được 2 cửa hàng mua bán ở Dân Chủ và Tích Lương một kho phốt phát ở thính Đán, đáp ứng phần lớn nhu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Nhằm tạo điều kiện cho nhân dân có vốn để sản xuất, không phải vay nặng lãi, với phương châm đi vay để cho vay, 28 xã trong huyện đã xây dựng được 28 hợp tác xã tín dụng, gồm 3509 xã viên (riêng năm 1960 phát triển được 929 xã viên), với tổng số tiền gửi 50383 đồng và đã cho nhân dân vay để sản xuất 46.535đ, vay chi dùng cho sinh hoạt gần 3000 đồng.

Chăn nuôi không ngừng phát triển, đàn trâu đạt 10.761 con, tăng 2.965 con so với năm 1956, đàn bò 1.123 con, đàn lợn 14.086 con, tăng 686 con so với kế hoạch.

Ngành lâm nghiệp khai thác gỗ, củi, tre, nứa phục vụ nhu cầu xây dựng và cuộc sống dân sinh đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch từ 2 đến 7%.

Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Đến năm 1960, toàn huyện đã thanh toán mù chữ cho 18.669 người trên tổng số 19.739 người trong độ tuổi (12 đến 45 tuổi), vượt 10% kế hoạch, số lượng học viên bổ túc văn hóa đạt 3.801 người. Đặc biệt, trong những năm này, giáo dục phổ thông phát triển nhanh. Số học sinh cấp I tăng từ 1845 em năm 1958, lên 5596 em năm 1960 (trong đó có 679 em học hệ dân lập). Số học sinh cấp II tăng so với năm học trước 58,7%.

Nội dung công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân những năm này vẫn là: tiếp tục thanh toán bệnh sốt rét, mở rộng tiêm chủng phòng dịch bệnh. 46 cán bộ y tế, 25 hộ sinh viên và 50 tổ trợ sản hoạt động tích cực. Riêng năm 1960, ngành y tế đã khám chữa bệnh thông thường cho hơn 10.000 lượt người, được nhân dân tin tưởng.

Tóm lại, sau ba năm thực hiện kế hoạch cải tạo các thành phần kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng Hỷ đã đạt được những thành tựu to lớn. Hơn 90% nhân dân lao động đã đi vào con đường làm ăn tập thể. Phong trào quần chúng phát triển cao, nhất là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Năm 1960 cũng là năm Đồng Hỷ hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Nhân

dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, vào sự lãnh đạo của Đảng bộ. Đây là những thuận lợi căn bản để Đồng Hỷ bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn - kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 -1965).

III- THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT

Sau 3 năm (1958-1960), công cuộc cải tạo XHCN và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa đã thu được một số kết quả. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân tiếp tục được nâng cao. Để củng cố và phát huy thành quả của cách mạng trong giai đoạn mới, Trung ương Đảng, Chính phủ đề ra kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965), nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho XHCN.

Đối với nông nghiệp, tháng 7-1961, Ban chấp hành Trung ương ra nghị quyết về phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Theo đó, ngày 26-9-1961, Ban chấp hành Tỉnh ủy Thái Nguyên có Nghị quyết số 13 về: Phương hướng phát triển nông nghiệp năm năm và nhiệm vụ đông xuân 1961-1962 Nghị quyết chỉ rõ:

- Phấn đấu tự túc lương thực (kể cả cho khu công nghiệp), có một phần tích lũy.
- Ra sức đẩy mạnh chăn nuôi để bảo đảm đủ sức kéo trong tỉnh, cung cấp một phần cho miền xuôi; tự túc về thực phẩm.
- Đẩy mạnh phát triển, chế biến các loại sản phẩm cây công nghiệp, bảo đảm cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và một số tỉnh bạn.
- Đẩy mạnh công tác lâm nghiệp, bảo đảm cung cấp cho nhu cầu kiến thiết của Trung ương, địa phương, nguyên liệu cho các nhà máy.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, Nghị quyết Ban chấp hành huyện Đảng bộ Đồng Hỷ cuối năm 1961 xác định:

- Về nông nghiệp: đẩy mạnh tăng vụ, khai hoang, tăng năng suất cây trồng, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi và khai thác lâm sản. Phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu được giao.

- Phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê chủ yếu ở các hợp tác xã và nông trường. Chăn nuôi lợn, gà chủ yếu trong các hộ gia đình.

- Nông trường quốc doanh phát triển mạnh cây lương thực, phấn đấu dần dần tự túc về lương thực. Đồng thời đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp (chè, mía, lạc, vừng) cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Để thực hiện mục tiêu trên, huyện Đảng bộ xác định lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp.

Với khí thế và kết quả sản xuất năm 1960 hợp tác xã nông nghiệp được củng cố và phát triển. Năm 1961 là năm đỉnh cao của phong trào hợp tác hóa: 95,5% số hộ nông dân trong huyện đã gia nhập hợp tác xã. Sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh. Các phong trào thi đua “Vượt gió Đại Phong”, (năm 1960) đến phong trào “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào miền Nam ruột thịt” (năm 1964) được phát động sâu rộng trong nhân dân. Thủy lợi tiếp tục được coi là mặt trận hàng đầu, trong đó lấy lực lượng thanh niên làm nòng cốt. Hàng trăm công trình thủy lợi được tu sửa và làm mới, đưa nước tưới vào đồng ruộng. Vụ đông xuân 1961 xảy ra hạn hạn kéo dài, Huyện ủy chỉ đạo tăng cường lực lượng tập trung chống hạn với khẩu hiệu “cứu hạn như cứu hỏa”. Đảng bộ chỉ thị cho các ngành các giới vận động nhân dân tham gia chống hạn, bên cạnh Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, dân quân du kích, các cụ phụ lão cũng sôi nổi hưởng ứng. Trong chiến dịch này các cụ xã Phúc Trìu tham gia đào 300m mương; 62 cụ xã Linh Sơn tham gia 352 ngày công chống hạn; 103 cụ xã Đồng Tiến tham gia chống hạn 7 ngày....Việc làm của các cụ không chỉ góp phần chống hạn cứu lúa, mà còn là tấm gương tốt cho con cháu thi đua sản xuất. Do làm tốt công tác thủy lợi cùng với tinh thần hăng say lao động sản xuất của nông dân, trong 3 năm 1961-1963, Đồng Hỷ đã đưa diện tích tăng vụ lên 7480 mẫu. Vòng quay sử dụng đất năm 1961 là 1,4 năm 1962 lên 1,7 năm 1963 đạt 1,8 lần.

Phong trào làm phân bón ruộng, phong trào cải tiến và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, đưa giống lúa mới có năng suất cao vào đồng ruộng tiếp tục phát

triển. Do đó, tổng sản lượng lúa liên tục tăng lên. Năm 1961 đạt 15.894 tấn, năm 1962 đạt 20.207 tấn. Năm 1963 mặc dù có sự thay đổi về địa giới hành chính, Đồng Hỷ cắt 6 xã về thành phố Thái Nguyên, sản lượng lương thực vẫn đạt 15.542 tấn. Riêng vụ mùa 1965, toàn huyện thu 10.088 tấn lúa. Cũng trong năm 1965, Đồng Hỷ đã huy động nghĩa vụ lương thực đạt 2.830 tấn, là năm huy động lương thực cao nhất không chỉ so với những năm trước mà cả nhiều năm về sau.

Tuy vậy, phong trào hợp tác xã nông nghiệp đến lúc này đã bắt đầu bộc lộ những yếu kém. Trong quá trình vận động xây dựng hợp tác xã, cũng như tình trạng chung của các tỉnh, chúng ta đã vi phạm 3 nguyên tắc: tự nguyện, quản lý dân chủ và cùng có lợi, nên phong trào phát triển nhanh, nhưng không vững chắc.

Do trình độ văn hóa của đội ngũ cán bộ quá thấp¹, nên khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật và trình độ quản lý kinh tế yếu. Lực lượng sản xuất nói chung, mặt bằng dân trí nói riêng chưa theo kịp với quan hệ sản xuất mới. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã nghèo nàn. Hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh liên tiếp xảy ra gây mất mùa. Bình quân lương thực đầu người hàng năm giảm. Giá trị ngày công lao động trong hợp tác xã thấp hơn so với những hộ làm ăn cá thể. Tình trạng thiếu đói lại xuất hiện ở nhiều nơi, nhất là những xã miền núi. Nhân dân không yên tâm sản xuất, một số nơi nông dân xin ra hợp tác. Đến năm 1963, nhiều hợp tác xã tan vỡ, từ 7879 hộ (95,5%) hợp tác xã chỉ còn 4894 hộ (71,1%). Một số hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức. Một số đảng viên, cán bộ bi quan, dao động, một số tự bỏ việc ra làm ăn riêng lẻ hoặc đi buôn bán. Đứng trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ 1963 đến 1965, Đảng bộ liên tục mở 3 đợt củng cố phong trào, và tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã. Đến cuối năm 1965, mặc dù chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ đã lan đến tỉnh ta, nhưng do được củng cố và cải tiến, phong trào hợp tác

¹ Trong tổng số 538 cán bộ chủ chốt của huyện chỉ có 51 người có trình độ văn hóa 5, lớp 6, đa số cán bộ xã có trình độ VH lớp.

hóa được phục hồi. 889 hộ nông dân đã trở lại làm ăn trong các hợp tác xã, đưa số hộ trong các hợp tác xã lên 84,2% so với tổng số hộ trong toàn huyện.

Phong trào chăn nuôi vẫn giữ được nhịp độ phát triển. Năm 1964 riêng trâu, bò cày, kéo do các hợp tác xã quản lý có 5368 con trên tổng số gần 10.000 con. Trong hai năm 1964 -1965, toàn huyện có 10 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể với hơn 600 đầu lợn. Cùng với số lợn nuôi trong các gia đình, ngoài việc giải quyết nhu cầu thực phẩm trong nhân dân, năm 1965 huyện còn bán 250 tấn thịt lợn hơi cho Nhà nước. Đây cũng là năm Đồng Hỷ huy động được số lượng lợn nghĩa vụ cao nhất trong 13 năm trước và sau đó (1958-1972).

Phong trào nuôi cá bắt đầu được chú ý. Năm 1963, diện tích mặt nước (ao, hồ) thả cá có 123 mẫu, đến năm 1965 lên 275 mẫu với gần hai triệu con cá giống. Tuy vậy, cơ sở ương và sản xuất cá giống còn ít. Việc chăm sóc cá chưa được quan tâm, nên sản lượng cá thịt còn thấp.

Rừng là nguồn lợi lớn của Đồng Hỷ. Tổng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đồng Hỷ đã khai thác hàng chục ngàn mét khối gỗ, củi, hàng triệu cây tre, nứa, vầu, cũng nhiều lâm sản phục vụ nhu cầu xây dựng của tỉnh, của khu công nghiệp Gang Thép Thái Nguyên và đời sống nhân dân. Tuy vậy, công tác chăm sóc và bảo vệ rừng chưa được quan tâm đúng mức. Hiện tượng khai thác rừng bừa bãi, cùng với tập quán phát rừng làm rẫy của đồng bào các dân tộc và nhân dân các tỉnh miền xuôi lên khai hoang, phá rừng trồng lương thực, làm cho diện tích rừng bị thu hẹp nhiều.

Thực hiện lời kêu gọi tết trồng cây của Hồ Chủ tịch, trong 5 năm, Đồng Hỷ đã trồng được hơn 200 ha rừng tập trung cùng hàng triệu cây phân tán. Nhưng công tác chăm sóc, bảo vệ không được chú trọng, nên tỷ lệ cây sống còn thấp. Nhiều diện tích đồi gò ở Phúc Xuân, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Linh Sơn...trồng đi trồng lại nhiều lần, vẫn không đạt kết quả.

Thủ công nghiệp trong huyện phát triển chậm. Đến năm 1965, toàn huyện mới có 4 hợp tác xã kinh doanh gạch ngói, 4 lò vôi. Số hợp tác xã cơ khí chủ

yếu sản xuất, sửa chữa nông cụ, nhưng do khó khăn về vật tư, nên chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Tuy khó khăn về kinh tế, nhưng sự nghiệp văn hóa giáo dục vẫn được giữ vững. số trường lớp ngày càng được mở rộng. Học sinh đi học ngày càng tăng. Không kể số học sinh theo học các trường của thành phố, năm 1963, riêng huyện có 22 trường cấp I ở 22 xã với 5.725 học sinh; 5 trường cấp II ở các xã Tân Cương, Dân Chủ, Đồng Tiến, Thành Công, Tân Lợi với 1133 học sinh. Đến năm 1965, toàn huyện đã xây dựng được 186 lớp cấp I và cấp II, với 8800 học sinh theo học. Ngoài ra, huyện còn mở một trường cấp II phổ thông nông nghiệp có 4 phân hiệu ở 4 xã Tân Cương, thành Công, Dân Chủ, Đồng Tiến. Ngoài học văn hóa, học sinh trường này còn được học về kỹ thuật nông nghiệp. Đây là nguồn bổ sung cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trực tiếp cho các hợp tác xã trong huyện.

Nhằm khắc phục tình trạng yếu kém của ngành bồi túc văn hóa để nâng cao trình độ cán bộ chủ chốt theo tinh thần chỉ thị 84 của Khu ủy khu tự trị Việt Bắc, sau một thời gian tìm tòi thử nghiệm, được sự hỗ trợ, cộng tác tích cực của Ty giáo dục thái Nguyên, năm 1964 Huyện ủy quyết định mở 5 trường bồi túc văn hóa theo khu vực địa lý (thường gọi là trường miền)¹. Năm 1965, huyện mở thêm 2 trường ở khu vực Khe Mo, Tân Lợi.

Trường miền mở ra đã giúp cho cán bộ và nhân dân có điều kiện thuận lợi, vừa theo học bồi túc văn hóa, vừa tham gia sản xuất và công tác xã hội. Mô hình trường miền thực sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và trình độ cán bộ nhân dân lúc đó, nên đạt kết quả tốt. Số học viên theo học tăng từ 15 người trong khóa học 1962-1963, lên 375 người trong năm học 1964-1965. Cùng với loại hình trường phổ thông nông nghiệp, trường miền đã góp phần quan trọng vào việc đào tạo, nâng cao trình độ văn hóa, quản lý, trình độ khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ và nhân dân, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế trong giai đoạn này.

Nguyên nhân thắng lợi của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa những năm qua trước hết là do sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong toàn Đảng bộ. Phát huy truyền thống trong cách mạng và kháng chiến, trong những năm hòa bình, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, Đảng bộ Đồng Hỷ không ngừng phấn đấu vươn lên. Công tác tuyên truyền, giáo dục đảng viên luôn luôn được coi trọng thông qua việc học tập và chấp hành đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Năm 1963, toàn huyện có 52 chi, đảng bộ trong đó có 7 đảng bộ 38 chi bộ xã và 7 chi bộ cơ quan ²

¹ 5 trường đó là:

- Trường Phúc Thắng – cho các học viên ở các xã Phúc Xuân, Phúc Trìu Quyết Thắng theo học.
- Trường Tân Phú, Thịnh – cho các học viên xã Tân Cương, Phúc Trìu, Thịnh Đức theo học.
- Trường Tân Bình Thành cho các học viên xã Tân Quang, Bình Sơn, Thành Công theo học.
- Trường Dân Minh Trung cho các học viên xã Dân Chủ, Minh Lập, Hóa Trung theo học.
- Trường Đồng quang Sowno cho các học viên xã Đồng Tiến, Quang Trung, Linh Sơn, theo học.

² Các đảng bộ: Xã thành Công, Tân Quang, Tân Cương, Quyết Thắng, Dân Chủ, Đồng Bẩm, Cao Ngạn.

Qua mỗi kỳ đại hội Đảng, mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đội ngũ cán bộ đảng viên được lựa chọn, bổ sung vào các cấp lãnh đạo theo hướng nâng cao chất lượng. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo trẻ, và phụ nữ ngày càng tăng.

Do quan tâm đúng mức đến công tác phát triển Đảng, lực lượng của Đảng ngày càng tăng lên. Từ 1960 đến 1963, toàn huyện phát triển được 229 đảng viên mới (trong đó 100 đảng viên trong độ tuổi thanh niên) nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ lên 1119 người. Đến 1965 con số này đạt gần 1450 người.

Để góp phần nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, cùng với tuyên truyền giáo dục, công tác kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý.

Đảng viên, tổ chức Đảng vi phạm điều lệ, đường lối chính sách được duy trì thường xuyên. Năm 1965, Ủy ban kiểm tra huyện đã xem xét, xử lý kỷ luật 28 trường hợp, trong đó có 1 tổ đảng, 3 ban chi ủy và 24 đảng viên.

Quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, quân hậu bị, từ 1961 đến 1963 các cấp ủy Đảng đã thực sự quan tâm chỉ đạo củng cố tổ chức lực lượng vũ trang; tổ chức huấn luyện các phương án tác chiến, phòng thủ, bảo vệ trị an. Năm 1961-1963 Đồng Hỷ được tỉnh đánh giá là đơn vị khá, năm 1963 huyện vươn lên đạt loại giỏi

Trong những năm cuối của kế hoạch 5 năm, trước tình hình chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ngày càng lan rộng trên miền Bắc, công tác quân sự của huyện được đặt ra bức thiết. 100% cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đều thuộc thành phần cơ bản. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng vũ trang từ 13% năm 1963 lên 15,5% năm 1965; 75,3% chính trị viên trưởng xã đội là bí thư hoặc đảng ủy viên; 95% xã đội trưởng là cấp ủy viên. Công tác huấn luyện được tiến hành nhanh, gọn, bảo đảm chất lượng. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1964, huyện đã hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự, chính trị cho 797 cán bộ quân sự cơ sở (97,8%).

Qua các đợt giáo dục chính trị, ý thức sẵn sàng chiến đấu, tinh thần tự lực tự cường, tiết kiệm của quân và dân toàn huyện được nâng lên. Phong trào “5 có” từ Hợp tiến đã dần dần được mở rộng ra toàn huyện và trở thành phong trào “7 có”¹ để sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Phong trào tập luyện sẵn sàng chiến đấu thường gắn với công tác tuần tra canh gác bảo vệ thôn xóm. Nhờ đó tình hình trật tự, an toàn xã hội luôn được giữ vững.

Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ là lực lượng xung kích, đi đầu trong xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa trong nhiều năm. Trước tình hình chiến tranh ngày càng ác liệt, thực hiện chủ trương của Trung ương Hội phụ nữ, năm 1965 huyện hội phụ nữ phát động phong trào phụ nữ “ba đảm đang” nhằm động viên, cổ vũ các tầng lớp chị em tham gia chống mỹ cứu nước. Trong năm đầu tiên đã có 5725 chị em đăng ký phấn đấu thi đua đạt danh hiệu vẻ vang của người phụ nữ trong giai đoạn cách mạng mới. Phong trào “3 sẵn sàng” được thanh niên toàn huyện hưởng ứng sôi nổi. Các cụ phụ lão có phong trào bảo trợ dân quân, động viên khuyến khích con, cháu lên đường làm nghĩa vụ quân sự, góp phần cùng toàn tỉnh khám tuyển nghĩa vụ đợt đầu vượt 62%.

Từ thực tế tổ chức và lãnh đạo các phong trào thi đua. Đảng bộ nhanh chóng đúc rút kinh nghiệm và nêu thành phương châm công tác cho cán bộ, đảng viên trong huyện. “Chống chung chung, xông xuống đội, lội ra đồng, thông kỹ thuật, bật điện hình” là những kinh nghiệm quý giúp cho cán bộ, đảng viên của Đồng Hỷ có tác phong lãnh đạo sâu sát.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất chưa kết thúc, miền Bắc nước ta đã phải bước vào thời kỳ có chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ phát huy truyền thống kiên cường trong kháng chiến chống Pháp và 10 năm khôi phục, phát triển kinh tế - văn hóa và xây dựng CNXH, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu, tích cực chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam.

¹ “7 có”: ống nước, gạo, muối, vũ khí, dây thừng, áo mưa, bật lửa.

CHƯƠNG V

ĐẢNG BỘ ĐỒNG HỖ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT VÀ CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI; TÍCH CỰC CHI VIỆN MIỀN NAM, GÓP PHẦN VÀO THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

I- VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (10-1965 – 4-1975)

Bị thua đau trên chiến trường để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chính quyền tay sai, từ năm 1965 đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân đội vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, đồng thời mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, hòng phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam. Thời kỳ nửa nước có hòa bình chấm dứt, chuyển sang thời kỳ cả nước có chiến tranh.

Trước tình hình chuyển biến của cả nước, Ban chấp hành Trung ương họp hội nghị lần thứ 11 (3-1965), chỉ rõ: “chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra, tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân địch”. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sau khi học tập tinh thần nghị quyết 11, Đảng bộ Đồng Hỷ xác định: phải kịp thời chuyển hướng công tác tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới, xây dựng quyết tâm chống Mỹ và thắng Mỹ trên cả hai mặt trận sản xuất và chiến đấu trong cán bộ, đảng viên lực lượng vũ trang và nhân dân.

Đồng Hỷ là một huyện trung tâm của tỉnh Bắc Thái, có nhiều đầu mối giao thông quan trọng, nhiều địa điểm quân sự, kho, bãi tập kết hàng hóa chi viện cho chiến trường, nhiều trận địa phòng không. Vì thế, Đồng Hỷ cũng là một trong những mục tiêu đánh phá của địch. Nhận thức được điều đó, trong khi vừa tiếp tục chỉ đạo giữ vững nhịp độ sản xuất, Đảng bộ dốc sức chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của kẻ thù.

Công tác sơ tán dân ra xa những vùng địch có thể đánh phá, đào hầm hào phòng tránh bom đạn được tiến hành khẩn trương. Công tác xây dựng, củng cố dân quân, tự vệ, xây dựng trận địa, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu được triển khai rộng khắp trong toàn huyện.

Ngày 17-10-1965, máy bay Mỹ ném bom đánh phá cầu Gia Bẫy. Cùng với cả tỉnh, quân và dân Đồng Hỷ chính thức bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Do được chuẩn bị tốt cả tinh thần và lực lượng, trong ba tháng cuối năm 1965, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Đồng Hỷ đã vượt qua thử thách của bom đạn, chiến đấu dũng cảm, góp phần cùng toàn tỉnh bắn rơi 3 máy bay Mỹ.

Từ kinh nghiệm của những ngày đầu, Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra sát sao công tác phòng không sơ tán. Trừ lực lượng phải trực tiếp chiến đấu và sản xuất, người già, trẻ em, những cơ quan, đơn vị có thể sơ tán được, đều phải triệt để sơ tán. Trong bốn năm (1965-1968), Đồng Hỷ đã đào 51.800 hầm trú ẩn và hầm cất giấu tài sản, gần 63km hào giao thông trong các gia đình, trường học, cơ quan, nơi công cộng, các trục đường giao thông. Phương pháp phòng tránh khi có máy bay địch đánh phá được phổ biến và tập dượt thường xuyên, nhất là ở các trường học. Nhờ đó đã hạn chế được rất nhiều thiệt hại về người và tài sản, mặc dù cường độ, mức độ đánh phá của địch ngày càng ác liệt¹

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 11: “Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ bảo đảm cho yêu cầu sẵn sàng chiến đấu cao, giữ vững sản xuất và làm tốt công tác trị an”, năm 1967 ban chỉ huy xã đội và trung đội dân quân tiếp tục được kiện toàn. Công tác huấn luyện chiến đấu bắn máy bay bằng súng bộ binh, phương án vây bắt biệt kích, cứu thương, cứu hỏa, tuần tra bảo vệ trị an luôn luôn bảo đảm nhanh gọn, đạt chất lượng cao. Mỗi xã tổ chức từ một đến hai trung đội trực chiến, vũ khí trang bị từ súng trường K44 đến trung liên, đại liên, và được bố trí thành từng tổ, từng trận địa, hoặc cụm trận địa bắn máy bay, tổ

¹ Riêng năm 1967, máy bay Mỹ đánh phá trên địa bàn Đồng Hỷ 186 trận, ném 875 quả bom phá và hàng chục ngàn quả bom bi xuống các thôn xóm, làng mạc.

chức đón lõng, chặn đánh những tên giặc lái Mỹ xảo quyệt cho máy bay bay thấp hòng tránh sự kiểm soát của các đài quan sát của ta, tạo điều kiện cho bộ đội cao xạ, tên lửa tiêu diệt chúng. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhân dân và các lực lượng vũ trang Đồng Hỷ tỏ rõ tinh thần dũng cảm kiên cường. Chị Đáp Thị Dung - tiểu đội trưởng cùng 8 nữ dân quân xã Quyết thắng vượt qua đoạn đường 2km dưới bom đạn địch, băng đến trận địa phục vụ bộ đội chiến đấu, góp phần cùng quân và dân Bắc Thái bắn rơi chiếc máy bay thứ 1000 của giặc Mỹ ngày 29-4-1966. Sau trận này, chị Dung được vinh dự kết nạp vào Đảng, 8 chị còn lại được kết nạp vào Đoàn thanh niên lao động Việt Nam. Tháng 12-1966, giặc Mỹ tập trung đánh phá ô ạt các mục tiêu quân sự, giao thông trên địa bàn huyện. Trong lúc máy bay địch đang gầm rú trên đầu, các đồng chí dân quân Nguyễn Văn Hiếu, Hoàng Văn Bản (xã Quyết Thắng) vẫn dũng cảm khiêng từng hòm đạn cao xạ 100mm nặng 84kg lên trận địa cho bộ đội chiến đấu. Cụ Phạm Thị Đọt, 63 tuổi, hàng ngày nấu nước sôi mang lên trận địa cho bộ đội và dân quân tự vệ. Chị Phạm Thị Thu (xã Dân Chủ) một mình nuôi hai con nhỏ, chồng đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam, luôn luôn là một trong những người đầu tiên có mặt san lấp hố bom bảo đảm giao thông bất kể ngày đêm. Trong 4 năm nhân dân các xã Tích Lương, Phúc Trìu, Tân Cương, ủng hộ dân quân trực chiến 662kg thịt lợn, thịt bò, 155đ tiền mặt, nhân dân toàn huyện giúp đỡ bộ đội 40414 công làm trận địa, lán trại, ủng hộ 335 kg thịt lợn, 152 kg gạo nếp, 165 kg đỗ lạc, vừng và 125 kg chè búp.

Cùng với chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trong khó khăn bom đạn ác liệt, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và chính quyền, công tác tuyển quân của Đồng Hỷ trong bốn năm đều đạt từ 99,9% đến 113%. Từ 1965 đến 1968, 2285 con em các dân tộc Đồng Hỷ đã có mặt chiến đấu trên các chiến trường.

Thực hiện sự thỏa thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam – Trung Quốc, từ cuối năm 1965, quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã cử một số đơn vị công binh sang giúp ta xây dựng, sửa chữa và nâng cấp một số

tuyến giao thông quan trọng, cả đường sắt và đường bộ. Đến cuối năm 1966, Ban lại cử thêm 3 chi đội (tương đương 3 sư đoàn) pháo cao xạ sang giúp ta chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ các mục tiêu quan trọng trong tỉnh. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Ban ngoại vụ tỉnh, Huyện Đồng Hỷ thành lập tổ ngoại vụ do một đồng chí thường vụ Huyện ủy làm tổ trưởng để thống nhất hợp đồng tác chiến giữa lãnh đạo địa phương với Ban. Nhận thức rõ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc đối với sự nghiệp chống Mỹ của nhân dân ta, nhân dân Đồng Hỷ đã đóng góp gần 10.000 ngày công giúp Ban làm nhà ở và trận địa chiến đấu.

Thực hiện Nghị quyết Huyện ủy đầu năm 1966 về việc tích cực đào tạo thế hệ trẻ, nhất là chị em phụ nữ tham gia công tác xã hội, thay thế lớp trai tráng lên đường làm nghĩa vụ quân sự, cấp ủy, Hội phụ nữ và các xã đóng vai trò tích cực trong mặt công tác này. Để xứng đáng với những người đang chiến đấu ngoài mặt trận, cùng với nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu, chị em phụ nữ Đồng Hỷ còn là trụ cột trong gia đình, trên đồng ruộng, trong các cơ quan xí nghiệp. Nhiều người đã trưởng thành, được nhân dân tin tưởng, giao nhiều chức vụ quan trọng ở địa phương.¹

Trong khó khăn bom đạn ác liệt, thiếu nhân lực sản xuất do phần lớn lực lượng thanh niên trai tráng phải lên đường ra trận, đồng ruộng, xóm làng bị tàn phá do chiến tranh, nhưng sản xuất của huyện vẫn được giữ vững. Các phong trào thi đua làm thủy lợi, làm phân bón, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tăng năng suất cây trồng, thường xuyên được phát động. Những thửa ruộng 5 tấn, cánh đồng 5 tấn, hợp tác xã 5 tấn xuất hiện ngày càng nhiều. Bình quân mỗi năm (từ 1965 đến 1968) Đồng Hỷ sản xuất 14.669 tấn lương thực, 13.208 con lợn. Cũng trong 4 năm này toàn huyện đã làm nghĩa vụ với Nhà nước 9967 tấn thóc, 775,3 tấn thịt các loại.

¹ Tính đến hết năm 1967, chị em phụ nữ đã giữ các chức vụ lãnh đạo các cấp trong huyện gồm: 1 thường vụ Huyện ủy, 1 Phó chủ tịch 3 huyện ủy viên, 16 đảng ủy viên, 22 chi ủy viên. 19 chị tham gia hội đồng nhân dân huyện, 215 người tham gia hội đồng nhân dân xã, trong đó 2 chủ tịch, 10 phó chủ tịch, 3 ủy viên thư ký, 281 chị em phụ nữ khác tham gia công tác lãnh đạo trong các hợp tác xã, đoàn thanh niên, lực lượng dân quân tự vệ.

Công tác khai thác lâm sản, trồng và tu bổ rừng được duy trì tốt. Số độ chuyên trách trồng và tu bổ rừng tăng từ 5 đội năm 1965 lên 19 đội năm 1968. Số cây trồng năm 1968 tăng gấp 2,3 lần năm 1965. Những “Đội cây chống Mỹ”, “Vườn cây kết nghĩa Thái Nguyên - Khánh Hòa” của các cụ phụ lão, đoàn thanh niên các xã Tân Cương, Phúc Trìu, Dân Chủ...được chăm sóc xanh tốt.

Công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ và nhân dân tiếp tục được nâng cao. Đến năm 1968, 22 xã trong toàn huyện đã xây dựng được trạm xá (năm 1965 mới có 15 xã). 21/22 xã hoàn thành dứt điểm 3 công trình vệ sinh (nhà tắm, giếng nước, nhà vệ sinh) trong mỗi gia đình.

Trong giáo dục, ngành bổ túc văn hóa loại hình trường miền tiếp tục phát huy tác dụng. Trong 4 năm đã có 2370 học viên theo học các lớp bổ túc văn hóa. Số học viên năm 1968 tăng 2,4 lần so với năm 1965. Số trường lớp, số học sinh các cấp cũng không ngừng tăng lên. Năm 1968, tổng số học sinh phổ thông toàn huyện có 12.655 em, tăng 1,4 lần so với năm 1965. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Số học sinh thi tuyển đạt điểm chuẩn vào các trường sơ, trung, đại học ngày càng nhiều¹.

Bị thua đau trên chiến trường miền Nam, nhất là từ sau cuộc tổng tiến công của quân và dân ta trong dịp tết Mậu Thân (1968), lại bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh phá hoại trên miền Bắc, ngày 31-3-1968 tổng thống Mỹ GionXon buộc phải chính thức tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Đây là thắng lợi to lớn của nhân dân ta. Trong thắng lợi này, có một phần đóng góp không nhỏ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ.

Trong thành quả sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu của toàn huyện, nhiều tấm gương tiêu biểu đã xuất hiện và được ghi nhận: 787 đơn vị và 6835

¹ Số học sinh trúng tuyển vào:

	1965	1966	1967	1968
- Đại học	12	19	24	37
- Trung học	129	157	180	248
- Sơ cấp	115	124	136	227

cá nhân được các cấp từ huyện đến Hội đồng Chính phủ khen thưởng, hợp tác xã Na Lãi, xã Phúc Trìu được thưởng Huân chương Lao động hạng ba.

II- KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI (1969- 1973)

Sau khi đế quốc Mỹ chấm dứt ném bom bắn phá, quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ chính trị và “phương hướng nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa 3 năm 1968-1970” của Tỉnh ủy, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng chung của cả nước, căn cứ vào tình hình, đặc điểm và khả năng của địa phương, hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện (tháng 5-1968) đề ra nhiệm vụ trong thời gian trước mắt: tranh thủ thời cơ thuận lợi, lãnh đạo phục hồi kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu nếu đế quốc Mỹ tiếp tục quay trở lại đánh phá.

Trong phát triển kinh tế, huyện xác định lấy sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, chủ yếu là cây lúa, phải bảo đảm diện tích lúa cả ba vụ, thâm canh tăng năng suất, phấn đấu đạt bình quân 3,7 tấn thóc trên 1 ha 1 năm. Đồng thời chú trọng phát triển cây màu hỗ trợ thức ăn cho người và chăn nuôi.

Để đạt được những mục tiêu trên, Huyện ủy chủ trương tăng cường công tác giáo dục chính trị theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị, với nội dung, “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Huyện tiếp tục phát động các phong trào thi đua làm giao thông, thủy lợi, phân bón... tạo điều kiện để cấy hết diện tích và nâng cao sản lượng. Kết quả tổng diện tích, năng suất, sản lượng đều tăng. Diện tích cấy lúa năm 1970 tăng 253 mẫu so với năm 1968, năng suất tăng 5% so với năm 1969.

Ngành chăn nuôi của tập thể và gia đình được coi trọng. Tổng đàn trâu, bò, lợn, gà, vịt đều tăng. Đàn lợn nái, trâu nái được chú ý phát triển. Đến năm 1970, đàn trâu có 14.812 con, tăng so với năm 1967 là 2060 con, trong đó trâu nái tăng 2668 con, tổng số đàn lợn đạt 16.500 con, tăng 3000 con so với năm 1967, trong đó đàn lợn nái chiếm 7,1%.

Tuy vậy, “sản xuất nông nghiệp của huyện chưa vững chắc, diện tích, sản lượng và năng suất tăng giảm bất bình, chăn nuôi tập thể phát triển yếu”¹. Các vùng cây công nghiệp mặc dù đã được xác định (vùng chè Tân Cương, Bình Sơn, Phúc Trìu... vùng mía ở Minh Lập, Dân Chủ, rau xanh ở Đồng Tiên, Linh Sơn, Cao Ngạn) nhưng chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên hiệu quả kinh tế thấp. Tính đến năm 1973, tổng sản lượng lúa đạt 12.533 tấn, thấp hơn năm 1971 là 2031 tấn, tổng đàn trâu bò còn 14.339 con và điều nguy hiểm là đàn trâu tập thể giảm, tổng đàn lợn không tăng, một số cơ sở chăn nuôi phải diệt hết cả đàn vì dịch bệnh kéo dài, như ở Linh Sơn, Tân Cương”².

Tình trạng sa sút của các ngành kinh tế trong các hợp tác xã là do nhiều nguyên nhân. Đội ngũ cán bộ trong các hợp tác xã hăng hái, nhiệt tình với công việc nhưng do trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn thấp³, nên năng lực lãnh đạo quản lý kinh tế bị hạn chế. Công tác quản lý lao động, quản lý cơ sở vật chất, nhất là quản lý tài vụ yếu kém. Nhiều hợp tác xã trong hai, ba năm liền không quyết toán được tài chính. Tình trạng tham ô, lợi dụng công quỹ xảy ra ở nhiều nơi. Phương án ăn chia sản phẩm theo định suất bảo đảm mức tối thiểu, khống chế mức tối đa có tác dụng điều hòa lương thực cho các gia đình neo đơn, nhưng không khuyến khích được sản xuất phát triển. Những gia đình nhiều nhân lực chỉ làm đủ phần ăn chia, thời gian còn lại tìm cách làm thêm bên ngoài. Sản xuất không phát triển, thu nhập từ kinh tế tập thể thấp. Năm 1970, qua điều tra ở ba hợp tác xã, kinh tế tập thể chỉ chiếm bình quân 27% tổng thu nhập hàng năm của gia đình xã viên.

Từ năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ yếu dẫn đến công tác quản lý sản xuất kém, cộng với trình độ sản xuất lạc hậu, kinh tế không phát triển, thu nhập thấp, nông dân không thiết tha với đồng ruộng, với hợp tác xã. Phần đóng góp lương thực với nhà nước của huyện cũng thường xuyên thiếu hụt. Năm 1969

¹ B/C tổng kết nhiệm kỳ của BCH HU trước Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ 12 ngày 25-5-1971.

² B/C tổng kết năm 1973 của BCH Huyện ủy.

³ Đến năm 1969 toàn huyện mới có 7 cán bộ có trình độ trung cấp quản lý kinh tế. Số còn lại chủ yếu chỉ qua các lớp bồi dưỡng ngắn hạn.

thiếu 58,3 tấn, năm 1970 thiếu 39 tấn, năm 1971 thiếu 49,3 tấn, năm 1972 thiếu 42,9 tấn.¹ Mặc dù được sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, qua nhiều lần, bằng nhiều biện pháp củng cố và xây dựng nhưng tổ chức hợp tác xã vẫn không vững chắc. Qua nhiều bước cải tiến quản lý, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất tổng các hợp tác xã phần lớn vẫn không phát triển. Ngoài nguyên nhân khách quan do chiến tranh, vấn đề còn lại thuộc đường lối chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, là mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa quan hệ sản xuất hợp tác xã chưa phù hợp với khả năng và trình độ sản xuất của đại đa số cán bộ và nông dân trong giai đoạn lịch sử này.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của huyện được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp. Từ 1968 đến 1971, năm nào huyện cũng hoàn thành chỉ tiêu huấn luyện dân quân tự vệ trước thời gian và bảo đảm chất lượng. Hàm trú ẩn, hào giao thông thường xuyên được tu sửa, củng cố, bảo đảm phòng tránh tốt cho nhân dân khi chiến sự nổ ra.

Liên tiếp bị thua đau trên chiến trường, nhất là từ đầu năm 1972, khi quân và dân miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược lớn trên khắp các mặt trận, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình thế thất bại, đế quốc Mỹ trắng trợn gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 đối với miền Bắc với quy mô và mức độ ác liệt chưa từng có.

Trước hành động điên cuồng của kẻ thù, trong 2 tháng 4 và 5 năm 1972, Tỉnh ủy đã mở nhiều hội nghị và có chỉ thị về công tác phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Đồng Hỷ gấp rút chỉ đạo và tổ chức nhiều đợt kiểm tra đôn đốc công tác phòng không nhân dân; sửa chữa hệ thống hầm hào, thành lập lại các tổ trực chiến các trận địa, cụm trận địa bắn máy bay. Đến giữa tháng 5-1972, toàn bộ người già, trẻ em, các cơ quan đơn vị không trực tiếp sản xuất, chiến đấu đã sơ tán khỏi các trọng điểm địch có thể đánh phá. Lực lượng trực chiến thường xuyên luyện tập,

1. B/C tổng kết 15 năm xây dựng HTX (1958 -1973) của Huyện Đồng Hỷ

diễn tập kỹ thuật bắn máy bay và phương án chiến đấu đánh địch tập kích bằng đồ bộ đường không và biệt kích nhảy dù.

Các đội cứu thương, cứu sập đã chuẩn bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ cứu chữa khi cần thiết. Từ kinh nghiệm của cuộc chống chiến tranh phá hoại lần trước, sau hơn một tháng chuẩn bị, quân và dân Đồng Hỷ đã sẵn sàng cả về tinh thần và phương tiện cùng cả tỉnh bước vào cuộc thử lửa lần thứ hai.

Ngày 24-5-1972, máy bay Mỹ ném bom bắn phá nhà máy điện Cao Ngạn. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 ở Bắc Thái chính thức bắt đầu.

Cùng với ném bom, bắn phá, đế quốc Mỹ còn dùng thủy lôi ngăn chặn tất cả đường ra vào các cảng của ta hòng: vô hiệu hóa đến mức tối đa các đường giao thông thủy bộ từ bên ngoài vào miền Bắc. Do đó, cũng từ tháng 5-1972 Bắc Thái được Trung ương giao nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải, tiếp nhận trung chuyển lương thực, thực phẩm và phương tiện chiến tranh từ Cao Bằng, Lạng Sơn theo các trục đường giao thông chiến lược qua Bắc Thái vào chiến trường với một khối lượng lớn. Để thực hiện nhiệm vụ nặng nề nhưng hết sức vẻ vang này, ngày 15-6-1972 Ban thường vụ tỉnh ủy họp bàn và xác định quyết tâm: “Tập Trung toàn bộ lực lượng phục vụ giao thông vận tải. Đảm bảo giao thông và các phương tiện vận tải thông suốt, kịp thời trong mọi tình huống là nhiệm vụ trọng tâm đột xuất số 1”. Tỉnh ủy cũng quyết định khôi phục lại Ban bảo đảm giao thông thời chiến và giao cho Tỉnh Đoàn thanh niên kiện toàn lại Đội 91 thanh niên xung phong. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, hưởng ứng phong trào thanh niên xung kích bảo đảm giao thông do Tỉnh Đoàn phát động, hơn 100 thanh niên Đồng Hỷ đã hăng hái gia nhập đội thanh niên xung phong 91.. Hàng nghìn thanh niên ở các xã ven các đường giao thông cùng lực lượng dân quân tự vệ các nhà máy, cơ quan xí nghiệp, lực lượng công binh của tỉnh, huyện và nhân dân san lấp hố bom, sửa chữa cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt. Trong chiến dịch này, đội thanh niên xung phong khu vực Ba Nhất (Đồng Hỷ) và đội Minh Sơn (Võ Nhai) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được

Ban chấp hành Tỉnh Đoàn tặng danh hiệu “Lá cờ đầu” của phong trào thanh niên xung kích bảo đảm giao thông vận tải.

Từ cuối tháng 8-1972, khi phát hiện Bắc Thái là trạm trung chuyển hàng hóa phương tiện quân sự cho các tỉnh và chiến trường, đế quốc Mỹ đã tập trung máy may, bom, đạn đánh phá ác liệt. Trên địa bàn huyện, ngày 28-8, sáu tốp máy bay địch bất ngờ lao vào ném bom xã Dân Chủ. Tiếp đó, ngày 14 và 21-9 chúng ném xuống nông trường Sông Cầu và vùng phụ cận 228 quả bom phá, bom phát làm chết 45 người, bị thương 51 người khác. Một gia đình nông dân ở Khe Mo có 7 người thì 6 người thương vong. Ngày 25-9, nhiều tốp máy bay địch vào đánh phá các mục tiêu trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, huyện Đông Hỷ, Phú Lương. Chúng đã ném 50 quả bom phá, bom phát quang xuống các kho xăng dầu Hóa Trung làm 3 cụm bể chứa xăng, dầu bốc cháy. Dân quân các xã Hóa Trung, Hóa Thượng, Minh Lập cùng với lực lượng tự vệ thành phố Thái Nguyên kịp thời có mặt cứu chữa, giành giật với lửa từng phi xăng, dầu. Sau 2 giờ, ngọn lửa đã bị dập tắt. Tuy vậy, do phương tiện cứu chữa có hạn, nên 12 bể chứa 68 tấn xăng dầu đã bị cháy. Để khắc phục hậu quả, dân quân xã Hóa Thượng tiếp tục cùng các lực lượng bảo vệ giao thông san lấp hố bom, làm đường cho ô tô vào kho lấy xăng đi phân tán. Tối ngày 26-9 đường ô tô vào kho đã được sửa chữa xong và đến ngày 5-10-1972, hơn 350 tấn xăng dầu ở kho Hóa Trung đã được giải tỏa.

Từ tháng 10 -1972, máy bay địch đánh phá Bắc Thái nói chung, Đông Hỷ nói riêng chủ yếu vào ban đêm bằng nhiều thủ đoạn, cường độ cao, phạm vi rộng. Do chưa có kinh nghiệm đối phó với thủ đoạn đánh đêm của địch, nên việc phòng tránh và đánh địch của ta có nhiều lúng túng và bị nhiều tổn thất. Đặc biệt từ những ngày cuối tháng 12 -1972, đế quốc Mỹ đã dùng máy bay B52 ném bom mang tính hủy diệt trên địa bàn thuộc các xã Tích Lương, Lương Sơn, gây tổn thất nặng nề cho nhân dân.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2, máy bay Mỹ đã hoạt động trên vùng trời Đông Hỷ 402 lần. Chúng đã ném 3012 quả bom phá, bom phát quang,

bắn hàng trăm đạn rốc két, tên lửa xuống 62 điểm trên địa bàn huyện. bom đạn địch đã làm 131 người chết, 145 người bị thương; 236 ngôi nhà của dân, 382 gian nhà kho bị cháy, bị đổ, 245 con trâu, bò bị chết.

Căm thù trước hành động dã man tàn bạo của kẻ thù, quân và dân Đồng Hỷ kiên cường chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng cả tỉnh bắn rơi 10 máy bay Mỹ, trong đó có 2 chiếc B52, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái, đưa tổng số máy bay Mỹ bị hạ trên vùng trời Bắc Thái trong 2 cuộc chống chiến tranh phá hoại lên 69 chiếc. Thành tích sản xuất, chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ đã góp phần cùng với nhân dân cả nước buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận sự thất bại, quay trở lại hội nghị ký kết chính thức hiệp định Pa Ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973).

III- KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, TĂNG CƯỜNG TIỀM LỰC MỌI MẶT CÙNG CẢ NƯỚC ĐÒN SỨC CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM 1973-1975

Theo Hiệp định Pari, Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt nam, rút hết quân đội Mỹ như chur hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta và là thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ chưa từng bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng vẫn duy trì và viện trợ cho ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu để tiếp tục thực hiện chiến lược chiến tranh “Việt Nam hóa”. Vì vậy, ngày 28-1-1973 Ban chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi nhân dân cả nước: “tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc”¹.

Đáp lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngày 12-3-1973 tỉnh ủy Bắc Thái chỉ thị cho các ngành các cấp và nhân dân trong tỉnh: “luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, tiếp tục làm nhiệm vụ chi viện sức người sức của cho tiền tuyến”. Tiếp sau đó, theo tinh thần Nghị quyết 19

¹ Trích trong báo nhân dân số 6853 - ngày 28-1-1973.

và 20 của Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết chỉ rõ: “tăng cường xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng các cấp, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, tạo điều kiện từng bước đưa Bắc Thái đi lên sản xuất lớn”.

Thực hiện chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, Hội nghị Ban chấp hành huyện Đảng bộ Đông Hỷ tháng 6-1973 chủ trương nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, đáp ứng yêu cầu đời sống nhân dân và chi viện ngày càng nhiều cho chiến trường.

Để đạt được những mục tiêu trên, Đảng bộ xác định: lấy công tác xây dựng Đảng, củng cố và xây dựng hợp tác xã làm trọng tâm.

Bên cạnh những thành tích lãnh đạo phát triển kinh tế xã hội, vai trò lãnh đạo của các cơ sở Đảng trong các hợp tác xã nông nghiệp những năm 1970 - 1973 có nhiều giảm sút. “Một số tổ đảng, cấp ủy, đảng viên coi nhẹ phong trào hợp tác xã, có nơi buông trôi lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên không được đề cao, có đảng viên giao việc không nhận, một số xin ra hợp tác, lấn chiếm ruộng đất, gây bè kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ...”². Trước tình hình đó, Huyện ủy chỉ đạo các xã tăng cường công tác củng cố chi bộ, nhất là các chi bộ yếu kém trong các hợp tác xã, gắn việc sơ kết thực hiện Nghị quyết 195 và Chỉ thị 192 của Trung ương, Nghị quyết 223 của Bộ Chính trị về công tác xây dựng Đảng với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Để làm tốt công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng trong năm 1973 Huyện ủy mở 4 đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ nhân dịp Ban chấp hành Trung ương ra lời kêu gọi (28-11-1973) ngày thành lập Đảng (3/2) ngày Quốc tế lao động (1/5) và ngày Quốc khánh (2/9) kết hợp học tập các Nghị quyết 26, 33 của Tỉnh ủy về củng cố và xây dựng hợp tác xã. Qua học tập, đảng viên trong toàn Đảng bộ nhận thức rõ hơn về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tăng thêm lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Nhờ đó, nền nếp sinh

² Báo cáo 15 năm xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp - sách đã dẫn.

hoạt chi bộ được chân chính, có sự kiểm tra giám sát và phân loại theo thang điểm (10 điểm). Các Đảng bộ Tân Quang, Thành Công, Tích Lương, Dân Chủ, Quyết Thắng, Đồng Tiến, Hòa Bình duy trì chế độ sinh hoạt đều đặn, có nội dung thiết thực, được đánh giá là những Đảng bộ phân đấu tốt (đạt 10 điểm). Bên cạnh đó, nền nếp sinh hoạt trong các Đảng bộ: Đoàn Kết, Khe Mo, Linh Sơn, Quang Trung, Hóa Trung còn yếu (chỉ đạt từ 1 đến 2 điểm), ý thức Đảng trong đảng viên không được nêu cao.

Trong năm 1973, công tác huấn luyện của Đảng bộ đạt kết quả khá. 477 đồng chí trên tổng số 2000 đảng viên toàn huyện đã học xong “4 bài chính trị cơ bản”, 66 đảng viên được cử đi học tại trường Đảng các cấp.

Bước sang năm 1974, trên cơ sở nắm vững các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, Nghị quyết đại hội Đảng bộ lần thứ 13 đã xác định: “chúng ta vừa phải đẩy mạnh phát triển sản xuất toàn diện để có nhiều lương thực, thực phẩm đóng góp cho yêu cầu của cuộc kháng chiến, vừa phải động viên lực lượng thanh niên vào bộ đội đi tham gia chiến đấu giải phóng miền Nam, tổ chức tốt lực lượng dân quân tự vệ và nhân dân trong huyện huấn luyện thực hiện mọi phương án chiến đấu bảo vệ địa bàn...”¹.

Với phương châm “lấy xây dựng Đảng làm gốc, sản xuất hàng đầu, nắm sâu khâu củng cố quản lý hợp tác xã, công tác xây dựng Đảng phải tập trung làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng theo kịp với tình hình nhiệm vụ đất nước chuyển sang giai đoạn mới. Mặt khác phải củng cố các cơ sở Đảng, kết nạp đảng viên mới, đồng thời xem xét xử lý đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng” theo tinh thần chỉ thị 192 của ban chấp hành Trung ương²

Sau các đợt sinh hoạt chính trị, nhiều đảng viên trước đây xin ra hợp tác xã, lấn chiếm ruộng đất nay tự nguyện trả lại tư liệu sản xuất cho tập thể; những đảng viên trây lười, không nhận nhiệm vụ, nay tự nguyện xin giao công tác.

^{1,2}. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ Đồng Hỷ tại đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 14.

Nền nếp sinh hoạt chi bộ được chấn chỉnh theo hướng “3 đúng” (đúng kỳ, đúng giờ, đúng nội dung tính chất sinh hoạt Đảng). Việc chấp hành chính sách của đảng viên và tổ chức Đảng có nhiều tiến bộ.

Trong hai năm (1974-1975) kết hợp công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, 49 chi bộ Đảng được củng cố. Quán triệt Nghị quyết 225 của Bộ chính trị về công tác cán bộ, Huyện ủy đã xây dựng được quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật. công tác quản lý đảng viên, từ quản lý hồ sơ đến quản lý tư tưởng, công tác, sinh hoạt và quan hệ xã hội dần dần đi vào nền nếp. Cũng trong 2 năm này, Đảng bộ đã kết nạp được 44 đảng viên mới đều là những đồng chí trẻ, khỏe, có phẩm chất đạo đức và năng lực công tác tốt.

Đảng bộ đã gắn công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện Nghị quyết 33 của Tỉnh ủy về công tác củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, lấy xây dựng Đảng làm gốc, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp làm nền tảng cho sự phát triển; chống tan vỡ hợp tác xã, xóa bỏ xã trắng, xóm trắng về hợp tác xã. Phong trào hợp tác xã dần dần được phục hồi trở lại. Trong 2 năm (1974-1975), toàn huyện có thêm 2010 hộ nông dân gia nhập hợp tác xã, vượt 19% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 13 đề ra, đưa tổng số hộ nông dân ở trong các hợp tác xã từ 6416 hộ năm 1973, lên 8426 hộ năm 1975 (88,2% tổng số hộ trong toàn huyện). Toàn huyện đã thanh toán 4 xã trắng, 19 xóm trắng; chỉ còn 7 xóm chưa khôi phục được phong trào hợp tác xã.

Chiến tranh đã kết thúc, nhưng hậu quả của nó để lại còn hết sức nặng nề. Hàng trăm ha ruộng đất bị bom đạn cày xới, nhiều nhà cửa, vật nuôi của nhân dân bị phá hủy, bị giết hại, hàng chục quả bom phá, hàng trăm quả bom bi chưa nổ còn nằm sâu trong lòng đất, trên đồng ruộng, làng mạc. Được sự giúp đỡ của tỉnh đội Bắc Thái, Huyện đội Đồng Hỷ mở các lớp tập huấn lập sơ đồ và tháo gỡ bom đạn cho các tổ công binh của lực lượng dân quân tự vệ trong toàn huyện, đồng thời phát động chiến dịch rà phá, thu nhặt bom chưa nổ trên tất cả các địa điểm trước đây bị địch đánh phá. Được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng,

chỉ trong ba tháng đầu năm 1973 Đồng Hỷ đã thu nhật được phần lớn số bom chưa nổ (chủ yếu là bom bi), đảm bảo an toàn cho sản xuất và tính mạng của nhân dân. Việc san lấp hố bom, phục hồi đồng ruộng được gấp rút triển khai nên ngay trong năm 1973, chiến tranh vừa kết thúc, Đồng Hỷ đã đưa tổng diện tích lúa (cả 3 vụ) vào sản xuất, đạt 22.866 mẫu, tăng 4% so với năm 1972. Phấn khởi trước thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Hiệp định Pa Ri được ký kết), nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ hăng hái lao động sản xuất. Các phong trào thi đua “Bắc - Nam đôn dập lập công, Đồng Hỷ quyết giành vụ đông xuân thắng lợi”, phong trào “vụ mùa thắng Mỹ, thắng thiên tai” với 7 mục tiêu (lao động giỏi, diện tích đạt, năng suất cao, sản lượng nhiều, chăn nuôi vượt, hợp tác xã vững, đời sống cao, chấp hành chính sách tốt) được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Do đó trong 2 năm 1974- 1975, Đồng Hỷ liên tiếp được mùa. Năng suất lúa không ngừng tăng lên: năm 1973 đạt 548 kg/mẫu, năm 1974 đạt 565 kg/mẫu, năm 1975 đạt 621kg/mẫu. Tổng sản lượng lúa năm 1975 đạt 12.523 tấn, vượt 1,4% kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết 86 của Hội đồng Chính phủ và quyết định 300 của UBHC tỉnh về phát triển chăn nuôi, quản lý thu mua và phân phối thịt lợn, tổng đàn gia súc, gia cầm của huyện 2 năm 1974 -1975 đều tăng. Năm 1975 toàn huyện đã thu mua được 140 tấn thịt lợn, 8,6 tấn thịt trâu bò, hơn 1600 con gà vịt. tuy vậy, khu vực chăn nuôi tập thể vẫn gặp khó khăn, nhất là đàn lợn vẫn liên tục giảm sút.

Đối với kinh tế lâm nghiệp, nhịp độ trồng, chăm sóc, tu bổ, khai thác rừng vẫn được giữ vững. Nhưng nạn phá rừng vẫn chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Tại các xã Bình Sơn, Tân Cương, Phúc Trìu, rừng bị tàn phá nghiêm trọng.

Tóm lại, trong những năm 1973 - 1975, nền kinh tế của Đồng Hỷ có bước phát triển nhưng tốc độ chậm, không vững chắc. Diện tích, năng suất, sản lượng lương thực tăng giảm thất thường. Chăn nuôi phát triển không đều, khu vực chăn nuôi tập thể có chiều hướng giảm sút. Việc giao đất, giao rừng cho các xã,

hợp tác xã, đơn vị, cơ quan... quản lý chăm sóc chưa mang lại hiệu quả. Phương hướng phát triển kinh tế nói chung còn nhiều lúng túng.

Công tác động viên tuyển quân những năm 1973-1975 của Đồng Hỷ luôn luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quan tâm chỉ đạo. Từ kinh nghiệm của những năm trước, phát huy thành tích đã đạt được, quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, trong 3 năm (1973-1975) Đồng Hỷ huy động 1103 thanh niên là con em các dân tộc trong huyện lên đường đi chiến đấu, đạt 102% chỉ tiêu được giao.

Mười năm động viên tuyển quân, Đồng Hỷ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho chiến trường. 5173 người con thân yêu của Đồng Hỷ đã lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc, vượt chỉ tiêu 164 người (3,27%), trong đó có 232 đảng viên, 2956 đoàn viên thanh niên.

Với những thành tích đã đạt được, trong đó có thành tích về động viên tuyển quân Đồng Hỷ được Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý (2 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng hai, 3 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 19 lần được Bộ Quốc phòng tặng cờ "đơn vị thi đua quyết thắng").

CHƯƠNG VI

ĐẢNG BỘ ĐỒNG HỖ TRONG THỜI KỲ BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (5-1975 – 1985)

I – THI ĐUA THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ 2 (1976-1982)

Đại thắng mùa xuân 1975 đánh dấu thắng lợi hoàn toàn sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Từ đây, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Phấn khởi và tự hào trong ngày hội thống nhất đất nước. Bắc Nam sum họp, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ quyết tâm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương cũng như của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ và chính quyền Đồng Hỷ đã tuyên truyền rộng rãi ý nghĩa thắng lợi vĩ đại mùa xuân 1975, nhằm chuyển mạnh ý chí chiến đấu sang sản xuất; giáo dục tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong toàn huyện với kết quả đạt được trong phong trào giành vụ mùa: “Mừng Việt Nam đại thắng”, Đảng bộ Đồng Hỷ đã phát động tiếp phong trào thi đua 5 giỏi và 7 nội dung phần đầu¹ mà nghị quyết đại hội Đảng bộ lần thứ 13 của huyện đề ra.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và nỗ lực của toàn dân, huyện Đồng Hỷ đã đạt được một số kết quả.

Về kinh tế, mặc dù gặp nhiều khó khăn về thời tiết làm ảnh hưởng đến việc gieo trồng, song sản lượng lúa cả năm 1975 so với 1974 tăng 424 tấn. Diện tích gieo trồng đạt 99,9%, năng suất 16,2 tạ/ha đạt 93%, sản lượng đạt 92,7% so với kế hoạch, toàn huyện đã đưa 80% giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất². Các loại cây màu, cây thực phẩm, cây công nghiệp cũng được chú ý mở rộng

¹ 7 nội dung phần đầu gồm: Lao động giỏi, năng suất tăng, sản lượng nhiều, chăn nuôi vượt, HTX vững, chấp hành đường lối chính sách tốt và đời sống cao.

² Báo cáo chính trị BCH huyện Đảng bộ trước ĐHĐB Đảng bộ Đồng Hỷ L14- tr.2- tài liệu huyện ủy.

diện tích gieo trồng và giống. Do vậy, sản lượng đều vượt so với năm trước và có chiều hướng phát triển tốt.

Chăn nuôi theo hình thức gia đình và tập thể tiếp tục được duy trì. Nhìn chung, việc chăn nuôi so với kế hoạch chưa đạt, song nó đã bước đầu đảm bảo sức kéo trong HTX, từng bước ổn định đời sống nhân dân và góp phần hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Tuy sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, đời sống kinh tế của nhân dân các dân tộc Đông Hỷ chưa ổn định, nhưng việc thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước đã đạt được những thành tích nhất định. Trong các đợt thực hiện nghĩa vụ, huyện Đông Hỷ đều đạt từ 75% đến 87% kế hoạch lương thực. Thực phẩm tăng từ 75 tấn năm 1974 lên 151 tấn (lợn hơi) năm 1976¹. Bên cạnh đó, với tinh thần “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, nhân dân huyện Đông Hỷ đã quyên góp gửi tặng cho đồng bào Khánh Hòa - Công Tum được 40 con trâu cày để phục vụ sản xuất và làm giống, góp được 195 tấn lương thực gửi cho đồng bào miền Nam trong lúc khó khăn sau ngày giải phóng².

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được giữ vững. Đến năm 1976 toàn huyện Đông Hỷ đã có 91% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể (tăng 4,43% so với Nghị quyết đại hội lần thứ 13 đề ra). Qua phân loại, toàn huyện có 42,9% HTX đạt chất lượng khá và tiên tiến³.

Song song với sự nghiệp phát triển kinh tế, Đảng bộ còn đẩy mạnh công tác văn hóa - xã hội. Ngành giáo dục phát triển khá nhanh. Trung bình 3,4 người dân có một người đi học. Phong trào học tốt, dạy tốt được duy trì thường xuyên, nên kết

¹ Báo cáo chính trị của huyện ủy Đông Hỷ trước ĐHĐB ĐB Đông Hỷ lần 14 - tr.6 - tài liệu Huyện ủy

² Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng từ 1974 -1977 - tr.2 - tài liệu Huyện ủy.

³ Báo cáo chính trị của huyện ủy Đông Hỷ trước ĐHĐB Đông Hỷ L14 - tr4 - tài liệu Huyện ủy.

quả thi hết cấp (C1, C2) và thi tốt nghiệp (cấp 3) đều đạt từ 98% đến 100% ¹. Ngoài việc học văn hóa, các trường học còn tổ chức các phong trào, chiến dịch tham gia lao động sản xuất như: trồng sắn, trồng cây ăn quả và cây lấy gỗ v.v... Những sản phẩm làm ra đã góp phần cải thiện đời sống, xây dựng trường lớp.

Mặc dù còn khó khăn về kinh tế và cơ sở vật chất, song ngành y tế huyện đã cố gắng ổn định 2 cơ sở bệnh viện huyện củng cố 20 trạm xá xã. Việc tổ chức khám, chữa bệnh ngày một chu đáo, đảm bảo sức khỏe cho cán bộ và nhân dân. Cùng với những cố gắng của ngành y tế huyện trong việc chăm lo sức khỏe cho toàn dân, Phòng thương binh xã hội huyện phối hợp với các ban, ngành liên quan, giải quyết kịp thời chế độ chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với các đối tượng được hưởng.

Trải qua hơn một năm kể từ sau ngày thống nhất đất nước, bên cạnh những kết quả đạt được. Đảng bộ chính quyền nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã gặp không ít khó khăn trong quá trình bảo vệ và xây dựng huyện nhà vững mạnh, cùng cả nước đi lên CNXH. Từ nền sản xuất nhỏ đi lên, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên có hạn v.v... đang là trở ngại chính cho việc tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn XHCN. Năng suất và sản lượng trong chăn nuôi và trồng trọt chưa cao, chưa vững chắc. Vì thế, đời sống nhân dân chậm được cải thiện, mức nghĩa vụ lương thực, thực phẩm không đạt so với kế hoạch. Phong trào HTX tuy được củng cố, song một số HTX chưa ổn định, chất lượng kém và còn mang tính chất phường hội.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, song với truyền thống lao động cần cù, sáng tạo và những kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện cách mạng XHCN, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ đã quyết tâm cùng nhân dân cả nước đi lên CNXH.

¹ Báo cáo chính trị của huyện ủy Đồng Hỷ trước ĐHĐB Đồng Hỷ L14 - tr6 - tài liệu Huyện ủy.

Ngày 14-12-1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 4 được triệu tập tại Hà Nội, đề ra đường lối xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước. Đại hội nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc đưa cả nước đi lên CNXH “có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa - khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, do đó bảo đảm cho đất nước ta vĩnh viễn độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh”¹

Đường lối chung cách mạng XHCN và đường lối xây dựng kinh tế ở nước ta trong thời kỳ quá độ được Đại hội đề ra dựa trên cơ sở kinh nghiệm của cách mạng XHCN miền Bắc trong 21 năm qua (1954-1975), nhất là xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách. Đó là xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp. Trên cơ sở đó, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Thành công của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội, cũng như của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 4 và Đại hội đại biểu Đảng bộ Bắc Thái lần thứ 2 là nguồn cổ vũ động viên nhân dân các dân tộc Đông Hồ trên con đường xây dựng CNXH. Hơn thế nữa, kế hoạch 5 năm (1976-1980) là kế hoạch 5 năm đầu tiên được thực hiện trên phạm vi cả nước; nó có ý nghĩa vô cùng to lớn về chính trị và kinh tế. Nhận thức được điều đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đông Hồ đã quyết tâm thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần II này.

Từ đường lối chung, đường lối kinh tế của Đảng, Nghị quyết 23,24 của Trung ương, Nghị quyết 45, 46 của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ và chính quyền Đông Hồ nhận định: Đông Hồ là huyện trung du và miền núi, có đủ điều kiện phát triển kinh tế với 4 thế mạnh như Nghị quyết 45 của Tỉnh ủy Bắc Thái là: lương thực, nghề rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi. Cùng với điều kiện thuận

¹ Đảng cộng sản Việt Nam - Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại ĐHĐB toàn quốc lần 4, NXB ST.

lợi đó, huyện Đông Hỷ còn có khả năng tranh thủ sự giúp đỡ về khoa học kỹ thuật, về sức người...của các đơn vị, trường học, cơ quan đóng trên địa bàn huyện.

Từ đặc điểm của huyện, Đảng bộ Đông Hỷ cho rằng thuận lợi là cơ bản và xác định phương hướng lâu dài là: “Ra sức sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng chuyên canh, thâm canh tăng vụ tăng năng suất đưa nhanh năng suất lúa đạt 4 tấn/ha trên diện tích 2 vụ, nhanh chóng phát huy 4 thế mạnh, với tinh thần vượt khó vươn lên, không trù từ ỷ lại, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân các dân tộc trong huyện, quyết tâm xây dựng Đông Hỷ sớm trở thành huyện nông - lâm - công nghiệp”¹.

Để đạt được phương hướng trên. Đảng bộ đã quyết tâm củng cố quan hệ sản xuất để mở đường đưa khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nhằm làm cho nông nghiệp huyện nhà phát triển toàn diện, Đảng bộ chủ trương lấy năng suất cao, sản lượng nhiều làm mục tiêu phấn đấu, lấy tổ chức lại sản xuất làm khâu trung tâm; thủy lợi phân bón, khai hoang là biện pháp mũi nhọn, nhằm từng bước đẩy mạnh sản xuất, đưa kinh tế huyện nhà ngày một phát triển.

Mặc dù cuộc cách mạng quan hệ sản xuất đã được tiến hành hàng chục năm qua, song kết quả đạt được còn thấp, chất lượng kém. Trong huyện còn nhiều xã xóm trắng. Có nơi, HTX đã tan vỡ tới 10 năm nhưng không được củng cố. Có xã, Phong trào HTX chỉ còn 30% và tồn tại theo kiểu “hữu danh vô hình”²

Đứng trước thực trạng đó, Huyện ủy Đông Hỷ đã tập trung chỉ đạo củng cố quan hệ sản xuất, khôi phục và phát triển phong trào HTX với quyết tâm: “Đâu có đảng viên, đâu phải có HTX”, Đảng bộ và chính quyền huyện đi sâu sát chỉ đạo phong trào, xóa bỏ xóm, xã trắng và loại trừ HTX nát kém; động

¹ Phương hướng 1976-1980 và nhiệm vụ cụ thể 1978 của BCH Đảng bộ Đông Hỷ - Báo cáo Đại hội Đảng bộ lần 14 - tr.3- Tài liệu Huyện ủy.

² Báo cáo kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của Huyện ủy 1976 - đến 30-6-1979 - Tr.6 - Tài liệu Huyện ủy.

viên nông dân vào làm ăn tập thể, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn XHCN; đồng thời, tổ chức cho nhân dân học tập và quán triệt nội dung của cuộc cách mạng XHCN. Với nhiều biện pháp tích cực và sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy, toàn huyện đã xóa được 100% xã trắng, xóm trắng. Tính đến tháng 6-1977, huyện Đông Hỷ có 121 HTX với 8850 hộ tham gia, đưa tỷ lệ từ 9% (trước ĐHĐB Đông Hỷ lần 13) lên 91,93% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể¹. Hợp tác xã Minh Lập tan vỡ trong nhiều năm, qua đợt củng cố này, đã có tới 97,6% số hộ nông dân xin gia nhập trở lại². Nhiều HTX đi vào làm ăn có nền nếp, mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nên thường xuyên đạt năng suất cao. Một số HTX tiến hành hợp nhất trên quy mô toàn xã. Đến năm 1977, toàn huyện có 3 HTX quy mô toàn xã được tổ chức lại theo hướng sản xuất lớn XHCN như: Hóa Thượng, Tích Lương, Tân Cương. Cả 3 xã này đều thành lập tổ công tác gồm có: cán bộ chỉ đạo, cán bộ kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi, giúp HTX hoạt động một cách có hiệu quả. Nhờ đó, HTX nắm được tình hình chung về nông hóa thổ nhưỡng, xây dựng quy hoạch sản xuất lâu dài, xây dựng định mức lao động...

Hình thức này từng bước được phổ biến rộng rãi trong các HTX, nhằm đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và hoàn thành mọi nghĩa vụ Nhà nước giao cho.

Từ nhận thức thủy lợi là biện pháp hàng đầu, là mũi nhọn của việc phát triển nông nghiệp. Huyện ủy thường xuyên phát động toàn Đảng bộ, toàn dân tham gia làm thủy lợi với phương châm dựa vào sức mình là chính. Nhờ vậy, chỉ trong 2 năm 1975-1976, nhân dân các dân tộc Đông Hỷ đã xây dựng mới được 14 đập loại lớn, sửa lại và làm mới 32 mương, làm bờ vùng đê với tổng chiều dài 140.000 mét, đào và đắp được 161.150m³ đất đá công trình thủy lợi.

Hưởng ứng chiến dịch làm thủy lợi trên công trình hồ Núi Cốc, huyện Đông Hỷ đã tổ chức thành công một công trường toàn huyện. Lực lượng tham gia được tổ chức và có kỷ luật chặt chẽ, có hệ thống chỉ đạo cụ thể từ trên xuống

¹ Báo cáo công tác 9 tháng đầu năm 1977 của Huyện ủy - tr.5- tài liệu Huyện ủy.

² Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của Huyện ủy từ 1976 - đến 30-6-1979 - tr.6 tài liệu Huyện ủy.

dưới. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về lương thực, phương tiện và nhà ở....song từ 19-3 đến 30-6-1977, huyện đã huy động được 5.099 lượt người lên công trường, đào đắp được 38.482m³ đất đá, đạt 65.069 công định mức trên công trường, vượt 20,4 % so với 6 tháng đầu năm 1976 ¹.

Sau công trình Núi Cốc, nhân dân huyện Đồng Hỷ bắt tay vào xây dựng công trình thủy lợi Linh Nham để phục vụ sản xuất cho vùng Hóa Thượng. Các trạm bơm điện, bơm dầu cũng được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, nhằm phục vụ nhu cầu tưới tiêu và nâng diện tích canh tác. Nhìn chung, các trạm bơm điện Đồng Tiên, Linh sơn, Cao Ngạn, Nam Hòa; các máy bơm dầu sau khi được đầu tư xây dựng và sửa chữa lại, đã đi vào hoạt động, nâng diện tích được chủ động tưới tiêu từ 3300 mẫu lên gần 4000 mẫu trong vụ đông xuân năm 1977 ².

Bên cạnh việc đầu tư sức người, sức của vào công tác thủy lợi, huyện Đồng Hỷ còn huy động 16.500 ngày công để làm mới 1,5km đường, đào và đắp 18.500m³ đất đá, sửa chữa 37km cầu đường v.v....phục vụ cho việc vận chuyển và yêu cầu sản xuất. Ngoài ra, Huyện ủy chỉ đạo các xã xây dựng hệ thống sân phơi, nhà kho; đầu tư phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và giống phục vụ sản xuất ³.

Ngày 19 tháng 8 năm 1977, Trung ương Đảng ra Nghị quyết: “Tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp”. Quán triệt Nghị quyết, Huyện ủy và chính quyền đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp. Với quyết tâm khắc phục khó khăn, biến nghị quyết thành hành động cụ thể, năm 1977 huyện Đồng Hỷ đã đưa diện tích canh tác lúa lên 8100 ha, năng suất đạt 17,22 tạ/ha, sản lượng đạt 13.945 tấn ⁴. Song song với cây lúa, cây màu cũng được phát triển,

^{1,2}. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng từ 1974-1977-tr.4- tài liệu Huyện ủy.

³. Báo cáo công tác 9 tháng đầu năm 1977 - tr.6- tài liệu Huyện ủy.

⁴. Báo cáo kết quả sản xuất cây lương thực 1977 - tr.2- UBHC tỉnh - HS4- C.26 Lưu BNC LSD tỉnh BT.

nhất là khoai lang (diện tích đạt 1000ha, sản lượng 5.500 tấn) ngô và khoai sọ. Cây công nghiệp và thực phẩm cũng được chú ý gieo trồng và đầu tư. Huyện ủy đã chỉ đạo việc quy hoạch vùng đất chuyên canh. Nhờ đó, diện tích canh tác và sản lượng hàng năm đều tăng.

Mặc dù thời tiết năm 1977 rất xấu, rét kéo dài, đàn gia súc toàn huyện chết trên 1000 con, song với sự cố gắng của nhân dân trong phòng dịch, chống rét v.v... nên tổng số đàn trâu, bò vẫn giữ được 15.000 con.

Cùng với chăn nuôi đại gia súc, đàn gia cầm của huyện mỗi năm một phát triển. Toàn huyện có 18.130 con lợn. Nhiều cơ sở chăn nuôi lợn tập thể có quy mô từ 200 con trở lên làm ăn có hiệu quả¹. Việc nuôi, thả cá được phát triển trên diện rộng với hình thức chăn nuôi tập thể và gia đình. Các hợp tác xã Huống Trung, Văn Hữu, Bá Châu, Tích Lương... đã tổ chức ương cá giống để phát triển cá trong toàn huyện.

Ngoài ra, HTX còn tổ chức nuôi cá thịt tốt, điển hình là HTX Huống Trung. Mỗi năm thu vài tấn cá để phục vụ đời sống xã viên và góp phần thực hiện nghĩa vụ và thực phẩm đối với Nhà nước.

Bước vào những năm cuối của thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976-1980), Huyện ủy đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ phát huy sức mạnh khắc phục khó khăn, giành thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác thủy lợi, tích cực đưa giống mới và thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Huyện ủy vận động nhân dân tận dụng các nguồn phân chuồng, phân bùn, ao, phù sa, tham gia thực hiện các phong trào làm phân xanh, thả bèo dậu v.v... nhằm tăng độ phì nhiêu và cải tạo đất, góp phần đưa năng suất cây trồng lên cao.

Với những biện pháp tích cực đó và nhờ sự nỗ lực của nhân dân, đến năm 1980 toàn huyện đã đạt được kết quả đáng phấn khởi. Tổng diện tích cây lúa đạt 7.711,56 ha, năng suất đạt 16,92 tạ/ha, nâng sản lượng lên 13.048.739kg. Đặc biệt vụ mùa năm 1980 đạt khá cao về diện tích, năng suất và tổng sản

¹ Báo cáo kết quả chăn nuôi 1977 của UBHC tỉnh – tr. 12,14 – HS4. C26. Tài liệu lưu BNC LSD tỉnh

lượng. So với kế hoạch, diện tích đạt 99,42%, năng suất đạt 98%, tổng sản lượng đạt 97,48%. Nếu so với năm 1979, toàn huyện vượt trên 1000 tấn thóc¹. Tỷ lệ màu trong cơ cấu lương thực cũng tăng dần. Năm 1980, tổng sản lượng màu quy ra thóc đạt 1.835.377 kg. Rau, đỗ các loại phát triển tương đối khá ở khu vực gia đình, giải quyết được một phần lớn về nhu cầu của nhân dân.

Ngành chăn nuôi tiếp tục được giữ vững và phát triển, mặc dù còn nhiều khó khăn về giống, thức ăn, phòng dịch và chuồng trại.

Với tinh thần vượt khó vươn lên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã đạt được nhiều thành tích trong sự nghiệp phát triển kinh tế; đời sống nhân dân được ổn định. Việc tham gia thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước ngày càng tiến bộ. Năm 1980, toàn huyện đạt mức lương thực 101%, thực phẩm là 103%².

Song song với những kết quả đạt được trên mặt trận phát triển kinh tế, sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục và y tế xã hội có bước tiến khá mạnh. Đến năm 1982, toàn huyện đã có 28.417 học sinh theo học các cấp. Tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp đều đạt trên 90%. Phong trào thi đua 2 tốt: dạy tốt - học tốt được duy trì thường xuyên, chất lượng giáo dục được nâng cao. Một số trường, điển hình là trường phổ thông cấp I Hóa Thượng, trường phổ thông cấp II Tích Lương đạt danh hiệu tổ lao động XHCN. Ngoài ra, Huyện ủy còn chỉ đạo và tổ chức cho các trường tham gia sản xuất, trồng màu và chăn nuôi đạt kết quả cao.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, công tác văn hóa thông tin được đẩy mạnh. Ngoài việc tổ chức tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngành văn hóa thông tin huyện còn tổ chức các đội chiếu bóng, đội văn nghệ, thường xuyên phục vụ nhân dân, nhằm nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân các dân tộc.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho toàn dân có nhiều tiến bộ. Bệnh viện huyện đã tổ chức khám và chữa bệnh cho hàng nghìn người. Hàng năm, Huyện

¹ Báo cáo của Huyện ủy Đồng Hỷ trước ĐHĐB ĐB L16 - tr.1 và BC 1 số nét lớn về tình hình huyện trong 2 năm (1980 -1981) của huyện ủy Đồng Hỷ - tr.1- tài liệu Huyện ủy.

² Báo cáo của Huyện ủy Đồng Hỷ trước ĐHĐB ĐB L16 – tr.12- tài liệu Huyện ủy

ủy chỉ đạo ngành đầu tư thiết bị y tế, thuốc men và cơ sở vật chất, đồng thời phát động phong trào vệ sinh phòng dịch. Các bệnh dịch: tả, lỵ... đều được kịp thời phát hiện và dập tắt. Tỷ lệ ốm đau, bệnh tật giảm xuống. Sức khỏe của nhân dân các dân tộc trong huyện được nâng lên rõ rệt.

Tóm lại, với quyết tâm khắc phục khó khăn, Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Hỷ đã đạt được nhiều thành tựu trong phong trào thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm lần 2 (1976-1980). Các ngành kinh tế phát triển ngày càng vững chắc. Cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu được xây dựng. Đời sống vật chất và văn hóa được cải thiện rõ rệt...

II- TĂNG CƯỜNG CỨNG CỐ VÀ XÂY DỰNG HUYỆN VỮNG MẠNH

Phấn khởi và tự hào trước những thành tựu đạt được trong kế hoạch 5 năm lần II, Đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ ra sức thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế toàn diện.

Năm 1981, tổng diện tích cây lúa đạt 8.283,51 ha (tăng 7% so với 1980). Cây màu được đưa vào sản xuất đại trà trên diện rộng, nên tỷ lệ màu trong cơ cấu lương thực tăng dần, từ chỗ xấp xỉ 20% (năm 1980) lên 25% (năm 1982). Năm 1979 diện tích trồng chè là 104,7 ha, đến năm 1982 lên 229,3 ha, năng suất đạt 2,64 tạ/ha. Cây mía, cây đỗ tương đều có chiều hướng phát triển, song năng suất và chất lượng chưa cao¹.

Từ năm 1982, việc phát triển cây công nghiệp đã được đưa vào quy hoạch từng vùng tập trung, có sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy xuống xã và HTX. Huyện chủ trương đầu tư phân bón, thuốc trừ sâu v.v...theo ký kết hợp đồng sản phẩm. Chủ trương này đã khuyến khích nông dân đầu tư phát triển sản xuất với sản lượng và chất lượng ngày một cao. Đến năm 1985, theo ranh giới mới của huyện, cây chè được quy hoạch theo vùng với diện tích là 119 ha. Cây lạc được trồng 75ha, đạt giá trị xuất khẩu 117%.

Bên cạnh việc đầu tư phát triển cây công nghiệp đem lại giá trị kinh tế cao, Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành và nhân dân trong huyện phát triển nghề

¹ Báo cáo của Huyện ủy trước ĐHĐB Đồng Hỷ L16-tr.2- Tài liệu Huyện ủy.

rừng. Trong 3 năm 1980-1982, huyện đã trồng rừng tập trung được 548,7 ha. Hàng năm, huyện khai thác trên 500m³ gỗ và 4000 ste củi cùng nhiều mặt hàng lâm, thổ sản có giá trị. Tuy nhiên, nhận thức về giá trị kinh tế rừng và tác dụng của rừng trong cán bộ và nhân dân còn hạn chế, việc quản lý và bảo vệ rừng thiếu trách nhiệm, chưa chặt chẽ. Do đó, nhiều ha rừng của huyện bị phá nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái.

Trước tình hình đó, Huyện ủy đề ra nhiều chủ trương và biện pháp khắc phục, Một mặt, Đảng bộ và chính quyền nghiêm khắc xử lý những hành vi phá rừng, mặt khác phát động phong trào trồng rừng, bảo vệ rừng, tổ chức nhiều chiến dịch trồng rừng nông lâm kết hợp. Đặc biệt, Đảng bộ lãnh đạo, tổ chức tốt việc khoán rừng đến nhóm và người lao động. Những biện pháp tích cực, kịp thời của Đảng bộ đã đem lại kết quả to lớn.

Năm 1984, toàn huyện đã trồng được 175 ha rừng mới, đạt 110% kế hoạch. Sang năm 1985, huyện đã tổ chức giao đất, giao rừng đến HTX và hộ gia đình được 23.170 ha¹. Nghề rừng trong thời gian này thực sự trở thành một thế mạnh, góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Đồng Hỷ phát triển hơn nữa.

Năm 1981, tuy chăn nuôi có tăng về số lượng (tổng đàn trâu tăng 3% so với 1980, lợn tăng 10%), song chất lượng vẫn còn kém. Tỷ lệ trâu gầy yếu, mắc bệnh còn cao. Trọng lượng lớn xuất chuồng đạt thấp. từ tình trạng này, bước sang năm 1982, Đảng bộ chủ trương đầu tư xây dựng vùng con giống và tiến hành chỉ đạo các cơ sở chăn nuôi tập thể khắc phục khó khăn về giống, thức ăn, phòng dịch, chuồng trại, đồng thời tổ chức chỉ đạo khoán vật nuôi đến hộ gia đình. Từ chủ trương này, Đồng Hỷ bắt đầu xuất hiện một số cơ sở chăn nuôi điển hình tốt. Trại lợn tập thể Tích Lương Hoa Thượng tập trung chăn nuôi lợn nái, cung cấp hàng trăm con lợn giống cho xã viên. Hợp tác xã Hợp thành, xã Phúc Xuân đã phát triển đàn trâu sinh sản theo hướng kinh doanh. Thông qua những điển hình ấy, Đảng bộ rút ra được nhiều kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo giúp cho ngành chăn nuôi ở địa phương phát triển hơn. Năm 1984, toàn

¹ Báo cáo của huyện Đồng Hỷ khóa 16- tr.4 và báo cáo công tác XĐĐ 184 - tr.1 - tài liệu Huyện ủy

huyện đã trồng được 175 ha rừng mới, đạt 110% kế hoạch. Sang năm 1985, huyện đã tổ chức giao đất, giao rừng đến HTX và hộ gia đình được 23.170ha¹. Nghề rừng trong thời gian này thực sự trở thành một thế mạnh, góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Đồng Hỷ phát triển hơn nữa.

Năm 1981, tuy chăn nuôi có tăng về số lượng (tổng đàn trâu tăng 3% so với 1980, lợn tăng 10%), song chất lượng vẫn còn kém. Tỷ lệ trâu gầy yếu, mắc bệnh còn cao. Trọng lượng lợn xuất chuồng đạt thấp. Từ tình trạng này, bước sang năm 1982, Đảng bộ chủ trương đầu tư xây dựng vùng con giống và tiến hành chỉ đạo các cơ sở chăn nuôi tập thể khắc phục khó khăn về giống, thức ăn, phòng dịch, chuồng trại, đồng thời tổ chức chỉ đạo khoán vật nuôi đến hộ gia đình. Từ chủ trương này, Đồng Hỷ bắt đầu xuất hiện một số cơ sở chăn nuôi điển hình tốt. Trại lớn tập thể Tích Lương, Hóa Thượng tập trung chăn nuôi lợn nái, cung cấp hàng trăm con lợn giống cho xã viên. Hợp tác xã Hợp Thành, xã phúc Xuân đã phát triển đàn trâu sinh sản theo hướng kinh doanh. Thông qua những điển hình ấy, Đảng bộ rút ra được nhiều kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo giúp cho ngành chăn nuôi ở địa phương phát triển hơn. Năm 1984, toàn huyện có 27.552 con lợn, đạt 102% kế hoạch, đàn trâu có 18.674 con, đạt 109,8% kế hoạch².

Từ năm 1982, nhằm củng cố phong trào HTX, Đảng bộ tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chỉ thị 100 của Trung ương về khóa sản phẩm đến nhóm và người lao động. Thời gian đầu, toàn huyện có 54/87 HTX thực hiện khoán sản phẩm. Nhìn chung việc tổ chức khoán đạt kết quả tốt.

Tuy nhiên, có một số nơi chỉ đạo khoán không đúng tinh thần chỉ thị 100. Do giao đất không đúng, quản lý tư liệu không chặt chẽ, không thu được sản phẩm, ngành nghề không phát triển, các đội chuyên không được củng cố, nên cơ sở vật chất của HTX bị phá vỡ. Thậm chí có chi bộ ra nghị quyết sai trái về giao ruộng đất trong khoán sản phẩm, đã để cho một số hộ cá thể vào tranh

¹ Báo cáo của huyện Đồng Hỷ khóa 16 - tr.4 và báo cáo công tác XĐĐ 1984 - tr.1- tài liệu Huyện ủy.

² Báo cáo công tác XD Đảng 1984- tr.1- Tài liệu Huyện ủy.

chấp ruộng đất với HTX. Hiện tượng “Khoán chui”, “Khoán trắng” v.v...cũng xuất hiện ở một số HTX.

Để khắc phục tình trạng trên, Huyện ủy cử cán bộ kết hợp với Ban nông nghiệp huyện xuống cơ sở để chỉ đạo sửa sai. Trong chỉ đạo và tiến hành sửa sai, Huống Thượng, Hóa Trung và Hồng Thái (Hóa Thượng) được chọn làm thí điểm. Qua đó, nhiều HTX đã học tập và vận dụng để sửa chữa khâu khoán trong đơn vị của mình. Huyện ủy lãnh đạo các xã tiến hành sắp xếp lại quy mô HTX cho phù hợp với trình độ lãnh đạo và quản lý của cấp ủy Đảng. Sau đợt sửa sai và củng cố phong trào, toàn huyện đã có 93,3% số hộ nông dân vào HTX, tăng 10% so với 1983. Năm 1985, Đồng Hỷ có 77 HTX, trong đó có 4 HTX quy mô toàn xã: 100% HTX đều thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Chính sách khoán đã động viên được nhiều HTX và người lao động phát triển chăn nuôi và sản xuất.

Nhằm nâng cao năng suất và sản lượng của cây lúa, cây màu, bên cạnh việc cung ứng kịp thời phân bón, thuốc trừ sâu, huyện đã lãnh đạo các HTX mạnh dạn đầu tư và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thâm canh. Một số giống lúa mới có năng suất cao như: A3, bao thai thuần chủng, CR203...vẫn giữ được vai trò chủ đạo trong cơ cấu giống. Từ năm 1983, huyện đã chỉ đạo các xã thâm canh lúa cao sản. Nhiều HTX đạt năng suất cao từ 30-32 tạ/ha (HTX Hóa Thượng, HTX Huống Thượng). Đến năm 1985, tuy kết quả không đạt so với kế hoạch, song sản lượng lúa và màu vẫn tăng từ 5 đến 7% so với năm 1984. Việc huy động lương thực, thực phẩm làm nghĩa vụ với Nhà nước đều đạt kết quả tốt¹.

Một bước tiến mới rất quan trọng của Đồng Hỷ trong nửa đầu thập kỷ 80 là nhiều ngành nghề thủ công mới đã ra đời và phát triển. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi) có sản lượng ngày một tăng, đáp ứng một phần lớn nhu cầu xây dựng trong và ngoài huyện. Các mặt hàng sành cọ, nứa

¹ Báo cáo công tác năm 1985 - tr.2,3 - tài liệu Huyện ủy.

lá...không chỉ được nhân dân địa phương ưa chuộng, mà còn có tín nhiệm trên thị trường một số nước XHCN Đông Âu.

Sự ra đời và phát triển của các thành phần kinh tế trong những năm qua góp phần tăng thêm nguồn thu cho ngân sách của huyện. Đời sống của nhân dân được nâng lên. Việc xây dựng cơ sở vật chất, văn hóa, giao thông, thủy lợi và các công trình phúc lợi cũng được đẩy mạnh.

Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong 3 năm (1983- 1985), với số vốn chiếm 5,7% tổng chi ngân sách, đồng thời dựa vào sự đóng góp của nhân dân và tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương (331.563 đồng)¹, huyện đã cơ bản hoàn thành xây dựng hệ thống kênh mương Núi Cốc, đảm bảo tưới và tiêu nước cho các xã phía nam; xây dựng hồ chứa nước Chí Sơn Nam Hòa, củng cố và sửa chữa các trạm bơm dầu, bơm điện phía bắc, Ngoài ra, huyện còn tổ chức khảo sát một số công trình thủy lợi để thi công vào những năm tiếp theo.

Song song với việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất và đời sống, huyện đã cố gắng phát triển giao thông. Huyện ủy xác định: Tuy nguồn vốn có hạn, song việc đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm là không thể thiếu được. Do vậy, trong những năm này, 45 km đường trục của huyện được tu sửa và nâng cấp; sửa chữa và làm mới các đường giao thông liên xóm, liên xã, mở một con đường đi vào xã Vân Lăng - một xã khó khăn nhất của huyện. Cầu phao Huống, cầu treo Bá Vân v.v...cũng được sửa chữa và xây dựng lại, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và giao thông đi lại của nhân dân trong huyện. Trong năm 1985, Huyện ủy còn tập trung chỉ đạo hoàn thành xây dựng trụ sở Ủy ban huyện, trụ sở Ủy ban các xã: Hợp Tiến, Linh Sơn và Văn Hán.

Quán triệt nghị quyết của Trung ương Đảng và nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, Huyện ủy Đồng Hỷ đã thành lập Ban cán sự hội đồng giáo dục từ huyện đến xã để chỉ đạo việc thực hiện cải cách giáo dục cơ sở. Huyện đã dành

¹ Báo cáo chính trị của huyện ủy Đồng Hỷ khóa 16-tr.6- tài liệu Huyện ủy

42,6% tổng chi ngân sách cho việc xây dựng cơ sở vật chất trường học và xây dựng đội ngũ giáo dục². Trong phong trào thi đua 2 tốt nhiều trường đã phấn đấu và vươn lên trở thành trường điển hình tiên tiến, tiêu biểu là trường phổ thông cơ sở Phúc Triu, được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tặng bằng khen năm 1983. Các trường phổ thông cơ sở Tân Cương, Thịnh Đức, Phúc Hà, Cao Ngạn... có nhiều tiến bộ về chất lượng dạy và học. Số học sinh trong các trường hàng năm đều tăng. Năm 1983, toàn huyện có 29.192 học sinh theo học các cấp. Kết thúc năm học 1982-1983, 96,8% số học sinh lên lớp, thi tốt nghiệp đạt 94,6%. Đến năm 1985, có 92% số học sinh lên lớp, thi tốt nghiệp đạt 95,8%. 5 trường đạt tiêu chuẩn trường tiên tiến cấp huyện. Số giáo viên đạt chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến chiếm tỷ lệ 69% tổng số đội ngũ giáo viên trong toàn huyện¹.

Bên cạnh những tiến bộ, thành tựu đạt được trong sự nghiệp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, phong trào y tế, vệ sinh phòng bệnh, khám và chữa bệnh cũng thu nhiều kết quả. Huyện Đông Hỷ được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái công nhận là huyện hoàn thành 3 công trình vệ sinh phòng bệnh. Năm 1985, toàn huyện đã hoàn thành cơ bản công trình “5 dứt điểm” do Bộ y tế đề ra và được Sở y tế tỉnh tặng thưởng dụng cụ UNICEP. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đẩy mạnh ở các cơ sở có nơi đã trở thành phong trào quần chúng. Đến năm 1985, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm xuống 2.03%, điển hình là các xã: Tân Cương, Huống Thượng, Thịnh Đức... Ngoài ra, huyện còn đầu tư kinh phí để củng cố và nâng cấp một số trạm xá, cơ sở y tế nhằm đảm bảo yêu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân các dân tộc trong huyện.

Được sự giúp đỡ của đài phát thanh tỉnh, từ năm 1985, huyện Đông Hỷ đã xây dựng đài truyền thanh và đưa vào hoạt động. Nhờ đó, công tác văn hóa, thông tin được mở rộng, góp phần tích cực trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

² Theo Báo cáo chính trị của Huyện Đông Hỷ khóa 16-tr.6:3 năm (1983-1985) huyện đầu tư 42,6% tổng chi ngân sách cho sự nghiệp phát triển giáo dục - tài liệu Huyện ủy.

¹ Báo cáo chính trị của Huyện Đông Hỷ khóa 16-tr.7- tài liệu Huyện ủy.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ nhận thức đúng đắn cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” là sức mạnh tổng hợp, khắc phục khó khăn để hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược do Đảng ta đề ra trong thời kỳ mới. Từ nhận thức đó, song song với việc phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục; Huyện ủy Đồng Hỷ đã tiến hành củng cố, xây dựng các tổ chức đoàn thể ngày một vững mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Đồng Hỷ xác định: “Lấy xây dựng Đảng làm gốc”, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, đảm nhận được vai trò lãnh đạo. Việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nhất là các chi bộ yếu kém ở vùng núi, được Đảng bộ thường xuyên coi trọng.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng bộ còn bộc lộ nhược điểm. Nhiều chi bộ chưa quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, vai trò của đồng chí bí thư và thường trực Đảng còn mờ nhạt. Chế độ sinh hoạt Đảng chưa đi vào nề nếp, nên có tình trạng một số chi bộ (kể cả khối cơ quan, xí nghiệp) bỏ rơi sinh hoạt, buông lỏng công tác quản lý đảng viên, xem nhẹ việc bồi dưỡng phát triển Đảng¹. Việc tổ chức cho đảng viên sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được thường xuyên và sâu sắc. Bên cạnh đó, một số cán bộ, đảng viên giữ cương vị lãnh đạo từ cơ sở trở lên tuổi đã cao, sức khỏe giảm sút², trình độ văn hóa thấp (cấp 1 chiếm 57,3% cấp 2 là 35,7%; cán bộ đảng viên có trình độ đại học và cấp 3 phần lớn lại tập trung trong các trường).

Một bộ phận đảng viên thiếu gương mẫu, vi phạm đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước (cấp 1 chiếm 57,3%, cấp 2 là 35,7%; cán bộ đảng viên có trình độ đại học và cấp 3 phần lớn lại tập trung trong các trường).

Một bộ phận đảng viên thiếu gương mẫu, vi phạm đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước. Có những chi bộ chỉ có từ 30 đến 50% số đảng viên vào HTX. Đảng viên vi phạm chính sách, pháp luật là hiện tượng phổ biến ở

¹ Báo cáo “Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của Huyện ủy 1976-30-6-1979-tr.7- tài liệu Huyện ủy.

² Báo cáo “Tổng kết công tác xây dựng Đảng từ 1974-1977: “Đảng viên từ 50 tuổi trở lên chiếm 25,14%-tr.8- tài liệu Huyện ủy.

các Đảng bộ yếu kém, điển hình là Đảng bộ xã Minh Lập. Năm 1977, Đảng bộ Minh Lập có 4/59 đảng viên làm nghĩa vụ thực phẩm. Đảng viên không gương mẫu thực hiện (trong đó có cả cấp ủy) nên quần chúng không làm. Vì thế, cả xã chỉ bán cho Nhà nước được 240 kg lợn hơi trong một năm ¹.

Nghiêm trọng hơn, một số đảng viên đã lợi dụng chức quyền để tham ô tài sản XHCN. Ở Bình Sơn, cán bộ đảng viên khai thác 302m³ gỗ trái phép ², có trường hợp đảng viên vi phạm, bị quần chúng phát giác, nhưng vẫn không bị xử lý v.v...

Công tác phát triển Đảng chưa được quan tâm đúng mức, nên trong 4 năm (1976 đến 30-6-1979) toàn Đảng bộ Đồng Hỷ chỉ kết nạp được 56 đảng viên. Tính bình quân, mỗi chi, đảng bộ chỉ kết nạp được một đảng viên mới (số đảng viên mới được kết nạp chỉ chiếm hơn 1/3 số đảng viên bị ra khỏi Đảng).

Trước tình hình đó, Đảng bộ Đồng Hỷ đã tiến hành củng cố và xây dựng các cơ sở Đảng, quyết tâm xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò lãnh đạo.

Ngày 5-9-1977, thông tri 22 của Ban Bí thư ra đời đã chỉ rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng, nhấn mạnh việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Hỷ đã tập trung chỉ đạo triển khai thông tri 22 trong toàn Đảng bộ. Trong quá trình thực hiện, Đảng bộ coi trọng cả 3 nội dung như tinh thần của thông tri 22, trong đó, công tác bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng cho đảng viên (đặc biệt đối với đảng viên mới vào Đảng và đảng viên có trình độ năng lực yếu) đi trước một bước.

Nhận thức được vai trò của công tác bồi dưỡng, giáo dục đối với đảng viên, Huyện ủy Đồng Hỷ đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Trường Đảng huyện mở các lớp bồi dưỡng lý luận cho đảng viên theo từng chương trình và ở từng

¹ Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của BCH Đảng bộ huyện Đồng Hỷ - tài liệu đã dẫn - tr.4.

² Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của Huyện ủy 1976-tr.4-tài liệu Huyện ủy.

khu vực. Đợt bồi dưỡng lý luận cơ sở tại chức ở 18 xã có 1.700 đảng viên tham gia, đạt tỷ lệ 80%. Trường Đảng huyện mở 17 lớp bồi dưỡng chương trình lý luận cơ sở và nghị quyết 4 của Trung ương cho cấp ủy cơ sở và cán bộ lãnh đạo ngành, cán bộ quản lý HTX⁽⁺⁾.

Năm 1981 và đầu năm 1982, mặc dù có nhiều khó khăn về lương thực, thực phẩm và kinh phí, song Ban Tuyên giáo và trường Đảng huyện đã cố gắng mở các lớp bồi dưỡng lý luận sơ cấp cho 743 đảng viên. Ngoài ra, Huyện ủy còn mở lớp bồi dưỡng về lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, phẩm chất đạo đức cách mạng và đường lối phát triển kinh tế, chính sách pháp luật của Đảng cho 487 đảng viên thuộc diện yếu kém¹. Sau khi học tập, nghiên cứu, trình độ lý luận và nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên. Cũng từ đó trở đi, công tác bồi dưỡng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đảng viên trong Đảng bộ Đồng Hỷ được đẩy mạnh và đi vào nền nếp.

Song song với việc bồi dưỡng, giáo dục nâng cao trình độ cho đảng viên, Huyện ủy coi trọng công tác kiểm tra, kịp thời xử lý và kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Trong 4 năm, từ 1976 đến 30-6-1979, Đảng bộ Đồng Hỷ xử lý 240 đảng viên sai phạm, trong số đó có 81 đảng viên bị khai trừ, 53 đảng viên bị xóa tên và 6 trường hợp bị đưa ra truy tố trước pháp luật². Đảng bộ còn tổ chức cho đảng viên tự phê bình và phê bình, thường xuyên lấy ý kiến phê bình góp ý xây dựng của quần chúng đối với từng đảng viên.

Nhờ những biện pháp tích cực và có hiệu quả, chất lượng đảng viên được nâng lên, Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh. Nhiều cán bộ đảng viên đã tỏ rõ năng lực và trách nhiệm của mình trong công tác; trở thành “đầu tàu” trong các phong trào HTX. Nhiều chi bộ, Đảng bộ cơ sở trước đây chỉ có từ 30 đến 50% số đảng viên vào hợp tác xã, đến lúc này, tỷ lệ đó đã lên tới 100%. Đảng bộ Minh Lập từ chỗ là một cơ sở yếu kém, trước đây không bao giờ hoàn

(+) Báo cáo “Tổng kết công tác xây dựng Đảng từ 1974 đến 1977” của Huyện ủy Đồng Hỷ tr.6- tài liệu Huyện ủy.

¹ Báo cáo chính trị đại hội ĐB lần 16 của Huyện ủy Đồng Hỷ ngày 20-9-1982 – tr.9- tài liệu Huyện ủy.

² Báo cáo “Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của Huyện ủy 1976 đến 30-6-1979”- tr.4- tài liệu Huyện ủy.

thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đến năm 1978, đã là đơn vị hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực gần 10 tấn thóc, 10 tấn lợn. Đặc biệt có những ngày hội chợ, nhân dân đem bán 300 kg gà, 100 kg đỗ cho Nhà nước⁽⁺⁺⁾. Các xã: Khe Mo, Văn Hán, Nam Hòa, Tân Lợi v.v...cũng chuyển biến một bước khá dài, nhất là việc thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước.

Công tác phát triển Đảng hàng năm đều tăng và bảo đảm chất lượng. Riêng trong ba năm (1980 đến 1982), Đảng bộ Đồng Hỷ đã kết nạp được 143 đảng viên. Hầu hết những đảng viên mới được kết nạp đều trẻ, có trình độ, năng lực.

Từ năm 1978, Đảng bộ tiến hành công tác phát thê Đảng cho đảng viên. Nhìn chung, việc phát thê tổ chức tốt, bảo đảm tiêu chuẩn. Năm 1980, toàn Đảng bộ có 96% chi, đảng bộ cơ sở tổ chức phát thê, số đảng viên được nhận thê đạt 88,62%¹.

Với những kết quả trên, Đảng bộ Đồng Hỷ đã được đón nhận cờ thưởng “Đảng bộ huyện vững mạnh năm 1980-1981” của Ban chấp hành Trung ương Đảng trao tặng. Phần thưởng này là sự ghi nhận thành tích của đảng bộ trong hai năm 1980-1981, là sự cổ vũ động viên đối với toàn đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ trong những năm tiếp theo.

Bước sang năm 1985, thực hiện quyết định 102 của Hội đồng Bộ trưởng (ngày 2-4-1985) về việc điều chỉnh địa giới của một số huyện và thành phố tỉnh Bắc Thái và thông báo số 13 của tỉnh (ngày 11-6-1985) về việc chuyển giao tổ chức cơ sở Đảng, cơ quan huyện ủy Đồng Hỷ chuyển sang địa điểm mới. Đảng bộ chuyển giao cho thành phố Thái Nguyên, huyện Phò Yên và thị xã Sông Công 18 tổ chức cơ sở Đảng gồm 1201 đảng viên; đồng thời nhận về 13 cơ sở và thành lập một Đảng bộ thị trấn trực thuộc. Như vậy đến 7-1985 Đảng bộ Đồng Hỷ còn 49 cơ sở Đảng, với tổng số 2570 đảng viên. Sự chuyển giao này làm cho Đảng bộ không ít khó khăn². Trong hoàn cảnh ấy, Đảng bộ đã sớm ổn

(++) Báo cáo “Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng của BCH Huyện ủy- tr.6- tài liệu Huyện ủy.

¹ Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu lần 16 của Huyện ủy Đồng Hỷ ngày 20-9-1982- tr.10- Tài liệu Huyện ủy

² Chuyển giao 15 chi bộ vững mạnh trong tổng số 18 đơn vị chuyển đi. Nhận về 13 cơ sở, chỉ có 3 đơn vị vững mạnh”. Báo cáo công tác năm 1985 của Huyện ủy Đồng Hỷ - tr.4- tài liệu Huyện ủy.

định nơi ở và làm việc, nhanh chóng xây dựng, kiện toàn công tác tổ chức và củng cố cơ sở Đảng. Đảng bộ tập trung chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 1985. Tính đến ngày 31-12-1985, toàn Đảng bộ có 2440/2570 đảng viên được nhận thẻ. Qua phân loại, có 21 chi, đảng bộ vững mạnh (chiếm 41,1%), 25 chi bộ khá (chiếm 51%). Đảng bộ cũng lựa chọn được 6 đảng bộ cơ sở: Thị trấn Trại Cau, Nông Trường Sông Cầu, Huống Thượng, Cao Ngạn, Lâm trường Đồng Hỷ, Nam Hòa, đề nghị Tỉnh ủy công nhận “Đảng bộ vững mạnh” năm 1985¹.

Công tác xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ, cuộc bầu cử HĐND các cấp (tháng 4-1981) thu được kết quả tốt đẹp. 55 đại biểu xứng đáng được bầu vào Hội đồng nhân dân huyện và hơn 600 đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã². Bộ máy chính quyền từ huyện đến xã được củng cố, kiện toàn theo phương châm trẻ hóa đội ngũ và có đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn tới.

Hàng năm Huyện ủy và chính quyền các cấp cử cán bộ đi học để tạo nguồn và nâng cao trình độ trong công tác quản lý. Từ năm 1982 trở đi, 100% cán bộ trưởng phó phòng ban được cử đi học tại chức lớp lý luận trung cấp tại trường Đảng tỉnh và Trường kinh tế kế hoạch: 20/25 đồng chí Chủ tịch và Phó chủ tịch UBHC xã đi học Trường hành chính tỉnh³.

Sau cuộc bầu cử HĐND năm 1984, Đảng bộ Đồng Hỷ đã mạnh dạn bố trí lại đội ngũ cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ công tác và theo luật định⁴.

¹ Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 1985 của Huyện ủy Đồng Hỷ - tr.7- tài liệu lưu BNCLSD tỉnh Bắc Thái.

² Báo cáo của Huyện ủy Đồng Hỷ trước ĐHĐB L16 ngày 20-9-1982-tr.7- tài liệu Huyện ủy

³ Báo cáo “Kiểm điểm những mặt mạnh, yếu sau 3 năm nhận cờ vững mạnh”-tr.4 -tài liệu Huyện ủy.

⁴ Năm 1984, Huyện đã bố trí và sắp xếp lại tổ chức

+ Chính quyền xã:

- Thay 8/25 đồng chí chủ tịch xã
- Thay 16/25 đồng chí phó chủ tịch, trưởng công an
- Thay 13/25 đồng chí xã đội trưởng.
- Thay 17/25 đồng chí ủy viên thư ký.

+ Chính quyền huyện:

- Thay 3 đồng chí phó chủ tịch và 1 ủy viên thư ký.
- Đề bạt và bổ nhiệm 10 cán bộ giữ các chức trưởng phó phòng ban.

Theo báo cáo chính trị của huyện Đảng bộ Đồng Hỷ khóa 16 (nhiệm kỳ 1983-1985)-tr.11,12 - tài liệu Huyện ủy.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ và sự giúp đỡ của chính quyền các cấp, Đoàn thanh niên huyện Đồng Hỷ đã tích cực hoạt động trên mọi lĩnh vực. Trong sản xuất nông nghiệp, Đoàn phát động các phong trào làm phân xanh, làm ruộng tăng sản, kết hợp với HTX lập các đội chuyên về giống và kỹ thuật. Đặc biệt Đoàn là lực lượng nòng cốt trong xây dựng các công trình thủy lợi, là mũi nhọn xung kích trên các tuyến kênh mương hồ Núi Cốc. Ngoài ra, cùng chính quyền cơ sở, Đoàn thanh niên tổ chức sửa chữa và làm mới nhiều công trình như đường sá, trường trạm, áo cá Bác Hồ...tại các xã: Tân Cương, Tân Quang, Tích Lương và Hóa Thượng v.v...Đoàn viên thanh niên các dân tộc trong huyện hăng hái xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, sẵn sàng nhập ngũ làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Là cánh tay đắc lực của Đảng, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đồng Hỷ ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đoàn thường xuyên làm nòng cốt giáo dục hơn 25000 thanh thiếu niên nhi đồng, phối hợp cùng nhà trường, đoàn thể và gia đình, giáo dục các em trở thành con ngoan, trò giỏi, chăm học, chăm làm. Nhờ đó, hàng năm huyện có nhiều Liên, Chi đội mạnh, nhiều học sinh đạt danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ”.

Đảng bộ Đồng Hỷ cũng luôn quan tâm đến phong trào của Hội phụ nữ, tạo điều kiện cho chị em phát huy vai trò to lớn trong sản xuất, và công tác xã hội. Hội phụ nữ thường xuyên tổ chức cho chị em nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, của Hội, từ đó đẩy lên phong trào thi đua chăn nuôi, sản xuất. Trong phong trào, xuất hiện nhiều bà, nhiều chị không những chăn nuôi, sản xuất giỏi, mà còn gương mẫu trong khoán sản phẩm, tích cực vận động chồng con, em tham gia xây dựng quân đội, hăng hái thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Với những thành tích đạt được, năm 1980, Hội phụ nữ huyện được xếp loại khá của tỉnh. Nhiều cơ sở của Hội được khen thưởng. Toàn huyện đã lựa chọn được 7.926 chị đạt danh hiệu: “Người phụ nữ mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹

¹ Báo cáo tại ĐHĐB Đảng bộ Đồng Hỷ lần 16 - tr.11 - tài liệu Huyện ủy.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc huyện động viên mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết, thực hiện các chính sách và pháp luật Nhà nước. Mặt trận đã động viên con cháu tham gia nghĩa vụ quân sự, thăm hỏi gia đình thương binh liệt sĩ, quy tập một liệt sĩ v.v...Đồng thời, Mặt trận còn phối hợp với một số ngành giáo dục nhân dân và đồng bào giáo dân kính chúa, yêu nước, bài trừ các tệ nạn xã hội. Trong công tác bầu cử, mặt trận đã đứng ra giới thiệu người có đức, có tài ra ứng cử, vận động cử tri tham gia bầu cử đông đủ và đúng pháp luật.

Năm 1985, dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nhưng Mặt trận Tổ quốc đã vận động nhân dân các dân tộc trong huyện quyên góp được 8.589 đồng và 1610 kg thóc để ủng hộ đồng bào biên giới và vùng bị bão lụt, vận động gửi tiết kiệm và xây dựng và quỹ bảo thọ toàn huyện 78.000 đồng¹.

Hội nông dân và công đoàn huyện là những tổ chức quần chúng mới được thành lập, nhưng nhanh chóng đi vào hoạt động. Hai tổ chức này động viên giai cấp nông dân tập thể và công nhân viên chức phát huy vai trò làm chủ trong sản xuất và công tác.

Việc tăng cường khả năng quốc phòng, xây dựng hệ thống phòng thủ là một vấn đề vô cùng quan trọng, có tính chất sống còn trong việc bảo vệ và xây dựng CNXH, sẵn sàng chống lại các kiểu chiến tranh phá hoại của các thế lực thù địch.

Từ nhận thức ấy, Đảng bộ và chính quyền thường xuyên lãnh đạo và củng cố và lực lượng vũ trang địa phương nói riêng, xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân nói chung.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ cơ quan quân sự huyện đã tổ chức lực lượng vũ trang trong toàn huyện, có bộ phận chuyên môn, có đơn vị cơ động trong chiến đấu. Tại mỗi cơ sở đều được biên chế thành hai bộ phận chính. Một bộ phận chiến đấu và một bộ phận phục vụ chiến đấu. Ngoài hai bộ phận trên, còn

¹ Báo cáo công tác năm 1985 của Huyện ủy Đồng Hỷ - tr.6- tài liệu Huyện ủy.

biên chế các bộ phận sẵn sàng bổ sung cho quân đội như: Bộ phận dự bị động viên, bộ phận sẵn sàng nhập ngũ.

Để nâng cao chất lượng và hiệu suất công tác của lực lượng vũ trang địa phương, làm cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao, có trình độ kỹ thuật tốt, đủ sức bảo vệ Đảng và chính quyền, cơ quan quân sự huyện đã nắm chắc tình hình cơ sở, xây dựng kế hoạch và đôn đốc các đơn vị huấn luyện Nhờ sự chỉ đạo sát sao, chặt chẽ của Huyện ủy và hoạt động tích cực của cơ quan quân sự huyện, nên công tác huấn luyện thường xuyên duy trì tốt. Từ năm 1978, 100% số xã trong toàn huyện tổ chức huấn luyện, đạt chất lượng khá ¹.

Trong thời kỳ chống chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Bắc (2-1979), Đảng bộ huyện Đồng Hỷ đã khẩn trương thành lập hai tiểu đoàn dân quân, du kích. Sau khi thành lập, hai tiểu đoàn, đã lên đường với khí thế phấn khởi, sẵn sàng chi viện cho tuyến trước và quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Song song với việc huy động sức người trực tiếp tham gia đánh trả quân xâm lược, Đảng bộ và Ủy ban nhân dân Đồng Hỷ còn ra sức kêu gọi, vận động nhân dân các dân tộc huyện nhà quyên góp tiền bạc, quần áo, lương thực ủng hộ đồng bào biên giới phía Bắc. Tính đến ngày 15-5-1979, huyện Đồng Hỷ ủng hộ đồng bào tỉnh Cao Bằng với số tiền 26.575đ25 và 6.928 mét phiếu vải ². Ngoài ra nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ còn tiếp nhận đồng bào sơ tán, chia sẻ từ cái bát ăn cơm đến căn nhà, ruộng vườn, nương rẫy...tạo điều kiện cho đồng bào sớm ổn định cuộc sống và đi vào sản xuất. Sự giúp đỡ vô tư và đầy tình nghĩa của nhân dân Đồng Hỷ đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong đồng bào. Sau khi cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc kết thúc, nhiều gia đình đi sơ tán đã quyết định ở lại Đồng Hỷ làm quê hương để sinh sống và lập nghiệp.

Thực hiện khẩu hiệu “quân với dân một ý chí”, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân thường xuyên giáo dục nhân dân địa phương có ý thức đoàn kết và giúp đỡ

¹ Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương huyện Đồng Hỷ 1978-1983 của BCH QS huyện - tr.4- tài liệu Huyện ủy.

² Báo cáo số liệu kết thúc cuộc vận động ủng hộ tỉnh Cao Bằng của Huyện Đồng Hỷ ngày 15-5-1979 - tr.1- tài liệu Huyện ủy.

các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn huyện. Huyện đã mở những hội nghị chuyên đề về tình đoàn kết quân dân, chỉ đạo các cơ sở tổ chức kết nghĩa với các đơn vị bộ đội, tiêu biểu là các xã: Khe Mo, Văn Hán, Nam Hòa v.v... Qua hoạt động kết nghĩa, tình đoàn kết quân dân ngày càng gắn bó và đậm nét.

Việc chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước đề ra trong công tác tuyển quân được thực hiện nghiêm túc và đúng luật. Nhờ vậy, từ những năm 1980 trở đi, công tác tuyển quân của huyện Đồng Hỷ luôn đạt và vượt kế hoạch (năm 1981 chỉ tiêu giao 270 người, huyện động viên được 275 người nhập ngũ). Với những thành tích đó, huyện Đồng Hỷ đã được phân công nhận là đơn vị khá trong công tác tuyển quân. Truyền thống xây dựng lực lượng vũ trang địa phương không những được giữ vững mà ngày càng phát huy cao độ. Đến năm 1983, toàn huyện đã có 36 đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, ở cấp xã, 27 cơ sở tự vệ, 5 trung đội và nhiều đơn vị, cá nhân được tặng bằng khen, giấy khen¹.

Những thành tựu đạt được về các mặt trong những năm 1975-1985 đã tạo cơ sở vững chắc cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ bước sang thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới.

¹ Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương huyện Đồng Hỷ 1978 -1983 của BCH QS huyện Đồng Hỷ - tr.7, tài liệu Huyện ủy.

CHƯƠNG VII

ĐẢNG BỘ ĐỒNG HỖ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 – 1995)

I- THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

Đại hội toàn quốc lần VI của Đảng họp tháng 12-1986 đã kiểm điểm đánh giá tình hình kinh tế - xã hội đất nước ta sau 10 năm thống nhất và đặc biệt trong 5 năm (1981-1985). Đại hội khẳng định: “Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần V của Đảng vạch ra, nhân dân ta đã anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại đã đạt được thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹.

Đại hội cũng chỉ ra tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang có nhiều khó khăn: Sản xuất tăng chậm, hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp, tài nguyên đất nước chưa được khai thác tốt, lưu thông phân phối không thông suốt, rối ren, vật giá tăng nhanh, mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn...

Căn cứ vào tình hình thực tế đó, Đại hội xác định 5 mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho giai đoạn 1986-1990 và những năm tiếp theo:

- 1- Sản xuất đủ tiêu dùng và hướng tới có tích lũy.
- 2- Bước đầu xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.
- 3- Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- 4- Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.
- 5- Đảm bảo nhu cầu củng cố về quốc phòng và an ninh.

Tư tưởng chỉ đạo của Đại hội về kế hoạch và các chính sách kinh tế của đất nước trong thời kỳ này là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đại hội cho rằng:

¹ Trích báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Muốn đưa đất nước thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu kinh tế hợp lý và những năm trước mắt tập trung sức thực hiện cho được 3 chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Tính cấp bách về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu quyết định vị trí hàng đầu của nông nghiệp.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V (họp từ ngày 21 đến ngày 25-10-1986) quyết nghị: “Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, thực sự đưa nông nghiệp lên mặt trận hàng đầu, sản xuất lương thực, thực phẩm là mục tiêu số 1” của tỉnh trong những năm 1986 - 1990.

Là một huyện trung du và miền núi, Đồng Hỷ có rất nhiều khó khăn. Từ ngày 1-7-1985, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, địa giới hành chính của huyện thay đổi, nhiều xã có phong trào khá, sản xuất và đời sống nhân dân tương đối ổn định đã chuyển giao cho các đơn vị khác. Đồng thời, huyện tiếp nhận một số xã miền núi của huyện bạn đang có nhiều khó khăn về các mặt. Thêm vào đó, cả cơ quan quan lãnh đạo của huyện (Huyện ủy, Ủy ban...) lại phải di chuyển đến cơ sở mới đòi hỏi phải có thời gian để ổn định nơi ở và làm việc.

Từ ngày 19 đến ngày 21-8-1986, Đảng bộ Đồng Hỷ tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt, bao gồm các đồng chí Huyện ủy viên, trưởng, phó phòng, ban, các đoàn thể quần chúng, Bí thư các Đảng bộ trực thuộc và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, thảo luận đóng góp ý kiến vào dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ VI và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V.

Từ thực tiễn phong trào cách mạng ở địa phương, Hội nghị cán bộ của huyện đã đóng góp ý kiến và nêu lên nhiều kiến nghị để Đại hội toàn quốc của Đảng và Đại hội tỉnh Đảng bộ xem xét và quyết định. Đồng thời, Hội nghị cũng

nêu rõ trách nhiệm của Đảng bộ trong việc động viên toàn dân thực hiện những quyết định, những nhiệm vụ do Đại hội đề ra.

Trong quá trình thảo luận dự thảo báo cáo chính trị cũng như sau này quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ Đồng Hỷ xác định cơ cấu kinh tế của huyện là nông - lâm - công nghiệp, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa lúa và hoa màu, cây lương thực và cây công nghiệp. Trong một số năm trước mắt, tính từ năm 1986, tất cả các hợp tác xã, các xã tập trung sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, coi sản xuất lương thực, thực phẩm là trọng tâm của sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đủ ăn cho dân trong huyện và hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước. Sản xuất lương thực, thực phẩm trở thành trọng điểm trong công tác lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp trong huyện.

Theo tinh thần trên, Huyện ủy chủ trương ngay từ vụ sản xuất đông xuân 1985-1986, nông nghiệp phải được ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, tiền vốn, vật tư... Đồng Hỷ có khoảng 49.714 ha đất tự nhiên, trong đó đất nông nghiệp chỉ có 5000 ha, còn lại là 8592 ha đất rừng và 20987 ha đất có khả năng lâm nghiệp. Xuất phát từ thực tế đó, Huyện ủy chủ trương dành ưu tiên cho sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng thâm canh, tăng vụ, đồng thời chủ trương phát triển cây công nghiệp, đặc biệt là cây công nghiệp ngắn ngày như mía, lạc và cây ăn quả để tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, mở rộng diện tích các loại cây công nghiệp dài ngày như: chè, cây lấy gỗ.

Đảng bộ chủ trương bảo vệ và sử dụng có hiệu quả vốn rừng hiện có, tìm mọi biện pháp tăng thêm vốn rừng, đẩy mạnh nhịp độ phủ xanh đất trống, đòi trợ theo phương hướng nông - lâm kết hợp, mạnh dạn giao đất, giao rừng cho các đơn vị tập thể (trước hết là Lâm trường Đồng Hỷ, các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn) và nhân dân quản lý kinh doanh...

Nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, ngoài việc ưu tiên đầu tư, Huyện ủy chủ trương hoàn thiện khoán sản phẩm, phát huy động lực của hình thức

quản lý mới, xóa bỏ bao cấp và “khoán trắng” trong các hợp tác xã, có cơ chế khuyến khích người lao động, để họ phấn khởi, yên tâm sản xuất.

Trong hai năm (1987-1988), huyện quyết định đưa 25% diện tích làm mùa sớm, sau đó trồng ngô và khoai vụ đông, đồng thời trích ngân sách 5 triệu đồng (giá trị tiền năm 1985) để bù giá thuốc trừ sâu và phân bón xây dựng một số công trình thủy lợi vừa và nhỏ, mở rộng diện tích cho vụ đông. Nhờ thế năm 1988, tổng sản lượng lương thực của huyện đạt 21.297 tấn, vượt 5,4% so với mục tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 17 (họp tháng 8-1986) đề ra, bình quân nhân khẩu đạt 224kg. Kết quả đó đã tạo được tiền đề cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện trong những năm tiếp theo.

Huyện Đông Hỷ không có những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô lớn, không có làng nghề truyền thống, chỉ có một số xí nghiệp chế biến gỗ, làm hàng gia dụng. Tuy nhiên, huyện có hàng trăm hộ hàng ngàn lao động làm nghề đan lát, may mặc và sản xuất các mặt hàng tiêu dùng khác chiếm trên 20% tỷ trọng nền kinh tế quốc dân ở địa phương. Căn cứ vào đặc điểm ấy, từ năm 1987 trở đi, Huyện ủy có nhiều chủ trương khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế đầu tư vốn mở rộng sản xuất tiểu thủ công nghiệp, miễn hoặc giảm thuế cho các mặt hàng phục vụ tiêu dùng ở địa phương. Tiếp tục chủ trương này Đại hội Đảng bộ lần thứ 18 (1-1989) và lần thứ 19 (1991) trong khi nhấn mạnh vị trí hàng đầu của mặt trận nông nghiệp, coi trọng chỉ đạo sản xuất lương thực, thực phẩm, nông sản xuất khẩu, phát triển nông nghiệp trên cả 3 mặt: diện tích, năng suất và tổng sản lượng, đã nêu rõ mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, tôn trọng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Cùng với chủ trương đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ Đông Hỷ có kế hoạch phát triển giáo dục, y tế trong thời gian 5 năm (1986-1990). Theo kế hoạch này, đến năm 1990, toàn huyện có 70% trường, lớp được “ngôi hóa”, nâng cao chất lượng giáo dục, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, xóa bỏ nạn mù chữ cho những người trong độ tuổi, nhất là ở những xã miền núi và vùng cao. Một trong những biện pháp để đạt được những mục tiêu trên là phải

thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên. Ngoài chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện có chế độ khuyến khích, ưu đãi những giáo viên ở vùng cao, miền núi và những giáo viên dạy giỏi. Đại hội đại biểu huyện Đảng bộ lần thứ 19 (1991), đặc biệt nhấn mạnh vấn đề ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng xuống cấp trong giáo dục và y tế.

Đảng bộ Đồng Hỷ xác định trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân là nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện xuống đến cơ sở và của mọi người dân. Trong điều kiện kinh tế của những năm 1986-1990 còn khó khăn, Đảng bộ chủ trương mở rộng và nâng cao chất lượng của trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã, thị trấn, coi trọng công tác phòng bệnh, kết hợp giữa tây y và đông y, khuyến khích phương pháp chữa bệnh bằng y học dân tộc cổ truyền, đẩy mạnh trồng và sử dụng các loại cây thuốc nam ở tất cả các cơ sở y tế và vườn dân trong toàn huyện. Đảng bộ coi trọng việc vận động kế hoạch hóa gia đình, hạ tỷ lệ tăng dân số của huyện đến năm 1990 xuống còn 1,75%.

Quán triệt nghị quyết 03 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và qua thực tế lãnh đạo nhân dân trong huyện đấu tranh chống lại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, Đảng bộ Đồng Hỷ coi việc củng cố quốc phòng, tăng cường lực lượng, giữ vững an ninh chính trị an toàn xã hội là điều kiện đảm bảo cho kinh tế của huyện nhà phát triển. Trong giai đoạn tới, trên cơ sở kinh tế ổn định, Huyện ủy chủ trương cải thiện từng bước đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần cho lực lượng vũ trang và nửa vũ trang trong huyện; đồng thời tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang. Các ban chỉ huy xã đội, ban công an xã phải có cấp ủy Đảng phụ trách. Những đơn vị dân quân cơ động mạnh phải do đảng viên chỉ huy. Đảng bộ chủ trương tăng cường giáo dục công dân ý thức quốc phòng an ninh, phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ chống tiêu cực, chống tệ nạn xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

Những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh do Đại hội Đảng bộ lần thứ 19 đề ra cho toàn Đảng, toàn dân trong huyện là rộng lớn, lại phải tổ chức thực hiện trong điều kiện đất nước có nhiều khó khăn, đòi hỏi tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng từ Huyện ủy xuống đến từng chi bộ.

Đảng bộ Đồng Hỷ là một Đảng bộ có truyền thống đoàn kết, nhất trí. Lúc cách mạng phát triển thuận lợi cũng như lúc gặp khó khăn, Đảng bộ luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Đây là nguyên nhân cơ bản đem lại thắng lợi của nhân dân Đồng Hỷ.

Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách của công cuộc đổi mới, Đảng bộ còn có những lúng túng, nhất là trong việc tập trung trí tuệ của Đảng để giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội ở địa phương. Để bảo đảm cho Đảng bộ làm tròn vai trò lãnh đạo của mình trong giai đoạn cách mạng mới, vấn đề quan trọng nhất là tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức và hoạt động thực tiễn của Đảng bộ.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 17, 18 và sau đó là nghị quyết của Huyện ủy các khóa đều nhấn mạnh: Mọi tổ chức, mọi đảng viên trong Đảng bộ phải chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, của đảng viên, đổi mới độ ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã, hợp tác xã, kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng từ huyện đến cơ sở, đổi mới phong cách làm việc của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân và các ngành chuyên môn, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 17, 18 và 19 cùng với chủ trương tổ chức lại sản xuất là một trong những nhân tố cơ bản, có ý nghĩa quyết định đối với sự chuyển biến đi lên về kinh tế, xã hội ở địa phương.

II – NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ 5 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 17, tiếp thu quan điểm đổi mới toàn diện của Đảng, vượt lên mọi khó khăn, Đảng bộ Đồng Hỷ tập trung lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, từng bước tạo ra những chuyển biến đáng kể trong đời sống - kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Về nông nghiệp: Sau khi triển khai nghị quyết 10 của Bộ chính trị, Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy Bắc Thái và Nghị quyết 02 của Huyện ủy về việc đổi mới công tác quản lý kinh tế trong nông nghiệp, các hợp tác xã trong toàn huyện tích cực động viên, khuyến khích xã viên tận dụng đất đai để sản xuất, thâm canh tăng vụ lúa, màu, cây công nghiệp, nâng cao hiệu suất lao động, khắc phục những khó khăn do thiên tai gây ra. Đặc biệt, từ năm 1992, cơ chế quản lý kinh tế có nhiều thay đổi, doanh nghiệp tư nhân đã hình thành theo cơ chế thị trường, phát triển cùng với các thành phần kinh tế khác.

Thời kỳ cuối những năm 80, do cơ cấu kinh tế chậm quy hoạch việc tổ chức thực hiện khoán mới chưa thống nhất và đồng bộ trong xã viên và nông dân đã nảy sinh tranh chấp ruộng đất, đòi ruộng “ông cha” ở nhiều địa phương, nhất là ở những xã miền núi: Quang Sơn, Tân Long, Minh Lập, Văn Hán, Hóa Trung, Linh Sơn, Tân Lợi. Hiện tượng này làm cho sản xuất bất ổn định, diện tích bị bỏ hoang, đời sống xã viên thêm khó khăn.

Trước tình hình đó, ngày 8-7-1988, Thường vụ Huyện ủy đã triệu tập hội nghị gồm các ngành: nội chính, nông nghiệp, hội nông dân bàn biện pháp khắc phục, trước mắt nhằm giữ vững sản xuất, tạo đà cho việc sửa khoán theo nghị quyết 10 của Bộ chính trị. Lãnh đạo huyện và xã trực tiếp xuống cơ sở để giải quyết các vụ tranh chấp ruộng đất, vừa giải thích, thuyết phục quần chúng, vừa

xử lý kỷ luật những cán bộ, đảng viên vi phạm, ngăn chặn những hành động quá khích.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990), Đồng Hỷ đã hoàn thành quy hoạch tổng thể phân vùng kinh tế, xác định kế hoạch đầu tư cho sản xuất phát triển, đồng thời tập trung sức xây dựng những công trình phúc lợi như: trường học, bệnh viện, trạm xá...

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp bộ Đảng, trong quá trình thực hiện khoán 10 theo chỉ thị của Trung ương đã thu nhiều thắng lợi, đến năm 1995, trong 78 hợp tác xã toàn huyện thì có 11 hợp tác xã có phong trào khá (bằng 14%), 36 hợp tác xã trung bình (bằng 46,1%), 19 hợp tác xã yếu (bằng 24,3%), và 12 hợp tác xã trên thực tế không còn là hợp tác xã (bằng 15,3%).

Xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, Đảng bộ chú trọng tạo mọi điều kiện về vật tư, vốn, đổi mới giống để phát triển. Nghị quyết Đại hội 19 của huyện đã quyết định thay 30% giống hàng năm bằng các loại giống mới có năng suất cao, xóa bỏ giống cấp III, loại dần giống cấp II, đưa giống lúa cấp I, giống nguyên chủng vào gieo trồng. Đồng thời, áp dụng một số biện pháp chuyển đổi mùa vụ, các chương trình khuyến nông, tổ chức tập huấn kỹ thuật. Năm 1995, huyện mở được 122 lớp tập huấn kỹ thuật cơ sở, cho trên 3000 lượt người tham dự, mở 18 cuộc hội thảo chuyên đề kỹ thuật, hướng dẫn nông dân thực hiện 140 ô mẫu về trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất tăng vụ... Nhờ đó, Đồng Hỷ đã chuyển 385 ha đất bỏ hóa một vụ ở các xã miền núi sang trồng cây màu có giá trị kinh tế như ngô, đỗ tương. Nông nghiệp của huyện phát triển ngày một hoàn thiện theo hướng vừa chuyên canh vừa kinh doanh tổng hợp. Sản lượng lương thực ngày một tăng. Năm 1995 đạt sấp xỉ 22.000 tấn (kế hoạch là 20,5 ngàn tấn), bình quân đầu người từ 142 kg lương thực/ 1 người (năm 1986) tăng lên 290 kg/1 người (năm 1995).

Từ thành tích đạt được và những mặt tồn tại trong thời gian trước, hội nghị giữa nhiệm kỳ (khóa 19) Đảng bộ Đồng Hỷ khẳng định: “Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển dịch mùa vụ, phù hợp với từng

vùng kinh tế, đảm bảo tính hợp lý và lâu dài để đạt mục tiêu quay nhiều vòng trên một diện tích, chống thuần nông độc canh, tận hậu về kỹ thuật, sản xuất tiếp cận thị trường đạt giá trị ngày càng cao trong sản xuất nông nghiệp”.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, thực hiện chủ trương của Đảng, huyện đã mở rộng diện cho vay vốn và dùng vốn cho vay để định hướng phát triển sản xuất, chỉ đạo các khâu yếu trong sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Năm 1993, số hộ nông dân được vay vốn tăng 2,9 lần so với năm 1992, năng suất lúa đạt 31,5 tạ/ha (bằng 105% kế hoạch)¹.

Cùng với chủ trương mở rộng diện cho nông dân vay vốn sản xuất, Đồng Hỷ đã từng bước tiếp cận và hòa nhập nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo, đưa các giống lúa mới vào gieo trồng thí điểm đạt 45- 50 tạ/ha.

Ngoài cây lúa, các loại cây trồng khác như chè, lạc...cũng được chú ý đầu tư phát triển. Năm 1985, diện tích trồng chè của huyện Đồng Hỷ chỉ có 120ha, đến năm 1995 đã mở rộng tới 679,6 ha, nếu cộng cả diện tích trồng chè của Nhà nước trên địa bàn thì Đồng Hỷ có tới 1215,2ha. Những năm trước, khâu chế biến chủ yếu theo kinh nghiệm truyền thống nên chất lượng thấp, sản phẩm chè đen chủ yếu xuất khẩu sang Liên Xô (cũ), còn lại tiêu thụ nội địa. Đời sống công nhân không ổn định. Từ năm 1994, xí nghiệp chè Sông Cầu đã liên doanh sản xuất và tiêu thụ chè xanh cho Nhật Bản nên bước đầu tiếp thu được phương thức làm ăn mới, cùng với những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại. Nhờ đó, mức sống của công nhân được nâng cao dần, đồng thời tăng thêm nguồn thu nhập cho ngân sách địa phương.

Ở các hộ gia đình, cây chè đã trở thành một nguồn thu quan trọng. Diện tích trồng chè không ngừng tăng lên, nhiều gia đình có tới vài ha, thu nhập từ cây chè đã góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

¹ Báo cáo kiểm điểm 2 năm thực hiện NQ Đại hội ĐB huyện lần thứ 19 và những định hướng công tác để tiếp tục thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến năm 1995 (HUĐH 19-4-1994) –tr.2...

Ngành chăn nuôi giữ vững nhịp độ phát triển. Năm 1995, đàn trâu của Đồng Hỷ có 17.055 con (đạt 95% kế hoạch), đàn bò 1401 con (đạt 140% kế hoạch); đàn lợn 32.374 con (đạt 101% kế hoạch)². Trong đó, lợn ngoại và lợn hướng nạc tăng nhanh.

Công tác thú y, phòng dịch cho gia súc cũng được quan tâm đúng mức. Huyện thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh không để xảy ra dịch bệnh lớn. Riêng năm 1995, huyện đã tổ chức tiêm phòng dịch cho 7450 con trâu, bò, 8200 con lợn...sau trận lụt tháng 8-1995, được chi cục thú y tỉnh cung ứng thuốc và phương tiện, trạm thú y của huyện tổ chức tiêm phòng kịp thời cho đàn gia súc ở các thị trấn và một số xã. Huyện còn mở rộng các đại lý bán thức ăn gia súc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi của nhân dân địa phương.

Trải qua 10 năm (1986-1995) thực hiện công cuộc đổi mới theo quan điểm của Đảng, trên mặt trận nông nghiệp Đồng Hỷ đã thu được nhiều thắng lợi. Sản xuất dần dần ổn định, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên. Điều đó khẳng định quyết tâm phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp của huyện còn tồn tại nhiều vấn đề cần khắc phục. Cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Diện tích được tưới, tiêu nước hàng năm tuy có tăng, song chưa đáp ứng đầy đủ. Nhiều sản phẩm là thế mạnh của địa phương, nhưng chưa có thị trường tiêu thụ. Diện tích ruộng canh tác 1 vụ vẫn còn khá nhiều, chưa tạo được vùng thâm canh rộng về cây trồng và vật nuôi phù hợp với từng vùng, từng địa phương....

Đồng Hỷ có 25.939 ha đất rừng do lâm nghiệp quản lý. Những năm đầu thập kỷ 80, diện tích đất đồi ở đây phần lớn bị bỏ hoang, phần còn lại do nông dân tự gieo trồng các loại cây nông, công nghiệp. Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, Đồng Hỷ đã xây dựng nội quy làm vườn rừng, hướng dẫn trồng rừng trong nhân dân, định lại quy mô lâm trường trên cơ sở hiệu quả kinh tế. Song, do thiếu vốn nên không tạo ra được phong trào trồng rừng với tốc độ nhanh. Từ

² Báo cáo của UBND huyện V/v đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 1995 tại kỳ họp thứ 4 - HĐND huyện khóa 15 - UBND huyện 30-12-1995-tr.2.

khi có dự án PAM -3352 (6-1989), với mục tiêu: Tăng diện tích rừng và giảm nhẹ sự thiếu thốn về củi, gỗ, bảo vệ độ phì nhiêu của đất nông nghiệp vùng đồng ruộng, tăng năng suất cây trồng, giảm sói mòn đất, khuyến khích thái độ canh tác đúng đắn ở nông thôn nhằm gây trồng và quản lý rừng có hiệu quả, đã mở cho Đồng Hỷ hướng đi và khả năng phát triển kinh tế đồi rừng.

Thực hiện chương trình PAM - 3352, Đồng Hỷ chủ động chuẩn bị tốt các điều kiện cho sản xuất, tập trung chỉ đạo hiệu hành các đơn vị, các chủ dự án và có kế hoạch, biện pháp tích cực trong việc thay đổi cơ cấu giống cây trồng. Thực hiện dự án kinh tế vườn đồi, Đồng Hỷ đã phát triển hàng trăm mô hình VAC.

Tháng 9 -1992, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) lại ra Quyết định 327CP về 1 số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng đồi núi trọc... Quán triệt chủ trương này, dựa vào các văn bản hướng dẫn của sở lâm nghiệp, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, Đồng Hỷ đã lập dự án nông - lâm - công nghiệp, được Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lâm nghiệp thẩm định phê duyệt (1993). Đến 1995, Đồng Hỷ đã hoàn thành việc giao đất giao rừng cho 4053 hộ, với 12.200 ha. Tổng số rừng được trồng đến năm 1995 là 23.700 ha. Công tác khai thác và trồng rừng mới được thực hiện đúng quy định. Khu vực quốc doanh 1 mặt khai thác gỗ phục vụ kế hoạch do Nhà nước giao, 1 mặt trồng mới hàng ngàn ha rừng, tạo ra một khả năng khai thác ổn định cho nhiều năm sau. Dự án 327 cũng đã được triển khai nhanh ngay từ những ngày đầu. Năm 1994 triển khai trong 4 xã, trồng được 465,19 ha rừng, xây dựng 54 ha vườn hộ gia đình. Nhiều hộ ở các xã Văn Hán, Văn Lăng, Hợp Tiến có hàng vạn cây mỡ, bạch đàn, tre mai...

Thực hiện bảo vệ rừng có hiệu quả, các ngành kiểm lâm, công an, đội quản lý thị trường có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời nạn chặt phá rừng bừa bãi. Năm 1995, huyện đã phát hiện 223 vụ vi phạm lâm luật phá rừng làm nương rẫy, khai thác vận chuyển gỗ trái phép, một số tụ điểm phá rừng khai thác vận chuyển gỗ bừa bãi nghiêm trọng

ở khu vực bãi vàng xã Hợp Tiến, đã được các ngành chức năng của tỉnh phối hợp với huyện tổ chức kiểm tra ngăn chặn và xử lý nghiêm minh.

Nét nổi bật trong lâm nghiệp những năm qua là tạo ra nhiều điển hình về kinh tế và diện tích cây ăn quả, cây đặc sản địa phương. Các loại cây vải thiều, na dai, hồng không hạt... đã và đang được trồng phổ biến, cho thu nhập. Nhiều hộ làm giàu nhanh chóng từ nguồn thu này.

Trên cơ sở những tiến bộ đạt được, huyện thường xuyên phát động phong trào thi đua sản xuất nông - lâm nghiệp giỏi nhằm động viên tinh thần thi đua sản xuất trong nông dân, tạo ra nhiều giá trị kinh tế phục vụ đời sống góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện. Phong trào này đã được đông đảo nông dân sôi nổi hưởng ứng. Năm 1990, số hộ nông dân sản xuất giỏi chỉ có thu nhập bình quân một hộ từ 2-3 triệu đồng/năm. Đến năm 1995, các hộ sản xuất giỏi hàng năm thu nhập 5-6 triệu đồng, điển hình có gia đình đã trồng cây ăn quả, trồng chè và nuôi cá thu lãi 37.925.000 đồng/năm, bình quân một khẩu trên 7.585.000 đồng¹.

Bước vào thực hiện cơ chế thị trường, xóa bỏ chế độ bao cấp, ngành thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở Đồng Hỷ được các cấp bộ Đảng quan tâm, đã nhanh chóng chuyển đổi theo cơ chế mới, vừa tiếp tục đầu tư chiều sâu vừa mở rộng sản xuất. Công nghiệp quốc doanh được giữ vững và phát triển, chất lượng sản phẩm tiến bộ hơn, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng trên thị trường.

Những năm đầu thực hiện đổi mới, chuyển đổi cơ cấu, hầu hết các cơ sở đều gặp khó khăn, mà khó khăn lớn nhất là thiếu vốn, chưa định hướng được sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý cồng kềnh, nguyên liệu thiếu. Lực lượng sản xuất phát triển chậm cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 1991, Đồng Hỷ có 5 hợp tác xã, 10 tổ sản xuất, 150 hộ gia đình sản xuất kinh doanh thì chỉ có 1 hợp tác xã Cờ Hồng hoạt động mang lại hiệu quả. Tổng giá trị sản lượng

¹ Báo cáo tổng kết phong trào thi đua sản xuất nông - lâm nghiệp giỏi năm 1995 - 1996 - UBND huyện 4-1996-tr.2.

năm 1991 đạt 4,4 tỷ đồng (toàn tỉnh Bắc Thái năm đó mới đạt 18,2 tỷ), không tương xứng với sự phát triển đô thị và nhu cầu việc làm của người lao động...

Với tư tưởng chỉ đạo giữ vững sản xuất, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động, Đồng Hỷ đã tranh thủ nguồn vốn của trên và một phần ngân sách địa phương để tăng cường cơ sở vật chất, bước đầu phát huy tác dụng. Một số tổ hợp sản xuất tư nhân, các ngành nghề có tính truyền thống như: Mộc dân dụng, khai thác đá, cát sỏi, sản xuất vôi, gạch... vẫn được duy trì, đáp ứng được nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân trong huyện.

Từ năm 1991 đến nay, nền kinh tế hàng hóa phát triển, cơ chế thị trường tác động mạnh đến sản xuất và tiêu dùng. Nhiều cơ sở dịch vụ mọc lên: sửa chữa cơ khí, cung cấp trang thiết bị nội thất, vật liệu xây dựng... riêng thị trấn Chùa Hang đã có 350 hộ đăng ký kinh doanh lớn, nhỏ, 6 doanh nghiệp tư nhân, 1 công ty trách nhiệm hữu hạn (gấp gần 20 lần số hộ kinh doanh năm 1985)¹. Mặt hàng buôn bán cũng phong phú hơn rất nhiều. Để đáp ứng nhu cầu phát triển đó, Đồng Hỷ đã tiến hành xây dựng nâng cấp một số chợ, đồng thời khuyến khích phát triển các chợ nông thôn. Đến nay, 18/20 xã đã có chợ nông thôn. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp những năm qua đã khẳng định bước đi phù hợp trong cơ chế quản lý mới. Tuy còn nhiều khó khăn gay gắt trên thị trường cạnh tranh, các đơn vị chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng đã có những cố gắng mới, thay đổi công nghệ sản xuất và hình thành các mặt hàng chủ lực. Giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp năm 1995 đạt 5,4 tỷ (bằng 98% kế hoạch), hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm đời sống, việc làm cho người lao động. Các hoạt động thương nghiệp và dịch vụ giữ ở mức cân đối cung - cầu trên địa bàn.

Trên thực tế, mặc dù sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đồng Hỷ trong năm qua đã giữ được ổn định và phát triển, song khối lượng sản phẩm chưa nhiều, quy mô cũng còn nhỏ, công tác chỉ đạo chưa có kế hoạch cụ

¹ Báo cáo tổng kết 10 năm thực quyết định 102- HĐBT (1986-1995)- Huyện ủy Đồng Hỷ - 1995-tr.4

thể. Do đó, chưa khuyến khích được các hoạt động kinh tế ngoài quốc doanh phát triển.

Một trong những thành tựu quan trọng của Đồng Hỷ trong những năm qua là tốc độ xây dựng cơ bản khá nhanh. Mặc dù phải nhiều lần di chuyển huyện lỵ, cơ quan, từ sau Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ 17, Đồng Hỷ đã tập trung xây dựng các công trình phúc lợi như: trường học, bệnh viện, đài tưởng niệm, các công trình thủy lợi, giao thông...thiết thực góp phần nhanh chóng ổn định kinh tế, đời sống văn hóa - xã hội trên địa bàn mới.

Trong điều kiện vốn đầu tư trung của tỉnh còn hạn chế, vốn đầu tư cân đối qua nguồn ngân sách của huyện cũng chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng, huyện lỵ mới di chuyển, kinh tế chưa phát triển, đời sống nhân dân còn thấp kém, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, từ năm 1986 đến nay, Đồng Hỷ đã dành một phần lớn ngân sách của địa phương cùng với sự hỗ trợ của trên, huy động công sức lao động của nhân dân, xây dựng nhiều công trình. Trong đó, đáng chú ý là làm mới và nâng cấp nhiều tuyến giao thông nông thôn. Trong 5 năm (1991-1995), Đồng Hỷ sửa chữa 252 km đường liên xã, xóm, làm mới 120km. Với số vốn đầu tư khoảng 6152 triệu đồng (trong đó vốn đóng góp của dân là 2300 triệu), đến 1995, 20/20 xã, thị trấn có đường ô tô vào trung tâm xã, 120/250 xóm có đường cho xe cơ giới và xe thô sơ đi lại thuận tiện. Huyện còn đầu tư xây dựng 7 trạm bơm điện, bơm dầu, đưa diện tích tưới, tiêu lên 1447 ha (gấp 1,5 lần năm 1985)², hoàn thành một số công trình trọng điểm như: đường tròn thị trấn Chùa Hang, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, trụ sở UBND xã Hóa Thượng, Minh Lập. Trường học được “ngói hóa” đạt 185% kế hoạch.

Hệ thống thông tin liên lạc trong huyện phát triển ngày càng rộng khắp. Đến năm 1995, toàn huyện có 230 hộ có điện thoại. Hệ thống điện chiếu sáng, nước sạch nông thôn và thị trấn đã được xây dựng. 10/20 xã có điện về đến

² Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 102 HĐBTY (1985-1995) – Huyện Đồng Hỷ - 1995 -tr.4,5.

xóm, 19/20 xã có trạm xá đủ điều kiện khám và chữa bệnh thông thường cho nhân dân².

Nhờ biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương Tỉnh ủy, Đảng bộ Đồng Hỷ đã nhanh chóng ổn định được nền kinh tế, cơ sở hạ tầng được hoàn thiện hơn, bộ mặt đô thị phát triển nhanh chóng. Trung tâm huyện lỵ trở thành một thị trấn đông đúc, là nơi trao đổi buôn bán nhiều mặt hàng phong phú, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Với mục tiêu “xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chân chính” do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 19 đưa ra, đến nay về cơ bản Đồng Hỷ tạo được sự chuyển biến rất rõ rệt. Đời sống nhân dân các dân tộc được cải thiện. Nếu như, năm 1985, ở thị trấn Chùa Hang chỉ có hai nhà cao tầng thì đến năm 1995 đã có 157 nhà hai, ba tầng.... Ở các xã, tốc độ xây dựng cũng rất nhanh. Theo số liệu điều tra năm 1995, toàn huyện có 20.224 hộ, trong đó số hộ giàu chiếm 2%, số hộ trung bình khá 79%, số hộ nghèo 19%, số hộ có xe máy 16%, có ti vi 35%, cát xét 50%². Ở các xã, thị trấn; Trại Cau, Huống Thượng, Sông Cầu, Đồng Bầm, Chùa Hang, số hộ nghèo chỉ còn 15%.

Quán triệt chủ trương của Đảng về cuộc vận động định canh định cư, kết hợp ổn định đời sống kinh tế với tiến bộ xã hội, nhằm tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng, những năm gần đây Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo chính quyền các cấp và Ban định cư định canh xây dựng các điểm định cư, định canh, xây dựng đề án giao đất giao rừng cho đồng bào, xây dựng trường học, trạm xá, cung cấp nước sạch cho nhân dân, hướng dẫn bà con phát triển kinh tế gia đình theo mô hình VAC góp phần từng bước ổn định đời sống của đồng bào vốn đã quen du canh du cư. Nhờ thực hiện tốt chính sách định cư định canh, huyện Đồng Hỷ không những xóa bỏ được nạn đói, mà còn tạo điều kiện cho nhiều gia đình có thu nhập khá.

Do từng bước được nâng cao cả về đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, các tai, tệ nạn xã hội giảm dần. Công tác an ninh quốc phòng được Đảng bộ

^{2.2}. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 102 HĐBT (1985-1995) - Huyện Đồng Hỷ - 1995- tr.4,5.

Đồng Hỷ coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm có nội dung, biện pháp lãnh đạo cụ thể. Ngày 21-3-1994, Đảng ủy quân sự huyện được thành lập. Ngày 15-6-1994 chi bộ công an được nâng lên thành Đảng bộ. Đội ngũ cán bộ thường xuyên được bồi dưỡng, huấn luyện. Mạng lưới công an viên được tổ chức đến xóm, đến đội sản xuất. Công tác giao ban hàng tháng giữa công an huyện và cơ sở được duy trì tốt, kịp thời nắm bắt tin tức, hiện tượng và có biện pháp giải quyết. Riêng trong năm 1995, lực lượng công an đã tổ chức 6 đợt truy quét tội phạm. Tập trung phá các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, tập huấn công tác bảo vệ an ninh tổ quốc ở các xã, thị trấn, Đảng bộ chỉ đạo triển khai tốt nghị định 36CP của Chính Phủ, chỉ thị 317 của Thủ tướng Chính phủ về lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị. Nhờ làm tốt công tác này, một số loại tội phạm đã giảm nhiều như giết người giảm 30%, cưỡng và cướp đoạt tài sản cũng giảm gần 30%, ghi, đánh đề giảm nhiều so với năm 1994. Việc bắt giam, tạm giam tạm giữ cũng như quản lý các đối tượng trong thời gian giam giữ, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Những năm 1986-1989, các thế lực phản động quốc tế vẫn tiếp tục hoạt động ráo riết nhằm chống phá phong trào cách mạng Việt Nam bằng nhiều hình thức. Ở Đồng Hỷ, bọn phản động lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của Nhà nước ta để hoạt động tuyên truyền, lôi kéo những người lạc hậu, nhẹ dạ cả tin trong đồng bào theo đạo Thiên chúa và đạo Phật vào các hành vi phạm pháp¹, Đồng thời chúng gieo rắc tư tưởng hoài nghi trong nhân dân đối với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ở các xã còn có hiện tượng lén lút nghe đài địch, băng đòi truy... lực lượng an ninh Đồng Hỷ đã đề cao cảnh giác, tham mưu cho các cấp ủy, chính quyền địa phương vạch mặt những phần tử xấu, thực hiện đúng đắn tinh thần nghị quyết 40 của Ban Bí thư, Nghị quyết 297 của HĐBT, làm tốt công tác vận động quần chúng trong đồng bào các dân tộc và đồng bào theo đạo.

¹ Như trường hợp Phạm Thị Lan ở Đại Từ đã xuống Đồng Hỷ lôi kéo Nguyễn Văn Sang ở Minh Lập vào tổ chức phản động nhằm mở rộng tổ chức của chúng ở Đồng Hỷ, vận động Sang viết và rải truyền đơn tuyên truyền xấu vào tổ chức của ta.

Đặc biệt từ khi có nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VII), Đảng Hồ đã tổ chức học tập, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng về âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Huyện đã động viên lực lượng quần chúng tích cực tham gia bảo vệ an ninh chính trị trên địa bàn. Đến năm 1995, huyện có 282 tổ an ninh nhân dân, 9 tổ an ninh xung kích. Các tổ công an xã, xóm hoạt động rất tích cực, tiêu biểu là Ban công an xã Cao Ngạn, Chùa Hang, Đồng Bẩm (năm 1987 Ban công an xã Cao Ngạn được tặng danh hiệu “ đơn vị quyết thắng”, nhiều cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua).

Năm 1995, có 8/20 cơ sở được công nhận đạt “ đơn vị quyết thắng”, 10/20 cơ sở xếp loại tiên tiến, chỉ còn 2 cơ sở không được xếp loại (công an xã Minh Lập và Linh Sơn)¹.

Năm 1995, toàn huyện có trên 303 thanh niên nhập ngũ, 49 học viên đang theo học các trường quân sự, 32/32 cơ sở quân tự vệ thường xuyên được kiện toàn. Công tác huấn luyện cán bộ lãnh đạo, chỉ huy được Đảng bộ rất coi trọng. Trong 5 năm (1991-1995), toàn huyện, có 40 lượt Bí thư, Chủ tịch, 13 trưởng các ngành, 143 lượt xã đội trưởng, xã đội phó và tự vệ chuyên trách cùng 3452 lượt dân quân tự vệ được huấn luyện².

Để khuyến khích, tập trung đầu tư cho sản xuất, phát triển nền kinh tế, văn hóa và mọi mặt của đời sống xã hội, Đảng bộ Đảng Hồ đã thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành trong việc thu, chi ngân sách trên địa bàn. Đây cũng là một công tác quan trọng song hết sức khó khăn, cho nên Đảng bộ Đảng Hồ bằng những biện pháp cụ thể, chặt chẽ, đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra và kịp thời uốn nắn những sai phạm, đã làm chuyển biến căn bản tình hình thu ngân sách. Những năm này, việc thu ngân sách của huyện thường đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Năm 1988 thu ngân sách đạt 124% kế hoạch, năm 1992 đạt 116% kế hoạch, năm 1995 đạt 116,5% kế hoạch. Các xã Hóa Thượng, Văn Hán, Linh Sơn, Minh Lập trước đây có nhiều khó khăn, đã vươn lên hoàn thành

¹ Báo cáo tổng kết năm 1995 (Huyện ủy Đảng Hồ 28-1-1996) - tr.5

² Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ 19 (1991-1995), mục tiêu phương hướng nhiệm kỳ 20 (1996-2000) tháng 3-1996-tr.8.

chỉ tiêu ngân sách. Tổng thu ngân sách của huyện tăng bình quân hàng năm là 36,2%, trong đó thu thuế tăng bình quân 77%¹.

Thực hiện phương châm xã hội giáo dục của Đảng, những năm qua, Đảng bộ Đồng Hỷ cùng với ngành giáo dục tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập nhận thức đúng đắn, coi giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, Toàn Đảng, toàn dân phải tập trung đưa nền giáo dục huyện phát triển cả về số lượng và chất lượng, góp phần đặc lực vào việc nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc. Trên cơ sở đó, huyện tiếp tục duy trì ổn định, củng cố lấy chất lượng dạy và học là nhiệm vụ trung tâm của ngành, thực hiện cải cách giáo dục ở các lớp, đồng thời phát triển ngành bổ túc văn hóa cấp 3, xóa mù chữ ở các xã xa xôi.

Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở, sự nghiệp giáo dục của Đồng Hỷ đã có nhiều chuyển biến tốt, hệ thống trường lớp đã được tổ chức lại, một số trường cấp I đã tách khỏi cấp II, giải thể trường vừa học vừa làm, thành lập trường năng khiếu phổ thông cơ sở, xây dựng trường phổ thông trung học...Đến nay hầu hết các xóm, bản đều có lớp 1.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, song Đồng Hỷ luôn dành khoảng 40% ngân sách để chi cho sự nghiệp giáo dục. Cùng với việc vận động các đơn vị trên địa bàn xây dựng trường sở, mua sắm đồ dùng học tập cho học sinh, huyện đã đầu tư vốn thích đáng cho việc xây dựng cơ sở vật chất. Tính chung đến cuối năm 1995, số trường lớp được “ngôi hóa” đạt 97%, số lớp học cấp I - II tăng bình quân 6,5%/năm, số lớp cấp III tăng 21%, tổng số học sinh tăng 9,8% (năm học 1995-1996). Nếu so với năm học 1994-1995, cấp I tăng 4,8%, cấp II tăng 2,4%, cấp III tăng 8%, số học viên tham gia các lớp xóa mù chữ tăng 39%², tỷ lệ học sinh bỏ học ngày một giảm (năm học 1994-1995 chỉ còn 1%, trong khi năm học 1986-1987, một số nơi xa xôi, học sinh bỏ học tới 10-15%, nơi ít cũng là

¹ Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ 19 (1991-1995), mục tiêu phương hướng nhiệm kỳ 20 (1996-2000) tháng 3-1996-tr.2.

² Báo cáo tổng kết năm 1995- Huyện ủy Đồng Hỷ 1995 - tr.3.

3-4%). Tình trạng học ba ca đã được xóa bỏ. Toàn huyện có 11 xã được phổ cập cấp I và xóa mù chữ ¹.

Không chỉ phát triển về số lượng, mà chất lượng giáo dục cũng được nâng cao hơn. Năm học nào huyện cũng có học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia. Năm học 1994-1995, Đồng Hỷ có 3 học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia, 700 học sinh giỏi cấp huyện và nhiều học sinh giỏi cấp tỉnh (riêng trường năng khiếu của huyện trong năm học 1995-1996 có 25 em học sinh giỏi cấp tỉnh, 3 học sinh giỏi cấp quốc gia. Tỷ lệ học sinh giỏi của trường chiếm 18%, học sinh tiên tiến 54% ². Phong trào học vì tính, ngoại ngữ đã và đang phát triển rộng khắp, thu hút ngày càng đông người theo học.

Với phương châm dạy tốt phải bắt đầu từ quản lý tốt, các cấp bộ Đảng ở Đồng Hỷ rất quan tâm tới đội ngũ giáo viên của huyện, nhất là giáo viên ở các xã vùng sâu, vùng xa. Trong hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước, nhất là khó khăn về kinh tế, đặc biệt là từ cuối năm 1990, đầu năm 1991, mất mùa, giá cả biến động, lương thấp và thường bị chậm, có khi chậm tới 2-3 tháng, đời sống của giáo viên càng khó khăn hơn.

Trước tình hình đó, để duy trì, phát triển giáo dục, khuyến khích, động viên kịp thời đội ngũ giáo viên, huyện quy định một số chế độ ưu đãi đối với giáo viên miền núi. Những tháng chậm lương, huyện đã ứng tiền trước cho giáo viên vay. Nhờ có sự quan tâm của Đảng bộ cùng với sự giúp đỡ, ủng hộ của các bậc phụ huynh học sinh, đời sống giáo viên được cải thiện dần, giáo viên thêm yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm hơn trong giảng dạy.

Huyện thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ kết hợp với việc kiểm tra, đánh giá chất lượng đối với giáo viên đồng thời chú trọng tăng cường giáo viên cho vùng cao và những nơi có khó khăn. Huyện cũng có chính sách động viên kịp thời, thỏa đáng với giáo viên dạy giỏi, khuyến khích

¹ Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ 19 (1991-1995) mục tiêu phương hướng nhiệm kỳ 20 (1996-2000) Huyện ủy Đồng Hỷ tháng 3-1996 – tr.5.

² Báo Thái Nguyên số 4 (141-1997)

phát triển phong trào thi đua hai tốt. Trong những năm gần đây, huyện thường xuyên tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, được đông đảo giáo viên tham gia. Năm học 1988-1989, ngành mầm non có 23 cô giáo dự thi, 13 cô đạt loại giỏi, khối phổ thông cơ sở có 12 cô giáo dự thi, 9 cô đạt loại giỏi.

Tuy nhiên việc cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy chưa được nhiều giáo viên quan tâm. Tình trạng dạy “chay” ở các trường còn khá phổ biến, học sinh bỏ học vẫn còn, đời sống giáo viên ở những xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thông tin và thể dục thể thao đã trở thành một phong trào quần chúng ngày càng sôi nổi, góp phần đem lại cuộc sống văn hóa, tinh thần vui tươi, lành mạnh. Các xã vùng sâu, vùng xa đã lập được đội văn nghệ quần chúng, thường xuyên tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân. Nhiều đội tuyển bóng đá, cầu lông của huyện đã được thành lập. Đến nay đã có 10 xã, thị trấn, 80% các trường học trên địa bàn tổ chức tốt các hoạt động văn hóa thể thao. Nhiều xã, thị trấn như Đồng Bẩm, Chùa Hang, Văn Hán đã triển khai nội dung xây dựng gia đình văn hóa mới đạt kết quả tốt. Toàn huyện có 305 hộ gia đình được đề nghị công nhận đủ tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Công tác quản lý văn hóa được phối hợp với các ngành liên quan và các cơ sở kiểm tra thu giữ 750 băng hình phát hành trái phép, xóa bỏ tại chỗ 150 băng Karaoke sử dụng không hợp pháp, xử lý cảnh cáo 13 trường hợp, đình chỉ 21 trường hợp, phạt hành chính 7 trường hợp thu 2,3 triệu đồng nộp ngân sách địa phương¹. Đài truyền thanh huyện không ngừng vươn lên làm tốt chức năng cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, tiếng nói của nhân dân. Cùng với các hình thức tuyên truyền khác, Đài đã truyền đạt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương tới quần chúng nhân dân.

Quán triệt Nghị quyết 24 của Bộ chính trị về công tác tôn giáo, các hoạt động tôn giáo ở Đồng Hỷ được coi trọng đúng mức. Hoạt động từ thiện ngày

¹ Báo cáo UBND huyện về việc đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1995 và phương hướng nhiệm vụ kinh tế năm 1996 tại kỳ họp thứ 4 – HĐND huyện khóa 15 (UBND huyện Đồng Hỷ - 30-12-1995)- tr.7.

càng được đông đảo tầng lớp dân cư hưởng ứng, phong trào “gây quỹ tình nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn” được phát triển sâu rộng và có hiệu quả thiết thực. Nhiều sổ tiết kiệm do nhân dân đóng góp đã được trao cho các gia đình chính sách, khó khăn. Huyện đã thực hiện 15 dự án, giải quyết 900 lao động có việc làm với số vốn 590 triệu đồng, trợ cấp cho 39 trường hợp khó khăn đột xuất và 33 bị thiệt hại tài sản do lũ lụt gây ra. Công tác thương binh, liệt sĩ và chăm sóc những người có công với Nước cũng được Đảng bộ, chính quyền và các ngành quan tâm động viên và thăm hỏi kịp thời trong những ngày lễ, tết. Những chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước được huyện quán triệt, thực hiện đúng đắn và linh hoạt với nhiều hình thức hoạt động phù hợp, từng bước làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, góp phần vào sự ổn định chung trên địa bàn, mở ra những khả năng mới trong quá trình thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo đối với các đối tượng chính sách.

Nghị quyết của các đại hội Đảng bộ huyện thường xuyên đề cập tới vấn đề nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh của ngành y tế.

Thực hiện chủ trương đó, những năm qua huyện đã xây dựng xong bệnh viện huyện có phòng khám đa khoa, các trạm y tế xã, thị trấn, với nhiều trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Nhằm đáp ứng yêu cầu của nhân dân, đến năm 1995, 19/20 xã của Đồng Hỷ có trạm xá lợp ngói (gấp 9 lần năm 1985), mỗi cơ sở có 1 bác sỹ. Trong năm có 29.400 lượt người khám bệnh và 7700 người nằm điều trị nội trú¹. Công suất sử dụng giường bệnh đạt 101%. Đội ngũ cán bộ y, bác sỹ thường xuyên được bổ sung, đồng thời được cải thiện một bước chế độ phụ cấp, tạo điều kiện phục vụ tốt hơn việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân địa phương.

Các chương trình y tế dự phòng như tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét, bấu cổ, bại liệt cho trẻ em đều được triển khai đến cơ sở, đạt tỷ lệ từ 90% trở lên. Bệnh viện huyện còn phối hợp với các ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội để thực hiện các chương trình phục hồi dinh dưỡng và hỗ trợ trẻ

¹ Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái (1991-1995) - cục Thống kê Bắc Thái - tháng 12- 1995-tr.101,102

em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và bị tật nguyền. Cũng trong thời điểm này, một số cơ sở y học dân tộc được hình thành, bước đầu phát huy tác dụng khám và điều trị bệnh kịp thời.

Năm 1990, Ủy ban dân số kế hoạch hóa gia đình của huyện được thành lập. Ủy ban đã phối hợp với các cấp, các ngành, các đoàn thể xã hội tăng cường và mở rộng hệ thống truyền thông đến tận cơ sở, kể cả một số vùng dân tộc ít người. Với hình thức tuyên truyền phong phú, phù hợp với từng đối tượng và có tính thuyết phục cao, cuộc vận động thực hiện sinh đẻ có kế hoạch được đông đảo nhân dân hưởng ứng và đạt được kết quả rõ rệt. Nếu số con bình quân trong mỗi gia đình năm 1991 là 4,4 thì đến năm 1995 là 3,6 con. Tỷ lệ người sinh con thứ ba của huyện đã giảm 2% so với kế hoạch. Thị trấn Sông Cầu là một trong những điển hình tốt về công tác này. Tại đây, tính đến năm 1995, tổng số 725 cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có trên 500 cặp tự nguyện dùng các biện pháp tránh thai, thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, không sinh con thứ 3. Thị trấn Sông Cầu trở thành một điểm sáng của huyện và của tỉnh¹.

Điều đáng chú ý là cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đã trở thành 1 phong trào, lan rộng tới đồng bào dân tộc ít người. Nhờ vậy, đến năm 1995, tỷ lệ tăng dân số của huyện Đồng Hỷ giảm xuống còn 1,7% (năm 1985 là 2,2%)²

Trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần VI đề ra, Đồng Hỷ có nhiều đổi thay. Cùng với sự chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội... dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, bộ máy chính quyền và các đoàn thể các cấp trong huyện cũng ngày càng được củng cố, kiện toàn.

Theo chủ trương của Chính phủ và của tỉnh đối với công tác chính quyền, Đồng Hỷ đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho 645 thành viên Hội đồng nhân dân từ cơ sở đến huyện, cử nhiều cán bộ ủy ban và các ngành đi dự các lớp bồi dưỡng của tỉnh. Nhờ đó chất lượng công tác chính quyền các cấp không

¹ Đồng Hỷ hôm nay (tập san) - Huyện ủy - HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ và báo Bắc Thái - 1995.

² Báo cáo tổng kết 10 thực hiện quyết định 102 - HĐBT (1985 - 1995) - Huyện ủy - tr.6

ngừng được nâng lên. Công tác điều hành quản lý Nhà nước của Ủy ban có những mặt tiên bộ, nhất là công tác quản lý sản xuất nông nghiệp, quản lý đất đai và quản lý các nguồn vốn đầu tư.

Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao mọi hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, làm cho những hoạt động đó ngày càng thiết thực và phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Nét nổi bật trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc những năm qua là đã tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, từng bước thực hiện nền dân chủ XHCN. Riêng năm 1993, mặt trận tổ chức 62 điểm dân cư, tiếp xúc giữa cử tri với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, tạo bầu không khí đối thoại thẳng thắn giữa quần chúng và đại biểu của mình, tham gia công tác bảo vệ trật tự trị an, chăm sóc người cao tuổi ¹

Đoàn thanh niên cũng có nhiều hoạt động thiết thực, thu hút thế hệ trẻ tham gia câu lạc bộ gia đình trẻ, câu lạc bộ tiền hôn nhân, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... Năm 1995 có 18/20 cơ sở đoàn thanh niên đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho gần 600 cán bộ. 9/37 cơ sở xếp loại 1, 11/37 cơ sở xếp loại 2, 17/37 cơ sở xếp loại 3, không có đơn vị yếu kém ².

Hội phụ nữ từ huyện đến cơ sở đã tập trung chỉ đạo thực hiện các cuộc vận động: Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, tổ chức vay vốn phát triển sản xuất. Hội còn mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức khoa học cho hàng ngàn chị em, góp phần tích cực và hiệu quả vào cuộc vận động dân số - kế hoạch hóa gia đình. Trong phong trào, nhiều điển hình tốt xuất hiện, tiêu biểu là chi hội xã Khe Mo, Văn Hán, Chùa Hang... Qua phân loại năm 1995, toàn huyện có 9/22 cơ sở xếp loại 1; 8/22 cơ sở xếp loại II; 1/22 cơ sở xếp loại III; 3/22 cơ sở xếp loại IV ³.

Hội nông dân và Hội cựu chiến binh cũng được kiện toàn một bước với nhiều nội dung hoạt động phù hợp: Hội cựu chiến binh đã xây dựng được mô

¹ Báo cáo kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ 19 và những định hướng công tác để tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu KTXH đến năm 1995-HUĐH-tr.7

² Báo cáo tổng kết năm 1995 (Huyện ủy Đồng Hỷ 28-1-1996)-Tr.7.

³ Báo cáo tổng kết năm 1995 - Huyện ủy Đồng Hỷ.

hình kinh tế gia đình của các hội viên, thường xuyên giúp đỡ, thăm hỏi hội viên khi ốm đau, tạo nên sự gắn bó giữa các hội viên với tổ chức của mình. Hội nông dân với phong trào tổ chức kỹ thuật làm vườn, xây dựng vườn cây tình nghĩa đã góp phần tạo nên thế mạnh của kinh tế VAC ở địa phương. Năm 1995, Đồng Hỷ có 13/18 cơ sở xếp loại I, 5/18 cơ sở xếp loại II¹.

Những thắng lợi thu được trong 10 năm đổi mới trên tất cả các mặt thể hiện sự đúng đắn của đường lối, chủ trương do Đảng và Nhà nước vạch ra, đồng thời cũng phản ánh kết quả của công tác xây dựng Đảng bộ huyện Đồng Hỷ.

Trong bối cảnh nền kinh tế còn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, dẫn đến sự sụp đổ. Nhiều quan điểm khác nhau về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về chủ nghĩa xã hội, song, Đảng bộ Đồng Hỷ - với bản lĩnh chính trị vững vàng - kịp thời có những chủ trương, biện pháp đúng đắn trong phát triển kinh tế ổn định đời sống, quyết tâm xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Trong Đảng bộ, công tác giáo dục tư tưởng chính trị luôn được coi trọng đúng mức, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Từ tháng 6-1992, Đảng bộ đã củng cố, duy trì chế độ sinh hoạt báo cáo viên. Qua đó, lượng thông tin chính thức, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được truyền đạt rộng rãi và có hệ thống. Tính đến tháng 5- 1995, Đồng Hỷ đã tổ chức được 1230 buổi nói chuyện thời sự, phổ biến chính sách, truyền đạt Nghị quyết cho 62.269 lượt người², giúp cán bộ, đảng viên và quần chúng vượt qua sự chao đảo về tư tưởng do tác động xấu của tình hình chính trị thế giới và một số tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, tăng lên.

Căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, phát huy những mặt mạnh của những năm trước, Đảng bộ Đồng Hỷ đã chủ động cụ thể hóa các nhiệm vụ phát

¹ Báo cáo tổng kết năm 1995 - Huyện ủy Đồng Hỷ.

² Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương III về đổi mới chính đồn Đảng (Huyện ủy Đồng Hỷ 20-6-1995)-tr.2.

triển kinh tế, xã hội trên địa bàn bằng những chủ trương phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

Nhờ tính đúng đắn, kịp thời của các chủ trương và được đông đảo quần chúng nhân dân trong huyện đồng tình ủng hộ mà nền kinh tế, văn hóa, xã hội... của huyện ngày càng ổn định, phát triển hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội.

Đến năm 1995, Đảng Huyện đã có 48 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó 17 Đảng bộ xã, hai Đảng bộ thị trấn, 3 Đảng bộ xí nghiệp, 26 chi bộ trực thuộc, 2 Đảng bộ cơ quan, 225 chi bộ dưới Đảng bộ cơ sở¹. Năng lực lãnh đạo của từng Đảng bộ được nâng lên, chế độ sinh hoạt ngày một chặt chẽ hơn, có nội dung sinh hoạt phong phú, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Năm 1995, số Đảng bộ trong sạch vững mạnh là 58%, khá là 37%, yếu 6%, không có Đảng bộ kém (năm 1994 là 56,5% trong sạch vững mạnh, 32% khá, 10,9% yếu)².

Thấu suốt quan điểm “xây dựng Đảng làm gốc, xây dựng kinh tế làm nền, gốc có chắc cây mới tươi cành xanh lá”. Công tác tổ chức cán bộ được coi là khâu cốt lõi có ý nghĩa quyết định trong công việc hàng ngày của địa phương. Đảng bộ đã chú ý kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các ngành, các cấp đảm bảo đủ về số lượng, vững về chuyên môn, nghiệp vụ. Đến năm 1995 hầu hết các chi ủy viên, đảng ủy viên cơ sở đã qua bồi dưỡng công tác Đảng. Những nơi có biểu hiện trì trệ đã được kịp thời uốn nắn. Hàng chục cán bộ đã được đào tạo qua các lớp ngắn hạn, dài hạn của tỉnh và Trung ương, kết hợp với việc đào tạo thông qua thực tế công tác.

Việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng được các cấp ủy từ huyện đến cơ sở tập trung lãnh đạo nghiêm túc, 100% cơ sở Đảng, 100% cán bộ đảng viên được học tập nghị quyết. Thông qua đó, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ được củng cố, đáp ứng được yêu cầu

¹ Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ 19 (1991-1995) mục tiêu phương hướng nhiệm kỳ 20 (1996-2000)- Huyện ủy Đồng Hỷ tháng 3-1996 – tr.11.

² Báo cáo tổng kết năm 1995- Huyện ủy Đồng Hỷ -28-1-1996-tr.10.



cấp bách của cách mạng. Qua việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Đảng bộ được tiếp thu nhiều ý kiến đầy trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Các hiện tượng buông lỏng, thiếu đoàn kết, xa rời quần chúng...trong lãnh đạo của tổ chức Đảng và đảng viên từng bước được phê phán, khắc phục kịp thời.

Cùng với sự tiến bộ về tổ chức, công tác rèn luyện đảng viên những năm qua đã có những tiến bộ không ngừng. Đảng bộ xác định việc nâng cao chất lượng đảng viên là mối quan tâm hàng đầu của Đảng. Đảng bộ coi trọng chất lượng phát triển đảng viên mới, đồng thời triển khai sâu rộng việc kiểm tra đội ngũ đảng viên chấp hành điều lệ Đảng, nhằm giúp cho đảng viên giữ gìn được phẩm chất. Tính đến 15/12/1995, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ là 3184 đồng chí, trong đó đảng viên chính thức là 3000 (tăng 4% so với năm 1994)¹. Qua bình xét, phân loại 2518 đồng chí, đảng viên loại I là 2199 đồng chí (bằng 87%); loại II là 284 đồng chí (bằng 11%); loại III là 34 đồng chí (bằng 1,3%); loại IV là 1 đồng chí².

Việc sàng lọc, xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật được thực hiện chặt chẽ, nghiêm minh. Từ năm 1992 đến nay, Đồng Hỷ đã xử lý kỷ luật 72 đảng viên, trong đó 24 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Bên cạnh công tác phát triển, bồi dưỡng, giáo dục đảng viên, Đảng bộ Đồng Hỷ rất quan tâm tới công tác bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ phù hợp với công việc thực hiện trẻ hóa đội ngũ kết hợp với việc cơ cấu 3 độ tuổi, nhằm khai thác kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ có thâm niên công tác, phát huy tính nhạy bén, xóc vác của lớp trẻ, tạo ra chất lượng công tác cao.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đồng Hỷ còn thể hiện bằng việc cải tiến lề lối làm việc của các cấp ủy. Hầu hết các cấp ủy có quy chế làm việc rõ ràng, thực hiện giao ban hàng tuần giữa Bí thư, Chủ tịch và các ngành giúp cho việc nắm bắt thông tin được chính xác, kịp thời. Không khí dân chủ và tính dân chủ trong sinh hoạt Đảng của các tổ chức, nhất là cấp ủy các cấp, các ngành đã được

^{1 2}. Báo cáo tổng kết năm 1995- Huyện ủy Đồng Hỷ - 28-1-1996-tr.10.

chú trọng, có nhiều tiến bộ. Trong 10 năm qua, Đảng bộ Đồng Hỷ luôn được đánh giá là Đảng bộ đứng đầu trong số các Đảng bộ huyện miền núi. 100% số ủy viên trong Ban chấp hành Đảng bộ huyện đạt tiêu chuẩn tiên phong gương mẫu loại I. Trong 5 năm liên tục (1991-1995), Ban chấp hành Đảng bộ huyện được Tỉnh ủy tuyên dương. Nhiều Đảng bộ cơ sở, tiêu biểu là Đảng bộ Trại Cau, Chùa Hang, Đồng Bầm, Sông Cầu, Công an huyện v.v...trong nhiều năm liền được công nhận Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên so với yêu cầu của công cuộc đổi mới do Đảng ta chủ trương, công tác xây dựng Đảng ở Đồng Hỷ thời gian qua còn có một số tồn tại: Việc đánh giá chất lượng đảng viên còn mang nặng cơ chế quản lý cũ, còn có tư tưởng bảo thủ, cục bộ. Công tác rèn luyện đội ngũ đảng viên còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công việc, nhất là sự hiểu biết về luật pháp và trình độ văn hóa nói chung. Chế độ sinh hoạt Đảng ở một số cơ sở còn thất thường, nội dung sơ sài.

Những kết quả đạt được của 10 năm đổi mới ở Đồng Hỷ đã chứng tỏ Đảng bộ huyện Đồng Hỷ là một Đảng bộ có năng lực vững vàng, nhạy bén, sáng tạo trong mọi hoàn cảnh, một Đảng bộ có tổ chức kỷ luật chặt chẽ, chế độ tập trung dân chủ được giữ vững. Đảng bộ đã có nhiều cố gắng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Mọi đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của tổ chức Đảng cấp trên được kịp thời quán triệt trong toàn Đảng bộ. Nhờ đó, trải qua 10 năm đổi mới, từ một huyện vốn nghèo khó trước đây, Đồng Hỷ đã trở thành một địa phương có nền kinh tế phát triển khá toàn diện của tỉnh Thái Nguyên. Đảng bộ thực sự là chỗ dựa tin cậy của nhân dân Đồng Hỷ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

KẾT LUẬN

Từ 1930 đến 1995, thời gian trôi qua đã trên nửa thế kỷ. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ vô cùng tự hào với truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang của mình.

Nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Thái Nguyên, nơi thực dân Pháp duy trì bộ máy đàn áp mạnh để kìm kẹp, khống chế nhân dân, trong thời kỳ 1930-1945, Đồng Hỷ chưa có điều kiện xây dựng cơ sở Đảng. Mặc dù vậy, sẵn có truyền thống yêu nước và đấu tranh bất khuất, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ đã từng bước tham gia đấu tranh anh dũng dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng cộng sản Việt Nam. Vào những năm 40, những cơ sở cách mạng đầu tiên ra đời trên địa bàn Đồng Hỷ. Một số thanh niên được giác ngộ, trở thành những chiến sĩ cách mạng trung kiên, gan dạ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cách mạng giao phó. Khi thời cơ thuận lợi xuất hiện, hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh, nhân dân các dân tộc trong huyện vùng dậy đập tan chính quyền đế quốc, phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng.

Cùng với cả nước, sau thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ được sống cuộc đời độc lập tự do, trở thành người làm chủ xã hội. Trải qua thực tiễn đấu tranh, trước yêu cầu của cách mạng trong thời kỳ mới, các tổ chức Đảng lần lượt ra đời, trở thành hạt nhân lãnh đạo ở địa phương. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ vừa ra sức tăng gia sản xuất, làm tròn vai trò hậu phương đối với tiền tuyến, vừa trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ quê hương, giữ vững sự an toàn cửa ngõ phía nam của ATK Trung ương. Đảng bộ và nhân dân Đồng Hỷ đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954).

Sau khi hòa bình lập lại, trong niềm vui chung của dân tộc, Đảng bộ Đồng Hỷ lãnh đạo nhân dân địa phương nhanh chóng hoàn thành khôi phục kinh tế, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ cuối năm



1965, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đồng thời tích cực chi viện mọi mặt cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Với cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, miền Nam nước ta được hoàn toàn giải phóng, kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong chiến công chung của cả nước, có một phần đóng góp đáng kể của Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Hỷ.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Đồng Hỷ tích cực thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ năm 1986, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ bước vào thời kỳ đổi mới.

Kể từ lúc ra đời, Đảng bộ Đồng Hỷ đã trải qua 50 năm. Quãng thời gian ấy đã chứng kiến những bước trưởng thành nhanh chóng của Đảng bộ. Từ chỗ ban đầu chỉ có vài đảng viên, sau nửa thế kỷ, đến cuối năm 1995, Đảng bộ Đồng Hỷ đã có gần 3200 đảng viên. Cùng với sự tăng lên về số lượng, trình độ văn hóa cũng như trình độ lý luận của đảng viên trong Đảng bộ không ngừng được nâng lên. Phẩm chất, tư cách, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên thường xuyên được trau dồi, rèn luyện. Chế độ sinh hoạt Đảng, đấu tranh tự phê bình và phê bình được duy trì đều đặn. Những hiện tượng sai trái trong cán bộ, đảng viên được kịp thời phê phán, ngăn chặn, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ. Nhờ đó, Đảng bộ luôn phát huy được vai trò tổ chức và lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ ngày càng được nâng cao và mở rộng trong quần chúng. Từ thực tế này, Đảng bộ đã rút ra một số kinh nghiệm quý báu trong công tác xây dựng Đảng là phải thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, làm cơ sở cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân.

Trong 50 năm hoạt động và trưởng thành, Đảng bộ Đồng Hỷ luôn thể hiện tính chủ động, sáng tạo. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng bộ cấp trên đều được kịp thời triển khai thực hiện bằng những hình thức, biện pháp thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, tùy theo yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, các phong trào thi đua cũng được phát động dưới những hình thức và tên gọi khác nhau, có tác dụng cổ vũ tính tích cực cách mạng của mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt trong những năm gần đây, khi bước vào công cuộc đổi mới, Đảng bộ đã tỏ rõ tính nhạy bén, năng động trước sự chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường. Chính vì vậy, công cuộc đổi mới của Đồng Hỷ đã mang lại nhiều kết quả to lớn. Nhạy bén, chủ động và sáng tạo là một thành công lớn và cũng là một bài học kinh nghiệm của Đảng bộ Đồng Hỷ trong 50 năm qua.

Cùng với sự trưởng thành của Đảng bộ, trong nửa thế kỷ vừa qua, bộ mặt kinh tế - xã hội của huyện Đồng Hỷ có nhiều thay đổi rất nhanh chóng. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong huyện được nâng lên rõ rệt. Mục tiêu “xóa đói, giảm nghèo khuyến khích làm giàu chân chính” do Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX đề ra đã và đang từng bước trở thành hiện thực.

Trên chặng đường đi tới mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” còn nhiều khó khăn, gian khổ. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta những nhiệm vụ mới rất nặng nề. Song, với những thành tựu và những kinh nghiệm đã đạt được trong 50 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ sẽ phấn đấu xây dựng quê hương mình trở nên giàu đẹp.

Mùa xuân 1998

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY CHỦ TỊCH UBND HUYỆN ĐỒNG HỖ QUA CÁC THỜI KỲ

Từ năm 1945 đến 1950, do nhu cầu công tác ở Đảng bộ Đồng Hỷ cũng như các huyện Đảng bộ khác trong tỉnh, Tỉnh ủy Thái Nguyên nhiều lần điều động, bố trí lại cán bộ, đáp ứng yêu cầu chung. Nên thời gian này theo điều tra ban đầu có tới 8 lần thay đổi chức vụ Bí thư Huyện ủy. Những lần điều động ấy đều bằng quyết định miệng của cấp trên trực tiếp trao nhiệm vụ, nên không có văn bản. Vì vậy, đến nay danh sách các đồng chí làm Bí thư Huyện ủy thời kỳ này chỉ dựa theo trí nhớ của một số đồng chí đã hoạt động thời kỳ ấy. Do trí nhớ có hạn nên không thể tránh khỏi thiếu sót về danh sách, về thời gian giữ chức vụ Bí thư của từng đồng chí. Mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí và bạn đọc để Huyện ủy có danh sách đầy đủ chính xác hơn cho lần tái bản cuốn sách này.

1. Danh sách các đồng chí Bí thư Huyện ủy:

1. Đồng chí Trịnh Thị Tâm - Trưởng ban cán sự Đảng (thời kỳ bí mật)
2. Đồng chí Trường Sinh - 1946.
3. Đồng chí Đào Văn Long (Ngọc Lan) - cuối 1946 đầu 1947.
4. Đồng chí Quang Huy - 1947
5. Đồng chí Đặng Dũng - 1948 -1949
6. Đồng chí Lê Minh Thi - 1949
7. Đồng chí Lưu Thanh Phong - 1949
8. Đồng chí Trần Tường - 1950
9. Đồng chí Đào Công Báo - 1951
10. Đồng chí Hoàng Công Bắc - 1951
11. Đồng chí Nguyễn Trình - 1951-1954
12. Đồng chí Triệu Quang Sơn - 1955-1959

- | | |
|------------------------------|--|
| 13.Đồng chí Dương Văn Thơ | - 1960-1962 |
| 14.Đồng chí Lý Văn Khâm | - 1962-1964 |
| 15.Đồng chí Ma Văn Quyên | - 1965-1966 |
| 16. Đồng chí Trần Đức Thượng | - 1966-1967 |
| 17. Đồng chí Huỳnh Hữu Ích | - 1967 -1977 (khóa 11, 12, 13) |
| 18. Đồng chí Nguyễn Văn Tuế | - 1977-1984 (khóa 14, 15, 16) |
| 19. Đồng chí Nguyễn Sơn Oanh | - 1984 đến nay (Khóa 16, 17,
18, 19, 20). |

2. Danh sách các đồng chí Chủ tịch UBND huyện

- | | |
|-------------------------------|-----------------|
| 1. Đồng chí Vũ Văn Dĩnh | -1945. |
| 2. Đồng chí Lương Đình Dương | - 1946. |
| 3. Đồng chí Ngô Văn Viên | - 1947-1948 |
| 4. Đồng chí Nguyễn Hữu Tài | - 1949-1950 |
| 5. Đồng chí Lê Phương | - 1951 |
| 6. Đồng chí Triệu Quang Sơn | - 1951-1954 |
| 7.Đồng chí Trịnh Xuân Điền | - 1955- 1967 |
| 8. Đồng chí Dương Văn Cốc | - 1968-1979 |
| 9. Đồng chí Nguyễn Thanh Thủy | - 1980-1987 |
| 10. Đồng chí Hoàng Lịch | - 1987-1991 |
| 11. Đồng chí Nguyễn Văn Kim | - 1991 đến nay. |

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	
<i>Chương I</i> Huyện Đồng Hỷ qua các thời kỳ lịch sử	4
<i>Chương II</i> Phong trào đấu tranh cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1930-8-1945)	13
<i>Chương III</i> Đảng bộ Đồng Hỷ ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân; tích cực tham gia kháng chiến (9-1945-7-1954)	30
<i>Chương IV</i> Đảng bộ Đồng Hỷ lãnh đạo thực hiện kế hoạch khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa (7-1954 - 9-1965)	60
<i>Chương V</i> Đảng bộ Đồng Hỷ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại; tích cực chi viện miền Nam, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (10-1965 – 4-1975)	81
<i>Chương VI</i> Đảng bộ Đồng Hỷ trong thời kỳ bảo vệ và xây dựng tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (5-1975 -1985)	97
<i>Chương VII</i> Đảng bộ Đồng Hỷ trong thời kỳ đổi mới 1986-1995)	121
KẾT LUẬN	149
PHỤ LỤC	153

